HENRI CAZELLES

HÀNH TRÌNH TÌM HIỂU ÔNG MÔSÊ

cerf

HÀNH TRÌNH TÌM HIỂU ÔNG MÔSÊ

HENRI CAZELLES

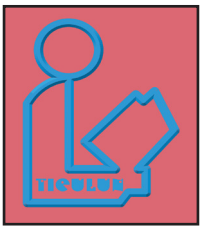

Lời Nói Đầu

Nhân vật Môsê không thuộc về nền chính trị lớn của thời đại ông. Đây là trường hợp của hầu hết những người sáng lập tôn giáo. Họ phản ứng lại thời đại của mình nhưng họ luôn giữ một khoảng cách nhất định trước nó. Nằm ở ngoài rìa so với hàng loạt nhân vật chính trị đương thời, hình tượng tôn giáo của họ được phác họa sau này bởi những môn đệ vừa kính trọng vừa bị mê hoặc bởi những điều mà người thầy đã cho họ thấy trong hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác. Hình tượng này được khắc họa qua nhiều thế kỷ và nó có thể đạt tới tầm vóc khổng lồ. Trong trường hợp của Môsê, chúng ta nghĩ đến ngôi mộ của Giáo hoàng Julius II do Michelangelo thực hiện.

Thế kỷ của chúng ta không tìm cách làm tăng thêm tầm vóc siêu nhân của những con người này. Nó cố gắng xác định rõ tính nhân bản của họ hơn. Chúng ta tìm thấy sự vĩ đại của họ không phải trong huyền thoại, mà trong cuộc đời của họ. Làm sao họ có thể sống, tiếp nhận và truyền lại một tia lửa sống giữa những sức mạnh vật lý, sinh lý và xã hội học vốn có thể nâng đỡ nhưng cũng có thể nghiền nát con người bằng xương bằng thịt mà chúng ta là, cũng như chính họ đã từng ? Tìm lại được Môsê bằng xương bằng thịt, nhưng là một

con người bằng xương bằng thịt được thúc đẩy bởi một tinh thần đã biến ông thành Môsê của Kinh Thánh, của kinh Coran và của các nghệ sĩ như Michelangelo, đó là tham vọng của thế kỷ chúng ta và, hơn cả tham vọng, là nhiệm vụ của nó.

Nhiệm vụ này đã khơi dậy sự tham gia của nhiều người lao động chăm chỉ và trong số đó có những thiên tài. Nhưng thật không dễ dàng để tìm lại hình tượng con người chân thực của Môsê thông qua các lăng kính khác nhau, đôi khi làm biến dạng, vốn đã truyền lại hình tượng của ông trong những văn bản chịu điều kiện lịch sử. Ngay từ đầu, Môsê tiên tri trong kinh Coran đã không còn hoàn toàn là Môsê trung gian của Luật Pháp theo Phao-lô và Tân Ước. Môsê của Tân Ước này không chỉ có những nét của chính Cựu Ước. Và trong Cựu Ước, thật là đa dạng và phong phú các chân dung ! Chẳng lẽ phải lựa chọn giữa Môsê nhút nhát trong Xuất Hành chương 4 và Môsê hống hách trong các tai ương của Ai Cập ? Giữa Môsê khiêm nhường và hiền lành trong Dân Số chương 12 và Môsê giận dữ trong Xuất Hành chương 32 ? Chúng ta sẽ thận trọng để không làm điều đó.

Chúng ta cũng sẽ thận trọng không lựa chọn giữa các Môsê khác nhau mà các nhà phê bình hiện đại trình bày. Các tác giả này, dấn thân vào nhiệm vụ mà chúng ta cũng đang cố gắng theo sau họ, đã có thể đề cao điểm này so với điểm khác. Môsê của J. Wellhausen là người giải phóng khỏi Ai Cập, người đã lưu trú trong ốc đảo Kadesh hơn là nhà lập pháp của truyền thống Do Thái. Môsê của E. Meyer trước hết là thầy tế lễ của Kadesh. Môsê của Gunkel là người sáng lập quốc gia, người sáng lập cộng đồng Israel, mặc dù không thể xác định chi tiết của sự sáng lập này. «Cân nhắc mọi điều, chúng ta nhận ra hình tượng của Môsê như thể phân biệt các đường nét của một khối núi khổng lồ xuyên làn sương mù.» Nhờ vào bối cảnh lịch sử (người Hebrew/Hapiru), thể chế (Sinai) và địa lý (Goshen, Kadesh), Gressmann làm rõ những đường nét này. Nhưng trường phái được gọi là lịch sử truyền thống có xu hướng phân tích các văn bản Ngũ Kinh dựa trên một số chủ đề lớn khá mơ hồ (ra khỏi Ai Cập, sa mạc…) và dao động trong cách kết nối Môsê với chúng. Đối với M. Noth, Môsê khó mà hơn được một ngôi mộ trên núi Nébo. Sau ông, một loạt chuyên khảo (Coats, Simpson, Gunneweg, R. Smend, H. Seebass, H. Schmid, V. Fritz) đã khôi phục giá trị của các mối liên hệ giữa Môsê, các bộ tộc miền nam, đông và bắc, thậm chí cả Ai Cập (S. Herrmann). Sự tồn

tại và thẩm quyền của các văn bản Kinh Thánh là không thể giải thích được nếu Môsê không là một nhân vật quan trọng nào đó đối với các bộ lạc hoặc nhóm bộ lạc đã cấu thành nên Israel.

Trên thực tế, nếu những bức chân dung về Môsê được trình bày cho chúng ta rất khác nhau, thì chúng cũng không quá mâu thuẫn. Nhờ những khám phá hiện đại về phương Đông cổ đại, chúng ta biết được nhiều điều về thời đại của Môsê, và nhờ những nhà du hành dũng cảm, chúng ta biết tương đối rõ về các khu vực mà Kinh Thánh dẫn dắt ông.

Một sự nghiên cứu kiên nhẫn các văn bản, câu từng câu, chữ từng chữ, cũng đã dạy chúng ta cách tôn trọng các văn bản Kinh Thánh. Chúng ta không còn tiếp cận chúng như một câu chuyện ly kỳ mà người ta đọc một cách hời hợt nữa. Người ta tính đến truyền thống sống động nơi chúng được sinh ra và lịch sử của các nhóm đã truyền lại chúng cho chúng ta không mà không sửa đổi chúng ; đôi khi đó chỉ là sự trung thành thuần túy để giữ lại nội dung trong khi văn hóa thay đổi. Nhà sử học luôn xuất phát từ các văn bản như chúng được truyền lại cho ông ta, nhưng ông ta phải biết trong những điều kiện nào và dưới những mệnh lệnh nào mà việc truyền lại này được thực hiện. Văn bản Kinh Thánh vô cùng

phong phú. Một từ ngữ nào đó có thể có giá trị gợi lại lịch sử không thể ngờ tới ở lần đọc đầu tiên. Ngày nay chúng ta biết chính xác rằng không phải lần đọc đầu tiên, không phải trật tự bề ngoài của các đoạn hay sự kế tiếp của các câu, mang lại cho chúng ta ý nghĩa lịch sử đích thực của Kinh Thánh ; cũng như người ta không khám phá ra lịch sử của trái đất ngay từ cái nhìn đầu tiên khi đi qua các vùng đất và leo lên các đỉnh núi. Kinh Thánh không phải là một câu chuyện liên tục, nhất là khi nói đến Môsê ; nó được tạo thành từ những viên đá được ghép nối với nhau bởi lịch sử tinh thần của một dân tộc chứ không phải bởi một thiên tài văn chương duy nhất. Cần đến sự kiên nhẫn và lòng trung thành với văn bản của nhiều thế hệ chuyên gia để dần dần làm sáng tỏ sự sắp xếp đích thực của những bằng chứng này.

Để độc giả không bị bối rối bởi cách thức mà chúng tôi theo các văn bản Kinh Thánh nói về Môsê, cần nhớ rằng các đoạn về Môsê được lồng ghép trong bốn phần trình bày lớn về nguồn gốc của Israel. Bốn phần trình bày này dựa trên các truyền thống lịch sử của dân tộc nhưng chúng nhắm đến nhiều hơn quá khứ của Israel ; chúng muốn trở thành một bài học đức tin cho tương lai dưới ánh sáng của quá khứ. Mỗi phần trình bày này có mục tiêu riêng và cấu trúc riêng. Mỗi phần đều có thẩm quyền riêng. Khi vào các thời kỳ khác nhau chúng được

hợp nhất để tạo thành văn bản duy nhất trở thành hiến chương của một Israel thống nhất, một đoạn nào đó từ phần này được ghép vào một đoạn từ phần kia và các văn bản được khéo léo lồng vào nhau. Nhưng nhà sử học phải tìm lại được các cấu trúc và sự sắp xếp nguyên thủy. Người ta sẽ tìm thấy ý nghĩa của đoạn văn không phải theo trước và sau của văn bản hiện tại, mà theo trước và sau của văn bản nguyên thủy, may mắn là vẫn được bảo tồn trong văn bản hiện tại.

Những phần trình bày này đã nhận được các tên gọi sau : Người Yahweh (J) soạn vào thế kỷ X trước Công nguyên, tiếp theo là Người Elohim (E) vào khoảng năm 800 trước Công nguyên. Các truyền thống được bảo tồn bởi hai phần trình bày khác, D (Đệ Nhị Luật) và P (tư tế, tài liệu tư tế) hầu như đều phụ thuộc vào hai phần đầu. Nhưng cả Người Yahweh lẫn Người Elohim đều lấy các câu chuyện của họ từ các truyền thống bộ lạc được truyền lại giữa thời đại của Môsê (khoảng 1340-1250 trước Công nguyên) và các bản soạn của J (trong vương quốc phương Nam) và của E (trong vương quốc phương Bắc). Đôi khi chúng là chung, như các truyền thống «Midian» (M) từ phương Đông, được truyền tải, có vẻ như, bởi bộ lạc Gad hoặc bộ lạc Ruben mà Nébo thuộc về (Ds 32, 38) nơi Môsê qua đời ; nó giáp với Moab và Madian. Trong bức tranh toàn cảnh

rộng lớn về sự thống nhất của các bộ lạc xung quanh vương triều Judah (St 49, 10), Người Yahweh đã kết nối truyền thống midianite này với các truyền thống về Kadesh đến từ các bộ lạc phương Nam (như Siméon) và các truyền thống về Sinai đến từ các người Qênites ở Hebron. Nhưng nếu nhân vật Môsê quan trọng với ông ta, thì đó là bởi vì cùng với Jacob, ông là nhân vật sống động nhất trong các đền thờ và truyền thống của các bộ lạc phương Bắc (Tl 18, 30 ; Hs 12, 14) vốn không dễ dàng quy phục vương triều David. Người Elohim sẽ còn có khuynh hướng biến Môsê thành nhân vật trung tâm của Israel hơn nữa và ông sẽ kết nối các truyền thống midianite với các truyền thống riêng của các bộ lạc Joseph, Ephraim và Manasse, những truy thống có lẽ là truyền thống của «núi của Thiên Chúa». Mâkir, con đầu lòng của Manasse, đã định cư ở bên kia sông Jordan (Ds 32, 39) nơi cũng có «rừng Ephraim» (2 Sm 18, 6). Trước khi hợp nhất với đền thờ Gilgal sau cuộc chinh phục, các bộ lạc này hẳn đã đến Nébo để tham gia giao ước tại đất Moab (Đnl 28, 69). Joshua, nhà chinh phục người Ephraim, sẽ luôn được trình bày như môn đồ và người thực thi ý muốn của Môsê.

Độc giả như vậy đã được cảnh báo về những mốc mà chúng tôi có để tìm lại dấu vết của một Môsê đích thực. Ông ta cũng biết rằng những mốc này sẽ dẫn dắt

ông ta qua một bước đi quanh co trên một con đường khó khăn. Chẳng phải ông ta đã biết điều đó rồi sao ? Sự tiếp xúc với các hình ảnh và văn bản Kinh Thánh sẽ giúp ông ta tìm lại được Môsê sống động của buổi đầu Israel. Những trang sau đây, dù nghiêm túc đến đâu, cũng chỉ là một sự xấp xỉ, một thử nghiệm. Chúng sẽ tránh những thảo luận kỹ thuật, dù chúng có cần thiết đến đâu trong nghiên cứu lịch sử ; chúng chỉ muốn cung cấp những gì vững chắc và đáng tin, mà không vì thế mà tự cho là dứt khoát.

Về các dữ liệu Hy Lạp và Latinh, xem J.G. GAGER, Môsê in greco-roman Paganism, Nashville, 1972.

Chương I - Tại Ai Cập

Ai Cập ! Đất nước cổ đại này lôi cuốn trí tưởng tượng của chúng ta nhất. Hy Lạp đáng yêu hơn, trong sáng hơn ; còn Ai Cập, với những di tích và nền cổ xưa của mình, thì đáng kính trọng và bí ẩn hơn. Tóm lại, Hy Lạp luôn dễ tiếp cận với chúng ta, nhưng tấm màn che phủ lịch sử cổ đại của thung lũng sông Nile mới chỉ bắt đầu được vén lên cách đây chưa đầy một thế kỷ rưỡi. Chắc chắn chúng ta vẫn còn không biết nhiều điều về nó, nhưng nhờ một công lao khổng lồ, lịch sử và cuộc sống của Ai Cập cổ đại không còn là một huyền thoại đối với chúng ta nữa. Chúng ta có các văn bản, di tích, những thực tại hữu hình.

Chúng ta hãy nhìn vào thế kỷ XIV trước Công nguyên, thời kỳ rực rỡ nhất, nếu không nói là vững chắc nhất, của Ai Cập thời các Pharaoh. Thế kỷ bắt đầu trong sự huy hoàng của triều đại Amenophis III. Vị quân vương xa hoa này khi đó cai trị một đế chế trải rộng vượt xa thung lũng hạ lưu sông Nile. Các ốc đảo phía Tây đã bị chinh phục, vùng Nubia ở phía Nam từ lâu đã nằm dưới ách thống trị của những người con của thần Mặt trời. Cuối cùng và quan trọng nhất là eo đất Suez không còn là biên giới của Ai Cập nữa : những người tiền

nhiệm của Amenophis III của chúng ta, các Amenophis và Tuthmosis khác, đã chinh phục Palestine, thậm chí cả Syria, và đôi khi vượt qua sông Euphrates. Tương đối tự do, đế chế Ai Cập đã tôn trọng quyền tự chủ địa phương ; các thân vương xứ Canaan nhan nhản nhưng họ bò dưới chân Pharaoh, chủ nhân của họ, người mà họ tự xưng là «những con chó». Tất cả những người láng giềng nhỏ bé này do đó đều bị khuất phục ; ngay cả những kẻ du mục cướp bóc cũng tôn trọng biên giới và xoay quanh quỹ đạo của «Kémi» (Ai Cập), tức Cham (hoặc Ham) trong Kinh Thánh.

Có những quốc gia khác, những đại vương khác, nhưng Ai Cập và vua của nó làm lu mờ tất cả. Babylon đang suy tàn, dưới sự thống trị của một triều đại không có vinh quang, triều đại Kassite. Assyria sẽ chỉ thoát khỏi tình trạng trì trệ của mình vào giữa thế kỷ : nó vẫn là chư hầu của một quốc gia đã có thời chiến thắng, Mitanni, nhưng giờ đây, sau khi bị Pharaoh đánh bại, lại duy trì với ngài những mối quan hệ tốt nhất, được củng cố bởi các cuộc hôn nhân hoàng tộc. Một cường quốc thực sự đe dọa đồng thời cả Ai Cập ở Syria và Mitanni ở Lưỡng Hà, đó là nhà nước phong kiến Hittite. Trung tâm hoạt động của nó là Tiểu Á, nhưng tầng lớp quý tộc hiếu chiến này rất có thể sẽ từ những ngọn núi phía Bắc tràn xuống chiếm các thung lũng của «lưỡi liềm màu

mỡ» bao quanh sa mạc Ả Rập. Tuy nhiên, đế chế này cũng trải qua nhiều khủng hoảng nội bộ và nó bị đe dọa nhiều hơn Ai Cập bởi sức mạnh của người Achaean, những kẻ thống trị biển Aegean, vừa chiếm được Crete, và đang định cư trên bờ biển Tiểu Á : đó là thời kỳ huy hoàng của Troy trong thần thoại Homer, thứ sẽ chỉ sụp đổ hai thế kỷ sau trong các cuộc nội chiến giữa những người Achaean, được Homer lý tưởng hóa trong Iliad.

Vì vậy, khi đó Ai Cập rõ ràng là quốc gia hàng đầu của thế giới. Nó cũng là nước giàu có nhất. Khi các vị vua khác viết thư cho Pharaoh, họ khẩn khoản yêu cầu ngài ban vàng và nói mà không hề ngượng ngùng rằng ngài gửi cho họ không đủ. «Trong vùng đất của huynh ta (Pharaoh), vua xứ Mitanni kêu lên,«vàng nhiều như bụi.» Thương mại và lao động của dân số cần cù này đã thực tế đã tích lũy ở Ai Cập một sự giàu có khổng lồ. Chỉ cần nhớ lại sự kinh ngạc của những người đương thời chúng ta khi họ đối diện với những kho báu được chôn giấu trong ngôi mộ của Tutankhamun, một vị Pharaoh không mấy vinh quang, người đã chết khoảng ba mươi năm sau Amenophis III. Cũng chỉ cần đọc danh sách liệt kê những món quà do Amenophis IV tặng cho đồng nghiệp của mình ở Babylon. Danh sách này bao gồm khoảng ba trăm mục, dưới đây là một số mẫu : mười con dao bằng vàng, mười con dao bằng đồng với chuôi

bằng vàng hoặc bạc ; mười ba vật dụng nhỏ bằng vàng mang tên *zillahda* ; chín chuỗi hạt bằng vàng và đá quý; bảy vật thể được gọi là *ganú*..., v.v.

Sự giàu có này phục vụ cho một nền nghệ thuật vô song. Kỹ thuật chưa có tất cả các nguồn lực của kỹ thuật Hy Lạp, nhưng thật mạnh mẽ làm sao ! Kiến trúc không còn là kiến trúc của các kim tự tháp nữa, mà là kiến trúc của đại sảnh có cột trong đền thờ Amon ở Luxor trong tất cả sự uy nghi của nó. Nghệ thuật điêu khắc tạo ra những tác phẩm đáng chú ý, trong đó có những tượng khổng lồ nổi tiếng của Memnon mà tình trạng hư hại không cho phép chúng ta hình dung được vẻ đẹp nữa. Nghệ thuật trở nên nhân văn hơn, trầm lắng hơn. Sự tự nhiên chiếm ưu thế và dưới thời Amenophis IV sẽ tạo ra những bức tranh và phù điều đầy duyên dáng và tươi mới. Đồ nội thất và đồ kim hoàn đạt đến một độ tinh xảo mà người ta chỉ có thể cảm nhận thấu đáo trong các phòng của bảo tàng Cairo.

Văn hóa nghệ thuật, và cả văn hóa văn học, cái này không thể tách rời cái kia. Thời kỳ này không phải là thời kỳ cổ điển của văn học Ai Cập ; ngôn ngữ khi đó đang trải qua một sự tiến hóa mạnh mẽ, gu thẩm mỹ cũng vậy. Người ta vẫn yêu thích những câu chuyện kể : bên cạnh những câu chuyện cổ mà họ chép lại, các

thư lại thêm vào những câu chuyện mới, hoặc để kể về những cuộc phiêu lưu của một hoàng tử được định sẵn, hoặc để mô tả sự kình địch của hai anh em. Đôi khi câu chuyện chuyển thành ngụ ngôn và kết quả là «Câu chuyện về Sự Thật và Dối Trá», hoặc nó mang một tính chất lịch sử hơn như chẳng hạn như những cuộc phiêu lưu của Wenamon, được biên soạn muộn hơn nhiều. Về mặt văn học, khi đó chúng ta đã rất gần với những câu chuyện sử thi lấy chủ đề là các chiến dịch của Tuthmosis III và, sau này, của Ramesses II. Lịch sử theo đúng nghĩa của nó thì không được biết đến; đôi khi trong các bức thư của mình, các học giả thi đua về sự uyên bác [1] trong khi những người khác, nhạy cảm hơn hoặc sâu sắc hơn, soạn các bài thơ tình hoặc thánh ca.

Đó là văn học của thời đại, nhưng trong Ai Cập truyền thống này, các tác phẩm khôn ngoan xưa không bị lãng quên. Người ta chép lại chúng, học thuộc lòng những lời dạy của Ptah Hotep hoặc Merikare. Chính những tác phẩm này là nền tảng của giáo dục, và học thuyết của chúng là thứ mà đội ngũ quan chức của Pharaoh phải sống theo. Chính bằng cách mày mò những văn bản với chữ viết khó khăn mà những người sau này chuẩn bị cho sự nghiệp của mình. Bằng cách viết từng trang chín

1 Giấy cói Anastasi I cung cấp chi tiết về các tuyến đường ở Canaan.

bài diễn văn - hơi dài, phải thừa nhận - của «Lời than thở của một nông dân», họ sẽ học cách tôn trọng tài sản của cấp dưới ; bằng cách suy ngẫm những châm ngôn của Amenemhat, họ sẽ biết rằng họ phải «cho người nghèo và nâng đỡ trẻ mồ côi», thực thi công lý cho cả người giàu lẫn người nghèo. Với Ka Gemni, họ sẽ biết cách cư xử tại bàn tiệc của những người quyền quý, và Kheti sẽ thấm nhuần vào họ cảm giác về sự ưu việt của nghề nghiệp mình.

Trên thực tế, tầng lớp này tạo thành bộ khung của Đế chế Ai Cập. Nông dân nuôi sống Ai Cập nhưng chính người thư lại đảm bảo sự thịnh vượng của nó. Bằng việc duy trì sổ địa chính, anh ta đảm bảo việc phân phối lại tài sản sau mỗi trận lụt. Anh ta thực thi công lý dựa trên bốn mươi cuộn giấy cói của luật pháp Ai Cập mà tiếc là chúng ta không còn giữ được. Anh ta thu thuế và các khoản phí trong lãnh địa hoàng gia rộng lớn. Bên cạnh khối lượng công việc nội bộ đáng kể này còn phải kể đến trách nhiệm về quan hệ đối ngoại. Ai sẽ lo việc thư tín ngoại giao của Pharaoh ? Người thư lại. Ai sẽ soạn thảo các hiệp ước ? Người thư lại. Điều này đòi hỏi ở người thư lại sự hiểu biết và thực hành các ngôn ngữ và chữ viết nước ngoài.

Thật vậy, khi triều đình Ai Cập viết thư cho các tiểu

vương của Canaan hoặc các vị vua ở bờ sông Euphrates, các thông điệp được soạn bằng chữ hình nêm chứ không phải bằng chữ tượng hình. Khi Đế chế Hittite tràn xuống Syria và buộc Ai Cập phải đàm phán, rồi cuối cùng, vào thế kỷ sau, phải liên minh với nó, các thư lại sẽ phải biết tiếng Hittite, ngôn ngữ của đại vương này người tự xưng là «Mặt trời của ta». Tất cả những điều đó đòi hỏi kiến thức không chỉ về ngôn ngữ, mà còn về văn học của những đất nước xa lạ này ; không có gì ngạc nhiên khi người ta đã tìm thấy các sử thi Babylon trong những cồn cát của thung lũng sông Nile.

Tại triều đình nơi các quý tộc và học giả sống gần nhau, có rất nhiều người nước ngoài, đặc biệt là người châu Á. Buổi đầu của vương triều thứ mười tám này từng bài ngoại, khi đó cần phải đẩy lùi quân xâm lược Hyksos ra xa vùng châu thổ. Nhưng kết quả đó đã đạt được từ lâu. Bây giờ thì ngược lại, vì Ai Cập tràn sang châu Á, nó tìm cách đồng hóa những vùng đất này. Các công chúa Mitanni không một mình đến từ bờ sông Euphrates và các vị vua chư hầu của bờ biển Syria phải gửi con trai của họ đến triều đình của chúa tể mình. Nếu họ có được quá nhiều ảnh hưởng, chính họ cũng được mời đến Ai Cập ở lại trong những khoảng thời gian không xác định.

Những hoàn cảnh này khiến Ai Cập khi đó là một quốc gia mở rộng chào đón ảnh hưởng của châu Á. Các chức vụ lớn tất nhiên được dành cho người Ai Cập, nhưng có người nước ngoài trong các chức năng của bộ máy hành chính. Văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật, thấm đẫm những phong cách mới. Ai Cập vẫn là Ai Cập, nhưng những ảnh hưởng mới này làm thay đổi sự cân bằng nội tại của nó và làm phì đại một số xu hướng, một số tư tưởng, mà hy sinh những thứ khác. Vào cuối triều đại của Amenophis III, một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng đang đến với Ai Cập truyền thống : nó sẽ bùng nổ dưới thời người kế vị của ông, Amenophis IV, còn gọi là Akhenaton (1372-1354) [2].

Đó là một cuộc khủng hoảng nội bộ. Điều đã xảy ra với Ai Cập cũng sẽ xảy ra với các nền văn minh khác ở thời đỉnh cao của chúng : những truyền thống mà nền văn minh này được xây dựng lên bị đặt thành vấn đề. Ai Cập sẽ trải qua một cuộc khủng hoảng hoài nghi như Hy Lạp sẽ trải qua một cuộc vào cuối thế kỷ thứ năm, La Mã khi hoàn thành cuộc chinh phục và nước Pháp thế kỷ XVIII, trong thời kỳ «khủng hoảng của lương thức châu Âu». Không phải là Ai Cập thời Amenophis IV đã biết đến chủ nghĩa hoài nghi triết học, nhưng các xu hướng mới, hoặc ít nhất là cho đến nay chỉ có tầm

2 DRIOTON-VANDIER, Ai Cập, 1962, pp. 343 et 631.

quan trọng thứ yếu, sẽ trở nên đủ mạnh để làm lung lay các quan niệm truyền thống. Những quan niệm này đã cho phép đạt được thành công, nhưng chúng tỏ ra bất lực trong việc tiếp tục tiến lên phía trước. Người ta từ bỏ chúng, tìm kiếm thứ gì đó khác, và đó là sự sụp đổ, bởi vì lò xo tinh thần đã kéo những ý chí phục vụ cho nền văn minh này khi đó bị gãy. Đó là số phận của tất cả các nền văn minh, trừ khi một trong số chúng được xây dựng dựa trên một học thuyết thần linh vượt qua những giới hạn không thể tránh khỏi của các quan niệm con người.

Vậy mà điểm yếu trong các quan niệm của Ai Cập không nằm ở nghệ thuật, cũng không ở khoa học, cũng không ở học thuyết chính trị đáng chú ý trong các tác phẩm của người xưa ; điểm yếu này nằm ở các học thuyết tôn giáo. Học thuyết tôn giáo, chúng tôi nói, chứ không phải cảm thức tôn giáo. Cảm thức tôn giáo của người Ai Cập luôn luôn sâu sắc [3] : tôn kính thiên tính, tận tụy với việc phụng tự truyền thống, chính cảm thức tôn giáo này sẽ nở rộ vào thời kỳ đó trong cái mà Breasted gọi là «lòng đạo đức cá nhân». Đó là lúc những bài thánh thi và những lời cầu nguyện chân thành và mang

3 C. Desroches-Noblecourt, «Các tôn giáo Ai Cập» trong *Lịch sử tổng quát các tôn giáo*, Paris, 1948, trang 205-328.

tính cá nhân nhất được sáng tác [4].

Nhưng những hình tượng thần linh lại không tương xứng với những tình cảm đó. Người Ai Cập nhìn chung vẫn trung thành với những hình tượng thời tiền sử được phát triển vào thời các bộ lạc sống bằng săn bắn và đánh cá. Lúc đó thật là tự nhiên khi người ta hình dung vị thần dưới những khía cạnh mà đời sống phụ thuộc chặt chẽ nhất : đó là loài vật đáng sợ mà người ta phải chiều theo, loài vật hữu ích mà người ta ăn thịt hoặc giúp cho nông nghiệp. Những hình tượng khác cũng được thêm vào, thậm chí cả hình tượng con người thông qua sự tác động phức tạp của nhiều ảnh hưởng. Trải qua vô vàn biến đổi kinh tế và xã hội, người Ai Cập vẫn trung thành với những tín ngưỡng này, vốn đã trở thành những tín ngưỡng địa phương khi các bộ lạc định cư. Cừu đực của Mendès, cá của Oxyrynque hay cá sấu của Fayoum vẫn là những vị thần của các địa hạt địa phương. Những tín ngưỡng này vẫn sống động, là kẻ thừa kế của một truyền thống tôn kính những gì từng xuất hiện như là nguồn sống.

---

4 Breasted, *Sự phát triển của tôn giáo và tư tưởng ở Ai Cập cổ đại*, New York, 1912.

Nhưng điều kiện đã thay đổi nhiều kể từ thiên niên kỷ thứ năm và thứ tư. Các tập hợp khu vực đã được hình thành, vị thần của một vùng đất đã được người láng giềng chấp nhận : La Mã sau này cũng sẽ làm như vậy đối với Veii và các thành phố khác của Ý. Từ những sự ghép nối này đã sinh ra các tổng hợp, vì tinh thần con người cần phân loại và sắp xếp. Từ ý chí tôn trọng truyền thống tôn giáo và nhu cầu thống nhất của tinh thần con người, các hệ thống thần học đã ra đời. Nổi tiếng nhất trong số đó là hệ thống của Heliopolis, nơi thần Mặt Trời chiếm hàng đầu. Nhờ sự ưu ái của các pharaon Memphite thuộc Vương triều thứ V và VI, đây đã trở thành giáo lý chính thức của triều đình Ai Cập vào giữa thiên niên kỷ thứ ba. Nhưng các hệ thống đối thủ khác đã trỗi dậy. Ngay tại Memphis, khi đã trở thành thủ đô, một giáo lý đã ra đời, tôn vinh không còn là Ré, Mặt Trời, mà là Ptah, vị thần của Memphis. Khi Cổ Vương quốc sụp đổ, các vị thần địa phương được hồi sinh ảnh hưởng và các hệ thống thần học mới được xây dựng tại Hermopolis và Herakleopolis. Hệ thống đầu tiên tôn vinh Thoth, hệ thống thứ hai tôn vinh cừu đực Harsaphes.

Điều kiện sống lại thay đổi. Đế chế Theban được xây dựng. Vị thần của những kẻ chiến thắng là Amon : vị thần chiến thắng này, nguồn mạch ẩn giấu của quyền

lực và sự sống, đã phải chiếm vị trí hàng đầu trong điện thần và trong quan niệm của người Ai Cập. Vị thần có hình dạng con người này mới chỉ được biết đến gần đây, nhưng vinh quang của ngài sẽ vượt qua tất cả các vị thần khác. Tuy nhiên, cũng như việc phụng tự ngài, giáo lý của ngài không hề độc tôn. Các vị thần khác tiếp tục đòi hỏi sự ưu việt, mỗi vị tại đền thờ của mình, và pharaon, dù sùng kính Amon, vẫn là thầy tế của tất cả các vị thần này, được đại diện trong các nghi lễ bởi các giáo đoàn tương ứng của họ [5].

Đối với một triều đình có học thức, cởi mở với ảnh hưởng bên ngoài, say mê cái mới, những hệ thống lỗi thời và đa tạp này không thể làm thỏa mãn. Triều đình cảm nhận quá rõ tính chất giả tạo của chúng nên không thể hài lòng. Một tôn giáo thờ Mặt Trời có đáp ứng tốt hơn các nguyện vọng không ? Đó là một truyền thống lâu đời của Ai Cập, luôn được tôn vinh tại Heliopolis ở phía bắc Memphis. Chẳng phải Mặt Trời là một vị thần được công nhận phổ quát, bởi người Hittite, những kẻ tôn thờ nữ thần Mặt Trời của Arima, cũng như bởi người Babylon, những kẻ thờ phượng Shamash như vị thần công lý sao ? Chẳng phải vị thần này còn có những danh nghĩa khác để đưa ra, ngoài sự đồng thuận phổ quát sơ khai đó sao ? Chẳng phải chính ngài là người

5 Saumeron, Các tư tế của Ai Cập Cổ đại, Paris, 1957.

điều hành dòng thời gian, sự luân phiên của đêm và ngày cũng như nhịp điệu của các mùa sao ? Khi ngài xuất hiện, sự sống bắt đầu rung động. Chính hơi ấm của ngài làm cây cối nảy mầm : «Tia sáng của ngài nuôi dưỡng những cánh đồng [6].» Chẳng phải ngài thực sự là Đấng Tạo Hóa, Đấng Tạo Hóa duy nhất sao ?

Trong bầu không khí đó, những tranh chấp và tham vọng chính trị đã hoạt động. Những người theo truyền thống lo ngại, giáo đoàn của Amon chống đối. Tính cách của vị vua mới, Amenophis IV, đã hoàn tất việc đẩy mâu thuẫn lên đỉnh điểm. Amon bị truy đuổi, và cùng với ngài là các vị thần khác. Thủ đô cũ bị bỏ hoang, một thủ đô mới được xây dựng dưới dấu chỉ của tín ngưỡng mới, tín ngưỡng thờ Aton, đĩa mặt trời. Một lối sống mới được thiết lập, khinh thường những tập tục xưa cũ, hoàn toàn hướng đến niềm vui sống, chủ nghĩa tự nhiên và tự do. Nhà vua, hoàng hậu và nhóm cận thần của họ bận tâm đến mọi thứ khác hơn là thực hiện một chính sách tốt, nghiêm túc và có hệ quả.

Kết quả thật thảm hại. Hỗn loạn ngự trị trong hành chính, tham nhũng trong tư pháp, cướp bóc và tống tiền trong quân đội. Đó là bức tranh mà một sắc lệnh cải cách do một trong những người kế vị của Akhénaton

6 Thánh thi Mặt Trời của Akhénaton.

ban hành đã vẽ ra cho chúng ta về tình hình. Sức mạnh của quốc gia dường như đã gãy. Dưới những đòn tấn công của người Hittite và các băng cướp, quyền bá chủ của Ai Cập ở Syria-Palestine sụp đổ. Các đồng minh bị bỏ mặc không cứu viện, hoặc bị ám sát, hoặc từ bỏ đất nước này vốn đã bị suy yếu. Thậm chí có lúc người ta có thể lo sợ rằng những âm mưu và tranh chấp sẽ dẫn đến hậu quả là việc đưa một người Hittite lên ngai vàng Ai Cập. Nhưng cảm thức dân tộc đã thắng thế : hoàng tử Hittite biến mất và, nhờ một nhân cách mạnh mẽ, Ai Cập sẽ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này dù bị suy yếu, nhưng vẫn còn vĩ đại : giờ phút suy tàn vẫn chưa điểm.

Nhân cách mạnh mẽ đó là của một vị tướng tên là Horemheb. Ngôi sao của ông đã từ từ lớn mạnh dưới các đời pharaon kế tiếp : khi vua Ay qua đời, người đã trao cho hoặc ban tặng ông những danh hiệu phi thường, ông đã được giáo đoàn của Amon công nhận là pharaon và, thông qua hôn nhân, bước vào gia đình của Amenophis IV, điều này mang lại cho ông một sự hợp pháp nhất định. Ông đã không làm thất vọng những kỳ vọng người ta đặt vào ông. Triều đại của ông mang tính phục hưng và truyền thống một cách kiên quyết : Tín ngưỡng Aton biến mất không để lại dấu vết. Và, trên hết, ông nỗ lực khôi phục lại bộ máy hành chính

pharaon.

Để thực hiện mục đích này, ông ban hành luật pháp và soạn thảo một sắc lệnh đáng chú ý mà ông cho khắc trên một trong những tháp môn tại đền thờ của ông ở Karnak. Ở đó, ông chống lại các lạm dụng và sự cưỡng đoạt của bộ máy hành chính và quân đội. Ông tổ chức thanh tra và cải thiện tư pháp : để ngăn chặn những món quà hối lộ, ông bãi bỏ thuế đánh vào các quan chức do chức năng tư pháp của họ. Chúng ta có ở đây bằng chứng của sự trở lại với các truyền thống lành mạnh của nền hành chính như người ta đã dạy trong các trường học của các ký lục.

Các trường học này cung cấp đội ngũ nhân sự hành chính, giúp Horemheb thực hiện các cải cách và điều hành chính quyền của ông. Ai đã soạn thảo chín chương trong sắc lệnh của ông ? Rõ ràng không phải ông, cũng như Bonaparte không phải là người soạn thảo bộ luật dân sự của mình, dù ông có quan tâm đến việc soạn thảo nó đến đâu. Để lấp đầy các khuôn khổ này, ông đã kêu gọi các học sinh của những trường học đó, những người thấm nhuần sự cần thiết của đạo đức truyền thống để làm cho đất nước thịnh vượng [7].

7 G. POSENER, *Littérature et politique dans l'Égypte de la XIIe dynastie*, Paris, 1956. Nhiều văn bản được học sinh sao chép lại ở Tân Vương quốc.

Những trường học này cũng cung cấp cho ông nhân sự ngoại giao. Bận rộn với việc tái thiết nội bộ Ai Cập, điều buộc ông phải thực hiện nhiều chuyến đi, vị tướng này đã không thể khôi phục lại các truyền thống chiến tranh rực rỡ của buổi đầu vương triều. Ngoại trừ một chiến dịch ngắn vào năm thứ 16 triều đại của ông, đưa ông đến Byblos, dường như ông đã từ bỏ việc tái chiếm Syria từ tay người Hittite và đã ký kết hòa bình với họ, một nền hòa bình mà sau này cả người Ai Cập và người Hittite sẽ nhắc lại trong một hiệp ước khác bền vững và nổi tiếng hơn. Trong mọi trường hợp, ông đã không hành động bằng quân sự.

Điều đó không có nghĩa là không có những âm mưu và đàm phán. Dù chính sách của ông là gì, Horemheb không thể không quan tâm đến vấn đề Syria, cũng như Muhammad Ali hay người Anh không thể không quan tâm. Để tiến hành những âm mưu và đàm phán này, các thần dân châu Á và Palestine của ông có thể giúp ông những dịch vụ lớn nhất. Sự tương đồng về chủng tộc và ngôn ngữ cho phép những người Semite này đi lại và hành động ở nơi mà một người Ai Cập với giọng điệu và tâm tính của mình có nguy cơ gặp khó khăn. Thật là tự nhiên khi pharaon tuyển dụng những nhân vật như vậy trong đội ngũ ngoại giao của mình : và cũng thật tự nhiên khi ông chọn ưu tiên những người châu Á đã

sống lâu năm ở vùng Châu thổ : Pharaô sẽ tìm thấy ở nơi họ lòng trung thành hơn đối với đất nước mà họ chọn để định cư.

Vậy mà Horemheb am hiểu thế cuộc. Trước khi lên ngôi, ông đã được giao nhiệm vụ quản lý những người châu Á đã chạy trốn khỏi Palestine [8]. Chức vụ này đã giúp ông có thể phân biệt các tầng lớp di dân khác nhau. Một số là những người mới đến gần đây : các cuộc hỗn loạn sau cuộc xâm lược Canaan của các toán quân vũ trang đã buộc họ phải sang thung lũng sông Nil. Ngược lại, một số khác đã đến từ nhiều thế kỷ trước : ngay từ thời Trung Vương quốc, cả những gia đình đã khiêm tốn xin được thu nhận và bức tranh tường trong ngôi mộ của một viên chức đã lưu giữ cho chúng ta ký ức về một động thái tương tự.

Cuối cùng, giữa hai thời kỳ đó, thời đại Hycsos đã tạo điều kiện cho một số bộ lạc định cư trong đất nước. Một vài trong số những bộ lạc này, có liên hệ với một tổ tiên chung tên là Israel hay Jacob, hẳn là được định cho một sự nổi danh lớn. Giữa những người này, Pharaô cũng chọn một số học viên làm kinh sư [9], những đứa

8 BREASTED, *Lịch sử Ai Cập* II, tr. 409 ; DRICTON-VANDIER, sđd., tr. 417. A. GARDINER, *Ai Cập của các Pharaô*, Oxford, 1961, tr. 243.

9 Xh 5, 15. 19-22.

trẻ còn nhỏ, có khả năng theo học các khoá giáo dục theo kiểu Ai Cập. Giữa những người sau này có cậu bé Môsê mà sự thành công đặc biệt đã làm những người thân của cậu kinh ngạc. Hơn nữa, có thể lòng nhân ái đặc biệt của một công chúa trong triều đình đã thúc đẩy sự lựa chọn của Pharaô. Về cách thức mà vị công chúa này biết đến đứa trẻ, truyền thống đã lưu giữ cho chúng ta một câu chuyện rất cảm động mà mọi người vẫn còn nhớ [10].

Cái tên Môsê này thật kỳ lạ. Không ai khác ngoài ông mang tên này trong Israel. Sử gia Do Thái Josephus sống vào thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên đã xem đó là một cái tên Ai Cập, nhưng nguyên ngữ mà ông đề xuất có vẻ kỳ quặc đối với các nhà phê bình hiện đại. Tuy nhiên, họ thường chấp nhận ý tưởng của Josephus, khá hợp lý nếu đứa trẻ được một công chúa Ai Cập nhận nuôi.

Dù vậy, ông vẫn thuộc về chi tộc Lêvi, một chi tộc ít người, có lẽ chỉ là một thị tộc đã định cư ở Ai Cập sau khi chi tộc bị phân tán (St 34). Gia đình này đã rời bỏ Canaan cùng với các gia đình Israel hay gia trưởng khác trong một thời kỳ hỗn loạn và đói kém. Đã từng

---

10 Cf. RICCIOTTI, *Lịch sử Israel* (bản dịch tiếng Pháp I, tr. 213 về những đoạn này).

có «cuộc hỗn chiến lớn» của các dân tộc ; các cuộc xâm lược đã đẩy họ chống lại nhau và, nhân những cuộc hỗn loạn này, những người Hycsos «thủ lĩnh của những vùng đất ngoại quốc» đã định cư trên vùng Châu thổ ; họ đã xây dựng thành phố Avaris và thành phố này đã trở thành thủ đô của họ khi họ chinh phục Ai Cập. Đối với họ, chắc hẳn là thú vị khi cho đặt các bộ lạc châu Á ở gần thủ đô này, những bộ lạc có khả năng hỗ trợ họ.

Trên nhánh phía đông của sông Nil, Shihor, cũng có những người Semite sinh sống vào thế kỷ XIV. Họ tạo thành như một tiền đồn của các bộ lạc Bedouin chiếm giữ vùng biên giới Ai Cập và miền nam Palestine ; các tài liệu của Pharaô gọi họ là Shosou [11]. Đó là những bộ lạc nghèo khó, bám trụ không vững trên vùng đất mà họ rong ruổi nhiều hơn là canh tác ; của cải chính của họ bao gồm các đàn gia súc nhỏ. Ở đây và đó, tuy nhiên,

11 Một sĩ quan của một đồn biên phòng đã viết những dòng sau cho một trong những chỉ huy của mình : «Chúng tôi đã hoàn thành việc đưa pháo đài Merneprah của Tekou đến các bộ lạc Shosou của Edom, về phía các đầm lầy Pitom của Merneprah của Tekou, để cho họ và đàn gia súc của họ được sống nhờ vào Lương thực Lớn của Pharaô (Sự Sống, Sức Khỏe, Sức Mạnh), mặt Trời tốt lành của mọi vùng đất» (Papyrus Anastasi VI, 51, bản dịch Montet : Avaris, tr. 83, Paris 1941). Toàn bộ các văn bản về Shosou có thể tìm thấy trong R. GIVEON, *Người Bedouin Shosou trong các tài liệu Ai Cập*, Leiden, 1971.

một vài thành viên của họ trồng dưa chuột, dưa, tỏi tây, hành và tỏi mà con cái Israel sẽ cay đắng nhớ tiếc khi họ trở về hoang mạc. Hơn nữa, có lẽ nhiều người trong số họ kiếm được những thực phẩm này bằng cách trao đổi với một vài con vật trong đàn gia súc của họ : theo những lời than phiền của họ [12], dường như những vụ trồng trọt này không đòi hỏi nơi họ mồ hôi như chúng đã khiến người nông dân Ai Cập phải đổ.

Tất cả những nét này nhấn mạnh sự đối lập về đời sống và tâm hồn giữa người Ai Cập và dân du mục. «Những người chăn chiên là điều gớm ghiếc cho người Ai Cập», tác giả Sáng Thế tóm tắt qua miệng của Joseph [13]. Ông nhấn mạnh sự đối lập rõ rệt nhất, sự đối lập tồn tại giữa một dân tộc định cư và làm nông nghiệp và các bộ lạc du mục hay bán du mục chăn thả gia súc. Nhưng sự đối lập này ngụ ý nhiều sự đối lập khác. Sự đối lập giữa vùng Châu thổ giàu có và phì nhiêu với sự nghèo khó của những người Bedouin kém phát triển này. Sự đối lập về văn hóa và văn minh giữa một đất nước rất tiên tiến về nghệ thuật và văn chương với một dân số còn chưa phải là một dân tộc, không biết gì về những tinh tế của thời đại Amarna. Sự đối lập về ngôn ngữ nữa : Thánh Vịnh 114 sau này sẽ nói rằng người Ai Cập

12 Ds 11, 5.

13 St 46, 34.

nói một ngôn ngữ lạ lùng, «man rợ» ; không nghi ngờ gì người Ai Cập ở thế kỷ XIII cũng có ấn tượng tương tự khi nghe những động từ Semite không quan tâm đến sự hài hòa của cú pháp Ai Cập. Cuối cùng là sự đối lập về chủng tộc và truyền thống phân cách tâm hồn của hai dân tộc. Các bộ lạc Israel mang theo những truyền thống đáng kính đã hoàn tất hình thành vào thời họ du cư trên vùng biên giới Lưỡng Hà ; một người Ai Cập có thể hiểu được gì về truyền thống Vườn Địa Đàng đã mất trong khi chính họ vẫn còn sống trong một khu vườn Địa Đàng ? Và trong vùng Châu thổ được màu mỡ nhờ những trận lụt hằng năm này, người ta có thể hình dung được một trận Đại Hồng Thủy thảm khốc sao?

Tôn giáo thì sao ? Ở đó cũng tồn tại một sự đối lập, nhưng đó là một trong những điều khó nắm bắt nhất. Khó khăn bởi vì, nếu các trường học của Ai Cập lúc bấy giờ có một nền thần học, hay đúng hơn là những nền thần học tinh tế, như chúng ta đã có dịp thấy, thì những người Israel đương thời vẫn chưa có. Họ tôn thờ, kính sợ và e sợ quyền năng của vị thần truyền thống của họ, nhưng họ hầu như không có một ý niệm rõ ràng về Ngài là ai. Các thần của Ai Cập có một nơi ở, đó là đền thờ của các ngài ; vị thần của Israel không có nơi nào cả ; người ta đến thờ phượng Ngài trên một số đỉnh núi của

bán đảo Ả Rập. Trong gia đình của Môsê, người ta gọi Ngài là Yaho, Yaw hay Yô (x. St 4, 26). Người ta không có ý niệm chính xác về danh xưng của Ngài, người ta chỉ biết rằng đó là Thiên Chúa của các Tổ Phụ, Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob, nghĩa là của những thế hệ đầu tiên đã du cư ở Canaan. Thiên Chúa này đã can thiệp gần các Tổ Phụ đó ; Ngài đã hướng dẫn và bảo vệ họ đồng thời đòi hỏi nơi họ sự vâng phục và các hy tế. Ký ức vẫn còn sống động về cách quyền năng của Ngài đã cứu giúp Abraham chống lại Pharaô hay các vua phương đông, cũng như Jacob trong những cuộc tranh chấp của ông với Esau.

Ba hoặc bốn thế kỷ đã trôi qua và sự tiếp xúc với dân cư Ai Cập đã không làm biến đổi sự trong sáng của những niềm tin sơ khai đó. Tuy nhiên, chính vị thần mang tính luân lý và truyền thống này, với những nét rất khác biệt so với Aton của Amarna, mà ký ức về Ngài được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác : cậu bé Môsê đã đón nhận kho tàng đó từ miệng mẹ và chị mình ngay cả khi cậu bắt đầu được khai tâm vào nền văn hóa Ai Cập. Ảnh hưởng của mẹ và gia đình hẳn phải đủ mạnh trên cậu để cân bằng lại sự quyến rũ của nền văn minh Pharaô.

Đúng là những năm tháng học tập không đặc biệt vui vẻ gì đối với một kinh sư tập sự : các hình phạt thể xác được coi trọng và người ta công nhận chúng có một giá trị sư phạm vô song [14]. Thời đại Amarna, thời kỳ thư giãn và chủ nghĩa tự nhiên, hẳn đã chứng kiến một sự nới lỏng trong lĩnh vực này cũng như trong các lĩnh vực khác, nhưng triều đại của Horemheb là một triều đại phản ứng và quay trở lại với truyền thống. Trong khi người ta nắm lại nền hành chính bằng bàn tay cứng rắn, không nghi ngờ gì nền giáo dục của các quan chức tương lai đã cảm nhận được hậu quả của nó. Trong một bầu không khí nghiêm túc, tôn trọng các giáo huấn tôn giáo và chính trị, Môsê và các bạn đồng môn của ông đã trở thành những người thông thạo sự khôn ngoan rất nổi tiếng của các kinh sư Ai Cập.

Vậy là trong chàng thanh niên Môsê đã hội tụ hai truyền thống sâu sắc khác biệt, nhưng rất có thể chính bản thân ông lúc đó đã không nhận ra điều đó. Được khai tâm như ông phải thế để có khả năng đảm nhận các chức năng mà Pharaô dành cho các kinh sư gốc châu Á

14 «Ngài đánh vào lưng con và, giáo lý của ngài thấm vào tai con», một học trò biết ơn viết cho thầy cũ của mình. Cf. ERMAN : *Văn chương của người Ai Cập*, Leipzig 1923, tr. 267 : Pap. Anastasi IV, 8, 7 tt ; CAMINOS, Late Egyptian Miscellanies, Oxford, 1954.

của mình, ông tích lũy kiến thức, thêm vào các truyền thống tổ tiên của mình các học thuyết Ai Cập, và vào các học thuyết Ai Cập những gì cần biết về văn hóa dạng hình nêm và Lưỡng Hà vì văn hóa sau này chiếm ưu thế ở Canaan vào thế kỷ XIV. Ông học hỏi, ông tiếp nhận, ông chưa phải lựa chọn.

Rồi đến một ngày, đột nhiên sự lựa chọn đó trở nên cấp thiết. Các hoàn cảnh sẽ nhanh chóng diễn biến, những hoàn cảnh người Israel chống lại người Ai Cập và buộc Môsê phải lựa chọn giữa chủng tộc và văn hóa của mình.

Horemheb mất vào khoảng năm 1320. Với ông, vương triều thứ XVIII mà bà vợ của ông đã gắn kết ông vào, cũng chấm dứt. Nhưng nhiều người coi ông là người sáng lập một vương triều mới, vương triều của các Ramses. Ramses I và con trai ông là Séthi dường như đã vận hành rất khéo léo, người đầu tiên ở phía nam, tại Karnak, người thứ hai tại Péluse và Tanis, ở vùng Châu thổ. Mà vùng Châu thổ chính là cái nôi của gia đình này và sẽ trở thành trung tâm trọng lực của Ai Cập.

Trước hết, nó sẽ là trung tâm về mặt quân sự. Sự sụp đổ của ảnh hưởng Ai Cập ở Syria-Palestine đã khiến vương quốc mất đi pháo đài phía đông của mình : các

tỉnh [15] Đông Bắc lại trở thành biên giới của đất nước, nhất là khi tình trạng vô chính phủ hoành hành ở bên kia biên giới. Ramses I băng hà chỉ sau vài tháng và Séthi I, khi lên ngôi, phải đối mặt với một cuộc nổi dậy tổng thể của người Shosou, tức là những người Bedouin mà người Israel ít nhiều có liên hệ : hai mươi ba pháo đài nằm giữa Canaan và Ai Cập đang trong tình trạng nổi loạn. Tình hình càng nghiêm trọng hơn khi đế chế Hittite ở đỉnh cao quyền lực thống trị Syria và thèm muốn vùng phía Nam [16].

Vị Pharaoh mới phản ứng mạnh mẽ : lần lượt từng pháo đài trong số hai mươi ba pháo đài được thu hồi. Sau đó, ông tiến quân đến Galilee, nơi ông kịp thời đến để giải tán một liên minh đang hình thành và qua đó đảm bảo ảnh hưởng của Ai Cập trên vùng đất sẽ là Palestine. Ông thậm chí còn cố gắng thâm nhập vào Syria nhưng không thành công. Do đó, tình hình vẫn mong manh: cần phải đảm bảo an ninh cho vùng Châu thổ bằng một hệ thống phòng thủ thích hợp. Séthi đã thực hiện điều này thông qua các công trình củng cố chạy từ Ai Cập đến Canaan. Các nghệ nhân ở Karnak, khi kể lại và

15 Các quận, vốn độc lập vào thời tiền sử.

16 Về giai đoạn này, xem DRIOTON-VANDIER, op. cit., tr. 403 và tiếp ; A. GARDINER, Ai Cập thời các Pharaông, Oxford 1961, tr. 252 và tiếp.

minh họa các chiến dịch ở Palestine của đức vua, đã lưu lại cho chúng ta ghi chép, thậm chí là hình ảnh của những công trình này : pháo đài Sié (El Kantarah), công trình Sư Tử, Migdol (tháp) của nguồn Houpana, một thành phố được Séthi xây dựng lại và do đó được đặt tên là «Chiến thắng của Séthi-Mérengtha», v.v. Hoạt động xây dựng này chắc hẳn không chỉ giới hạn ở các lãnh thổ bên ngoài, mà còn mở rộng đến Péluse và Tanis, những nơi khởi nguồn của vương triều, nơi có sự hiện diện của người Semite với các chức năng khác nhau.

Những người này bị chính phủ Ai Cập nhìn với một thái độ thiếu thiện cảm. Giả sử ngay cả họ không tham gia vào cuộc nổi dậy đầu triều đại, người Semite, đặc biệt là khi tập trung thành nhóm trên biên giới, vẫn là một yếu tố sắc tộc gây rối, khó phân biệt đối với con mắt Ai Cập với phần còn lại của người Bedouin. Sách Xuất Hành tóm tắt xuất sắc tình huống khi khiến Pharaoh nói: «Ta hãy dùng những biện pháp khôn ngoan đối với nó (Israel), kẻo nnó gia tăng lên, và một khi có chiến tranh, nó hùa theo địch quân mà chống lại ta, rồi ra khỏi xứ [17]». Người ta thấy được những lo ngại, có cơ sở về mặt chính trị, của chính phủ Ai Cập đối với các bộ tộc hay gây rối và mặt khác lại sinh sôi nảy nở. Chống lại sự sinh sôi nảy nở của người Semite đang đe dọa đặc

17 Xh 1, 10.

tính sắc tộc của nome yêu thích của mình, Séthi đã áp dụng các biện pháp mà rốt cuộc tỏ ra không hiệu quả.

Ông không theo đuổi một cách có hệ thống việc tiêu diệt chủng tộc ; ông nghĩ nhiều hơn đến việc sử dụng họ như một lực lượng lao động. Ông cần một số lượng lớn lao động cho việc xây dựng các pháo đài và các thành phố «kho trữ» [18] của ông, như Kinh Thánh gọi, tức là những thành phố nhằm phục vụ như căn cứ cho các chiến dịch ở Palestine : người ta có thể bố trí xe chiến mã và ngựa ở đó và tích trữ lương thực. Cho những công trình khổng lồ này, đối với Pharaoh dường như là hoàn toàn tự nhiên khi sử dụng lực lượng lao động mà ông tìm thấy ở gần đó, tức là những người Israel phiền phức này, những người như vậy có thể trở nên hữu ích cho việc gì đó. Hơn nữa, dường như họ không phải là những người duy nhất. Người ta bao gồm họ trong thuật ngữ chung hơn là người Hebrew. Chính vào thời kỳ này mà thuật ngữ Ai Cập «Aperou», người Hebrew [19], vốn được dùng cho đến lúc đó để chỉ các thành phần lang

18 Xh 1, 11.

19 Thuật ngữ này là phiên âm của ‘aperou/Hapiru. Người Hapiru có mặt trên khắp Cận Đông vào thiên niên kỷ II trước Công nguyên, xem H. CAZELLES, «Người Hebrew», trong D. WISEMAN, Peoples of Old Testament Times, Oxford 1973, tr. 1-28.

thang ở rìa nền văn minh, bắt đầu được sử dụng như một từ đồng nghĩa với lao động nặng nhọc [20]. Ở đó có một khối đông người cần phải bắt làm việc ; quyền lực chống lại họ và trở thành kẻ áp bức, chính sách đòi hỏi điều đó. Do đó, Bộ máy Hành chính sẽ đè nặng toàn bộ sức nặng của mình, họ sẽ gửi các đốc công : công việc sẽ được thực hiện nếu cần dưới những trận đòn và cây gậy.

Người ta không tính đến việc tìm thấy những kỹ thuật viên ở những người chăn gia súc này ; người ta không yêu cầu họ làm kiến trúc sư hay thậm chí thợ nề. Người ta để họ trong vùng nông thôn của họ, ít nhất là lúc đầu, nhưng bắt họ chuẩn bị đất sét và gạch. Đó là một công việc đơn giản vì người ta không nung gạch : người ta chỉ phơi khô nó dưới ánh mặt trời. Công việc bao gồm trộn đất sét lỏng với rơm làm chất kết dính, rồi cho tất cả vào khuôn hình chữ nhật [21] Ban đầu, người Israel

20 Họ có mặt tại Jaffa dưới thời Touthmès III, tại Béisan (Palestine) vào đầu triều đại Séthi I và làm việc trong các mỏ dưới thời Ramses IV (khoảng 1150 trước Công nguyên). Trong Kinh Thánh, thuật ngữ này trở nên lỗi thời vào thời David và chỉ xuất hiện trở lại như một chủ nghĩa cổ xưa rất lâu sau thời lưu đày.

21 Xem hình ảnh minh họa trong G. POSENER - S. SAUMERON - J. YOYOTTE, Từ điển về nền văn minh Ai Cập, Paris 1959, tr. 38, Màu trong VIGOUROUX, Dictionnaire de la

không phải tự đi tìm rơm ; người ta mang nó đến cho họ và công việc này là dễ dàng. Nhưng nó đơn điệu và gò bó : họ phải giao nộp hàng ngày một số lượng gạch nhất định do nhà chức trách ấn định. Thay vì sự tự do của dân du mục theo đàn gia súc của mình và trong cuộc sống của họ có chỗ cho phiêu lưu và nhàn rỗi, một nhiệm vụ đều đặn và tẻ nhạt được áp đặt bởi chính quyền Ai Cập lên người Hebrew.

Hơn cả sự mệt mỏi, đối với người Israel, đây là một sự sỉ nhục. Họ nhìn thấy trong nghĩa vụ này một sự nô dịch. Họ thấy mình như bị cuốn vào cỗ máy lao động đó là Ai Cập, như bất kỳ đất nước văn minh nào khác. Trong khi cho đến lúc đó họ ở bên lề xã hội Ai Cập, họ có thể giữ được sự độc lập và niềm kiêu hãnh của người Bedouin hoặc bán du mục, thì giờ đây họ trở thành những đầy tớ của Đức Vua. Do đó, họ chỉ thi hành một cách miễn cưỡng, và bộ máy hành chính Pharaoh, quen với lao động không mệt mỏi của fellah (nông dân), chỉ thấy ở sự kháng cự này là sự lười biếng ; do đó họ siết chặt sự giám sát và làm nặng thêm ách áp bức. Hơn nữa, mối nguy hiểm từ người Hittite và châu Á, luôn luôn cấp bách, buộc Séthi I phải tính đến các chiến dịch mới bên ngoài biên giới. Tình hình của người Israel xấu đi.

Bible I, cột 1942.

Môsê sẽ trở thành thế nào trong những tình huống này ? Với học vấn, văn hóa, tương lai của mình, ông là một viên chức Ai Cập. Ông đã trở thành «người có thế giá lớn trong đất Ai Cập, trước mắt các bề tôi của Pha-ra-ô» (Xh 11, 31). Nhưng bởi gia đình và dòng máu, ông là người Israel. Ông chưa bao giờ quên hay chối bỏ nguồn gốc của mình. «Khi lớn lên, Kinh Thánh nói với chúng ta, ông đi thăm các anh em đồng bào» (Xh 2, 11). Những thuận lợi ở triều đình, hay nền giáo dục cao của ông, đều không dập tắt được trong ông cảm giác sâu sắc về tình liên đới với những người không văn minh này, những người vốn không có khả năng hiểu ông, và có khuynh hướng ghen tị hơn là quý trọng ông. Sức mạnh nào trong mối liên hệ máu mủ đã thúc đẩy Môsê đến với anh em của mình ! Ở những người nguyên thủy và du mục, đó là mối liên hệ xã hội tuyệt vời, có thể nói là mối liên hệ duy nhất. Mối liên hệ khế ước chỉ có giá trị nếu người ta đồng hóa nó với mối liên hệ máu mủ : từ đó có nghi thức trao đổi vài giọt máu khi ký kết một hợp đồng. Hơn nữa, mối liên hệ huyết thống ở đây có giá trị thần thánh : dòng dõi Abraham được Chúa chúc phúc và là người nắm giữ các lời hứa. Thiên Chúa của các người cha này thu hút Môsê bằng dòng máu kết nối ông với các bộ tộc và biến ông thành một tín đồ, một tín nhân, thậm chí là một người thân thuộc.

Do đó, Môsê đã không quên anh em của mình. Ông đến với họ, không phải như một viên chức hay một đốc công, mà như một người anh em. Trước hết là «chứng kiến những việc khổ sai của họ», ông sẽ thấy mình bị dẫn đến chỗ đoạn tuyệt với chính quyền. Chẳng phải một ngày kia ông thấy một viên chức Ai Cập đánh một người Hebrew sao ? Nếu đó là một người Hebrew không thuộc Israel, có lẽ ông đã không phản ứng, vì quá tôn trọng chính quyền Ai Cập mà ông thuộc về, nhưng đó là một «người Híp-ri trong số những người anh em của mình [22]». Không có nhân chứng nào khác, không có ai ở đó : được thúc đẩy bởi sức mạnh cao cả này là mối dây máu mủ, Môsê giết người Ai Cập. Không ai thấy ông, ông nghĩ, ông giấu xác chết, bởi vì ông không có ý định chọc giận Pharaon trực tiếp. Nhưng trên thực tế, điều không thể vãn hồi đã xảy ra. Chuyện này bị tiết lộ không rõ bằng cách nào, có lẽ là do sự ghen tị của những người Hípri, những kẻ chẳng có thiện cảm gì với người được vận may chiếu cố này. Rồi khi, ngày hôm sau, ông ta muốn can thiệp vào một cuộc cãi vã giữa những người Hípri, không rõ là người Ítraen hay không [23], thì kẻ bị sự can thiệp của ông làm phiền đã thẳng

22 Xh 2, 11.

23 Rất có thể là không phải người Ítraen. Ở đây không nói rõ họ là «trong số những người anh em của Môsê» ; những người sau này hẳn đã ít có khả năng từ chối sự can thiệp của

thừng cho ông biết rằng hành động của ông đã bị biết tới và ông chẳng có quyền đóng vai trò quan tòa. Công lý và cảnh sát có đủ mọi cách để xác lập các sự kiện mà chẳng có nhân chứng nào ; có lẽ người ta đã nghi ngờ ông từ trước rồi.

Môsê chỉ còn cách rời khỏi đất nước. Một sức mạnh quyền năng hơn sức ông đã hoàn tất sự đoạn tuyệt của ông với vùng đất ông nhập tịch. Thiên Chúa của Ápraham [24], hành động nhờ sức mạnh của mối dây huyết thống mà Môsê đã biết cách giữ được lòng trung thành, đã đưa người thanh niên này ra khỏi đất Êdíptô. Sự đào tạo ông nhận được ở đó sẽ không mất đi : các mối quan hệ, học vấn, tất cả những thứ đó sau này sẽ có ích cho ông. Hiện tại, một sự đào tạo khác là cần thiết, ít tính nhân bản hơn và mang tính tôn giáo hơn, điều mà ông sắp được khai tâm ở những vùng hoang dã phía đông. Là một kẻ chạy trốn chính trị giống như một Sinouhé nào đó mà các cuộn giấy cói đã lưu giữ lại câu chuyện được tiểu thuyết hóa của ông ta, Môsê đi đến những vùng hoang địa, có lẽ trải qua những tình

---

ông hơn.

24 Về Thiên Chúa của Ápraham, xem H. Cazelles, trong Les quatre fleuves 6, 1976, tr. 5-17. Đó là «thần của Một Ai Đó» hoặc «thần của tôi» ở Mêsôpôtami.

tiết ly kỳ giống như ông ta, trải qua cơn khát và nỗi lo âu. Nhưng đó là cho một số phận hoàn toàn khác biệt.

Chương II - Madian Và Ơn Gọi

Trong khi sau khi vượt qua eo đất, Sinouhé đã đi lên phía bắc, đến vùng đất Qêđem, một vùng có những đồng cỏ lớn mà Giacóp cũng đã đi qua [25], có lẽ là Bashan ở phía nam Đamát, thì Môsê lại đi thẳng về hướng đông. Chúng ta gặp lại ông ở Mađian, trên bờ biển phía đông của vịnh Áqaba.

Về địa điểm, không còn nghi ngờ gì nữa. Chính từ phía đông mà người Mađian tấn công người Ítraen trong sách Thủ Lãnh ; chính ở Môáp, trên bờ phía đông của Biển Chết, mà sách Dân Số [26] liên kết người Mađian. Vào khoảng thời đại chúng ta, những người Ả Rập Nabatea đã biến nơi này thành một trung tâm văn hóa, khắc các bản khắc chữ và xây những lăng mộ thực sự mà ngày nay vẫn còn đẹp nhưng không đạt được sự trù phú như Pétra. Có lẽ chính nhờ họ mà nhà địa lý người Hy Lạp Ptôlêmê đã có thể ghi lại trên bản đồ của mình một Mađian với các tọa độ của nó. Các nhà địa lý Ả Rập đã không phủ nhận điều đó và truyền thống Hồi giáo đã lưu giữ trong ốc đảo Beda ký ức về Mađian, về Môsê và về cha vợ của ông. Những người hành hương đi Mécca đã đi qua đó khi rời khỏi Êdíptô và khi đối

25 St 29, 1.

26 Ds 22, 3.7

mặt với vùng Ả Rập khắc nghiệt. Bây giờ đó là cực đông bắc của vương quốc Xaúđi, và khu vực này là một trong những nơi đầu tiên chịu ảnh hưởng của sự chia cắt lãnh thổ hiện nay. Nhưng, cho đến chế độ Thổ Nhĩ Kỳ, các bộ lạc vẫn dễ dàng sang phía bên kia vịnh mà người ta gọi là bán đảo Xinai. Trong trường hợp hạn hán, người ta đã đưa các đàn gia súc đến tận Êdíptô [27].

Ốc đảo Mađian, với những giếng nước và những ngôi mộ của nó, nằm trong một thung lũng (wadi) chạy từ bắc xuống nam song song với vịnh. Thay vì những bùn phù sa màu mỡ của sông Nin hay những đồng cỏ xanh tươi của Qêđem, người tị nạn Môsê đã đến một vùng đất khắc nghiệt với thảm thực vật nghèo nàn. Những thung lũng khắc nghiệt này, khó tiếp cận, mới chỉ được một số ít nhà du hành viếng thăm. J. Burckhardt và C. Doughty, vào thế kỷ XIX, đã xác định được con đường hành hương. Sau đó là vị linh mục người Áo không biết mệt mỏi, A. Musil. Rồi đến các cha Jaussen và Savignac, thiên về phía đông hơn, để tìm kiếm các bản khắc chữ. Rồi Huber, người sau cùng bị những người hướng dẫn của mình ám sát. Và cuối cùng, gần đây hơn là Philby [28] trước khi ông ta thất sủng, quan tâm đến việc ghi lại các quan sát của mình hơn là những người

27 A. MUSIL, Northern Hedjaz, New York 1926, tr. 128.

28 J. PHILBY, Vùng đất Midian, Luân Đôn 1957.

được các công ty dầu mỏ cử đến.

Vùng Mađian đúng nghĩa không phải là sa mạc cát của một Sahara. Đó là một khối núi đá granit đỉnh cao nhất là Djebel el Lauz màu đỏ và trắng. Bị cắt xẻ mạnh mẽ, các dãy núi và các rặng núi không dễ vượt qua ngay cả đối với lạc đà. Các sườn dốc thường đổ xuống dựng đứng trên lớp trầm tích được san bằng của các thung lũng (wadis). Người ta đi từ thung lũng này sang thung lũng khác qua các đèo và các hẻm núi đôi khi khó phát hiện. Một người hướng dẫn có kinh nghiệm là không thể thiếu và thường ông ta chỉ biết vùng lãnh thổ du mục của bộ tộc mình, mà bộ tộc này ghen ghét bảo vệ sự tiếp cận.

Sương xuống nhiều, giông bão dữ dội, và các giếng nước tương đối nhiều. Sa mạc này là *midbar* của người Híp-ri, nơi người ta dẫn các đàn vật tới, mà, trừ trường hợp hạn hán nặng, tìm được các bụi cây để gặm, cây *ruthm* (retern trong tiếng Híp-ri), cây *ghada* và những thực vật khác biết cách tự vệ chống lại mặt trời. Ở đó có những cây bụi như cây tamaris và cây cọ lùn. Nếu nước trở nên dồi dào, đó là ốc đảo chà là, việc trồng hành, dưa, lựu và thuốc lá. Có những đàn vật nhỏ, đôi khi là súc vật lớn ; các loài chim không hiếm, nhất là chim đa đa, trong khi bay cao hơn là những con kền kền đáng

sợ và những con đại bàng cũng đáng sủa không kém. Thêm vào để hoàn thành bức tranh đó là vào năm 1916, người ta còn gặp con linh dương oryx ở đó. Châu chấu ăn hết mọi thứ, nhưng người ta cũng có thể ăn nó.

Đời sống của các bộ tộc tùy thuộc vào sự gắn kết của nhóm, sự cảnh giác của các thủ lĩnh và việc canh giữ các đàn vật. Theo lời của H. Charles, việc canh giữ này khó khăn trên vùng Trung Lưỡng Hà và đòi hỏi cơ bắp và sự mạnh mẽ ; chúng ta biết từ Musil rằng ở Bắc Ả Rập, những người chăn chiên nữ không hiếm và điều đó sẽ giải thích cho chúng ta về cuộc gặp gỡ của Mô-sê. Các bộ tộc này bám vào các giếng nước. Nhưng đôi khi họ phải rời khỏi khu vực, di chuyển theo mùa, và thậm chí di cư đến những vùng hiếu khách hơn. Jaussen, Couroyer và Musil đã thu thập được những ví dụ cho thấy các bộ tộc này trung thành gìn giữ ký ức về những nơi họ đã đi qua như thế nào.

Một buổi chiều, các con gái của một trong những thị tộc Ma-đi-an đã lùa các thú vật của họ về phía một cái giếng (Xh 2, 16-22) ; họ múc nước và đổ vào các máng nơi các con vật có thể uống. Và kìa, những người chăn chiên đến sau muốn lợi dụng công việc của họ ; lạm dụng sức mạnh của mình, họ bắt đầu đuổi những người phụ nữ này và đàn gia súc của họ đi. Chắc hẳn

họ đã thành công nếu không có một người ngoại quốc, dáng vẻ Êdíptô, đang ngồi trên thành giếng, đột nhiên can thiệp. Đó là Môsê, luôn nhạy cảm trước bất công ; dường như kinh nghiệm đã không dạy ông phải dè chừng những phản xạ của mình. Bối rối, những người chăn chiên biến mất. Môsê hoàn thành việc múc nước để phục vụ những cô gái trẻ này, vẫn còn đang xúc động, và cho đàn gia súc của họ uống, nhờ đó họ có thể trở về những lều trại của cha mình trước giờ thường lệ. Ngạc nhiên khi thấy họ trở về sớm như vậy, cha của họ, được gọi là Rêuên ở đây, nhưng xa hơn là Gíttrô (Xh 3) [29], thủ lĩnh của thị tộc, hỏi lý do. Họ kể cho ông nghe chuyện đã xảy ra. Ngoài bổn phận hiếu khách, thiêng liêng đối với người Bedouin, còn thêm lòng biết ơn : tù trưởng lập tức sai người đi tìm người ngoại quốc. Người này đã qua đêm như một vị khách, rồi trở thành một người trong số họ. Là người bảo vệ kẻ bị áp bức, Môsê đã mất Êdíptô nhưng ông đã được thị tộc Mađian này. Ở đó, ông không chỉ tìm thấy tình huynh đệ mà cho đến lúc đó ông còn thiếu, ông còn tìm thấy người mà ông sẽ cưới. Ông lập gia đình ở đó và, trở thành người chăn

29 Rêuên là một cái tên Êđôm và, trên thực tế, đã có những thị tộc Mađian chuyển sang hàng xóm Êđôm của họ. Nhưng tên của cha vợ Môsê thay đổi và dường như các truyền thống đã biến các thủ lĩnh thị tộc mà ông đã liên minh thành những người cha vợ khác nhau của mình.

nuôi, ông đã trải qua nhiều năm dài và yên bình ở đó.

Đó quả thực là những năm tháng êm đềm, nơi người thanh niên sôi nổi có thể lắng đọng nền văn hóa của mình và lọc lại những ý tưởng của mình. Thay cho một cuộc sống triều đình đầy sốt ruột, chất đầy đủ mọi nghĩa vụ, bị chi phối bởi một cuộc đấu tranh không ngừng để bảo vệ hoặc cải thiện vị thế của mình, bị vướng bận bởi những lo lắng do các xung đột sắc tộc và quyền lợi gây ra, đối với ông sẽ là một cuộc sống không có triển vọng nhân sinh và thoát khỏi những tham vọng cũng như những ganh đua. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn trên một vùng đất cằn cỗi, bộ tộc là một khối thống nhất. Ai lại đến tranh giành với họ những đồng cỏ nghèo nàn này ? Chính họ mới là những người đi cướp bóc các bộ tộc giàu có hơn, nhưng gia tộc của Jéthro dường như đặc biệt hiếu hòa. Jéthro hiện lên trong Kinh Thánh như một người rất khôn ngoan và thận trọng, kẻ thù của những cuộc phiêu lưu. Theo nhịp điệu của các mùa, sống nhờ vào sự sinh sôi của các đàn gia súc, bộ tộc này di chuyển bên ngoài những xung đột của các nền văn minh.

Hãy để trí tưởng tượng của chúng ta dẫn dắt chúng ta theo bước chân của một Môsê, một cư dân thành thị ở Ai Cập, trở thành người chăn nuôi ở Arabia. Vĩnh

biệt chữ hình nêm và chữ tượng hình ! Vĩnh biệt những căng thẳng về tư tưởng hay chính trị ! Điều chi phối cuộc sống của ông từ nay chính là bản thân cuộc sống của thiên nhiên. Ông khám phá ra rằng thiên nhiên này thất thường hơn những gì ông từng nhận thấy cho đến lúc đó. Ông không còn phải đối mặt với tính quy luật bất biến của những trận lũ sông Nile, luôn bắt đầu vào cùng một ngày. Giờ đây, ông đã biết đến tính bất ngờ của những cơn giông bão và bão tố, ông tham gia vào sự chờ đợi đầy lo âu cơn mưa sẽ cho phép thảm thực vật đâm chồi và các đàn gia súc có thức ăn. Mỗi ngày mang đến cho ông bằng chứng rằng con người sống trong sự phụ thuộc chặt chẽ, không phải vào các hệ thống, mà vào thiên nhiên như nó vốn có. Các quy luật tự nhiên đối với ông dường như đặc biệt khó nắm bắt hơn ông từng nghĩ khi ở Ai Cập. Khi ông tình cờ chứng kiến những trận lũ của các con suối khô cạn, đột nhiên cuốn theo những khối nước khủng khiếp, đó là một bài học cho cựu ký lục này, người đã có thể quên rằng các quy luật của tự nhiên không phải để con người đo lường !

Để nhận ra điều đó, chắc chắn, cần phải suy ngẫm. Nhưng Môsê có sở thích suy tư và giờ đây ông có thời gian để làm điều đó. Trong những giờ đồng hồ dài chăn thả, trong những cuộc hành trình rộng lớn trên hoang mạc thảo nguyên, trong sự tĩnh lặng của những không

gian không người ở, ông được ban cho khả năng chiêm nghiệm thoải mái. Ôi, biết bao nhiêu chủ đề để suy ngẫm cho một người đã sống quá nhiều ! Ở cực của thế giới văn minh lúc bấy giờ là Ai Cập của các Pharaon, ông đã có thể thấy nhiều và nghe nhiều. Giờ đây ông có thể suy nghĩ lại tất cả những điều đã đọc và tất cả những cuộc trò chuyện đó, ông có thể nhớ lại những sự sụp đổ của các quan chức, những khủng hoảng ngoại giao và quân sự, những khó khăn nội bộ và bên ngoài. Không quên câu chuyện của chính mình, số phận kỳ lạ của ông, đầu tiên được ưu ái và giờ đây bị chặn đứng một cách thô bạo. Tại sao lại có sự đối đầu giữa người Ai Cập và người Israel ? Tại sao những bộ tộc Semite này lại từ chối bị đồng hóa ?

Ông cũng phải suy ngẫm về cuộc sống mới của mình, quá gần gũi với thiên nhiên, giữa những con người không có văn hóa, nhưng có những truyền thống mạnh mẽ. Người ta không còn tin như Renan rằng sa mạc là độc thần ; không kém phần đúng là nó thích hợp cho sự suy tư tôn giáo sâu sắc nhất : cháu trai của Renan, chính Psichari, đã để lại cho chúng ta một bằng chứng. Sự cô đơn để cho linh hồn đối diện với chính nó và với công trình sáng tạo, nó cho phép lương tâm ngay thẳng nhận rõ hơn sự lệ thuộc của con người vào quyền năng tối thượng của Đấng Tối Cao, Đấng cai quản thiên nhiên

và đường đi của nó. Linh hồn nhạy cảm và công chính của Môsê, được thanh luyện bởi thử thách của ông, không thể không mở ra với khía cạnh tôn giáo của cuộc sống và ông khám phá ra trong chính mình và xung quanh mình một sự hiện diện tối thượng và uy nghi, chủ nhân của các sự kiện và số phận. Ông cảm nhận được chủ quyền của một quyền năng mà con người không thể làm gì chống lại, điều mà con người phải phục tùng mà không thể khống chế hành động của Ngài.

Về chủ đề này, Môsê còn tìm thấy một người đối thoại. Jéthro, người mà ông đã cưới con gái, là một tư tế. Chức tư tế thực sự gắn liền với chức năng gia trưởng ở những người du mục : chính người cha là người cầu nguyện và hiến tế. Nhưng dường như còn có nhiều hơn thế : sự nhấn mạnh trong các văn bản của chúng ta khi xác định ông là «tư tế» cho thấy rằng đây không phải là một thầy tế thông thường. Sự kính trọng của Môsê đối với ông, cách ông chấp nhận những lời khuyên của ông, nhấn mạnh tầm quan trọng của tính cách tôn giáo của nhân vật. Chắc chắn họ đã trò chuyện với nhau về tôn giáo và truyền thống tôn giáo ; Môsê đã có thể đào sâu nhiều điểm trong tôn giáo của chính mình bằng cách nói chuyện với cha vợ và nhìn thấy ông sống tôn giáo của mình.

Sẽ khá vô ích nếu muốn đưa ra quá nhiều chi tiết ở đây. Các văn bản Kinh thánh quá súc tích và việc viện dẫn các phong tục của người Bedouin và Nam Ả Rập có nguy cơ sai lầm trên nhiều điểm. Chúng ta hãy nhớ chủ yếu rằng các phong tục và truyền thống của người Madian phải khá gần với phong tục và truyền thống của người Israel. Thật vậy, Kinh Thánh cho rằng Madian là con cháu của Abraham qua một trong những người vợ của ông, Qeturah [30], dấu hiệu cho thấy có sự gần gũi giữa hai nhóm bộ tộc này. Môsê hẳn đã bị ấn tượng bởi sự giống nhau giữa các phong tục tương ứng của họ. Thậm chí có thể các truyền thống đã được bảo tồn nguyên vẹn hơn ở người Madian so với người Israel. Tiếp xúc với tôn giáo Ai Cập, những người sau không thể không chịu bất kỳ ảnh hưởng nào ; ngược lại, gia tộc du mục Jéthro, ở phía bắc Arabia, đã được giữ gìn nguyên vẹn không pha trộn. Jéthro hiến tế như Abraham đã hiến tế ; như ông, ông nhìn thấy nơi Thiên Chúa đồng minh của bộ tộc, người thân của tổ tiên mình và ông tôn thờ Ngài là Đấng bảo vệ quyền năng, đảm bảo sự sống và của cải. Do đó, Môsê có thể tìm lại được tôn giáo nguyên tuyền của vị tổ phụ chung, người đã sống trong sự thân mật với Thiên Chúa quyền năng và bí ẩn, Đấng mà ông nhận được các lời sấm và mệnh lệnh.

---

30 Xem St 25, 1-2.

Đối với những con người tôn thờ, cầu nguyện và dâng hiến lễ vật cho Ngài, Thiên Chúa vừa là chủ nhân, vừa là người thân và là đồng minh [31]. Đó là thủ lĩnh bất khả chiến bại, đẩy lùi nguy hiểm và bảo đảm quyền lực của vị tư tế-gia trưởng, thủ lĩnh hữu hình của bộ tộc này. Nhưng Môsê, người đã biết đến nhà nước lớn của Ai Cập, được dẫn dắt bởi chính diễn biến của suy tư tôn giáo của mình để nhận biết Ngài với một tầm vóc rộng lớn hơn nhiều. Ông đã thấy quyền lực của Pharaon, chủ nhân của Ai Cập, chủ sở hữu đất đai, được phục vụ bởi vô số quan chức và nông dân, và cuối cùng là chủ nhân của một đội quân đáng sợ. Do đó, Môsê không còn có khuynh hướng hình dung vị Thần bảo vệ như một vị thần bộ lạc đơn thuần, mà ông khoác lên Ngài tất cả sự uy nghi của Pharaon. Đó là một vị Thần quốc gia. Phải vâng phục vị thần này như đám đông trong thung lũng sông Nile trên thực tế vâng phục vị quân chủ của Thebes hoặc Tanis. Một là hữu hình, được các thần dân của mình coi là hiện thân, hay đúng hơn là người thừa kế của thần linh mà mình tham dự vào [32]. Đấng Kia vẫn vô hình và siêu việt, nhưng với cùng quyền năng công lý và cưỡng chế, cùng sức mạnh đáng sợ đối với kẻ thù. Đức tin của Môsê đã đi như vậy, trung thành với đức

31 Về những điểm này, xem E. DHORME, Tôn giáo của người Hê-brơ du mục, Bruxelles 1937, tr. 313.

32 Ugaritica VI, pp. 25-44, Paris 1969.

tin của tổ tiên, nhưng được nuôi dưỡng và phát triển bởi một kinh nghiệm được mở rộng.

Về điểm này, Jéthro không thể cho Môsê điều gì, tôn giáo của ông nhất thiết vẫn dừng lại ở giai đoạn nguyên thủy gia trưởng. Nhưng chính xác là trên những dữ liệu cũ của tôn giáo, đơn giản đến mức đôi khi người văn minh quên chúng, ông đã thu hút sự chú ý của con rể. Có lẽ chính ông là người đã nhắc nhớ vị anh hùng của chúng ta về giá trị của ngày nghỉ ngơi thứ bảy, ít nhất người ta đã khẳng định như vậy. Những người du mục, những người thường sống về đêm nhiều hơn ban ngày, trung thành với nhịp điệu của mặt trăng và các ngôi sao, điều giải thích cho sự nghỉ ngơi bốn lần trong một tháng hai mươi tám ngày [33]. Ngày sabát chắc chắn có nguồn gốc từ cách tính mặt trăng của tháng và vì tinh cầu của đêm với ánh sáng dịu dàng của nó được người Bedouin ưa thích hơn mặt trời nóng bỏng. Mỗi ngày thứ bảy là một ngày nghỉ làm, một ngày xấu cho các hoạt động của con người.

---

33 Tháng âm-dương, dựa trên các tuần trăng, là hai mươi chín ngày rưỡi nhưng tháng âm-tinh tú, dựa trên vị trí của mặt trăng trong các chòm sao, chỉ có hai mươi tám ngày và vẫn được sử dụng ở Ả Rập và Sudan (cách tính Anwas, xem MASSIGNON : *Niên giám thế giới Hồi giáo*, ấn bản lần thứ 3, Paris 1932).

Theo cùng một trật tự ý tưởng, có thể thừa nhận rằng phép cắt bì, một tập tục gia trưởng khác đã rơi vào tình trạng không được dùng nữa ở người Israel, vẫn được sử dụng ở người Madian. Con gái của Jéthro kết hôn với Môsê, Cippora, biết giá trị tôn giáo của nó. Các nhà dân tộc học tranh luận về ý nghĩa và động cơ của tập tục rất phổ biến ở những người nguyên thủy này, và nó được liên hệ với các nghi thức khai tâm của những chàng trai trẻ vào cuộc sống hôn nhân. Nhưng chúng ta biết rằng trong các truyền thống Kinh thánh, nghi thức sẽ được giải thích như là dấu chỉ của một giao ước với vị thần của bộ tộc [34]. Như mọi giao ước, nó được ký kết bằng máu. Khi Môsê lâm bệnh vào lúc sắp đối mặt với quyền lực của Pharaon, Cippora, để che chở ông bằng Giao Ước của Thiên Chúa của bà, đã cắt bì con trai họ và, bằng một cử chỉ đầy ý nghĩa, đã cho chồng mình hưởng nhờ phép cắt bì đó. Do đó, ngoài ý tưởng về phép cắt bì, dấu chỉ của giao ước, còn có ý tưởng về sự thay thế một nạn nhân này bằng một nạn nhân khác. Ý tưởng khác này cũng là một phần di sản của những truyền thống Semite cổ xưa được truyền lại cho Cippora bởi gia tộc của bà.

---

34 St 17, 9-10.

Quan trọng hơn nữa là một câu hỏi khác, được tranh luận nhiều : tên của vị thần mà Jéthro tôn thờ là gì ? Không phải chính ông là người mà Môsê đã mắc nợ về sự hiểu biết Thiên Chúa quốc gia của Israel ? Trên thực tế, dữ liệu của vấn đề này rất phức tạp và ở đây không thể bàn thảo. Sau đây chỉ là một giải pháp có nhiều khả năng đúng.

Chúng ta đã nhiều lần nói rằng các người Israel vào thời Môsê biết rằng Vị Thiên Chúa dẫn dắt họ đã tỏ mình ra cho các tổ phụ, cho Abraham, Isaac và Jacob. Nhưng vị thần của các Tổ phụ này đã không muốn cho biết danh tính của Ngài và, một ngày nọ, khi Jacob ép buộc, Ngài đã trả lời bằng một câu từ chối [35]. Quả thật, giờ khải hoàn vẫn chưa điểm để kêu cầu Ngài, vì việc phụng tự Ngài chưa được thiết lập. Thiên Chúa muốn giữ kín mầu nhiệm của Ngài. Hơn nữa, đối với người Semite, danh xưng không phải như đối với chúng ta chỉ là một cách gọi đơn thuần, mà là cả một cụm từ ngắn mang một ý nghĩa và diễn tả nét nổi bật trong con người của cá nhân. Đối với một vị thần, nói ra danh của mình có nghĩa là mặc khải chính mình.

35 St 32, 30.

Hệ quả là ở Israel, người ta vẫn trung thành với những danh xưng thần linh cổ xưa, đôi khi không hoàn toàn ý thức được điều đó : không phải một thứ chính thống nghiêm ngặt nhất ngự trị trong các bộ lạc thời đó. Những danh xưng cổ xưa này diễn tả sự bảo vệ của một hữu thể đặc biệt mà người ta ít nhiều nắm bắt được mối liên hệ với chính Vị Thiên Chúa của các Tổ phụ. Chúng đóng vai trò nào đó giống như các thiên thần hộ thủ và các thánh bảo trợ trong truyền thống Công giáo. Trong gia đình của mẹ Môsê, tức gia tộc của tổ phụ Lêvi [36], một vị thần cổ tên là Yaw đã được kêu cầu và tôn kính như vậy. Khi cô bé chào đời, người ta đã đặt cho cô tên là Iôkébéd, có nghĩa là một điều gì đó như «Vinh quang thuộc về Yaw». Như vậy, trong gia đình này có một lòng sùng kính rõ rệt đối với danh xưng cổ xưa này. Chúng ta có thể khẳng định rằng nó rất cổ xưa, bởi vị thần Yaw này đã được tôn thờ ở phía bắc Syria bởi thầy bói Balaam [37] sống trong vùng uốn khúc của sông Euphrates và bởi người Phoenicia ở Ras Shamra-Ugarit, theo mọi khả năng [38]. Vì thế, Môsê đã nhận

---

36 Lòng gắn bó của chi tộc Lêvi đối với Yaw (Yahweh) sẽ được biểu lộ một cách rực rỡ tại Sinai.

37 Ds 22, 8 tt.

38 Các bản văn Ras Shamra VI AB 4/14 trong Ch. VI-ROLLEAUD, Nữ thần Anat, tr. 98. Một hoàng tử Syria thế kỷ VIII, Yaoubidi, cũng mang một danh để vinh danh Yaw (xem

được lòng sùng kính này từ mẹ mình, cũng như các truyền thống tôn giáo khác mà bà đã truyền lại cho ông. Nhưng có lẽ ông đã không gắn cho nó một tầm quan trọng đặc biệt, vì các bộ lạc khác không đồng ý với bộ lạc của ông về điểm này. Hẳn ông đã không khỏi ngạc nhiên khi thấy danh thần này được tôn kính nơi người Madianites, những người ông đang sống gần đó. Quả thật, có nhiều khả năng rằng đó chính là tên vị thần bộ lạc của thị tộc Jéthro [39]. Chẳng lẽ không nên xem đây là một trong những lý do đã thúc đẩy Môsê ở lại giữa họ ?

Ý nghĩa sâu xa của danh thần này, của hai phụ âm huyền bí y và w có một chức năng rất đặc biệt trong các ngôn ngữ Semite, là gì ? Vì mọi danh xưng đều có một ý nghĩa, vậy danh xưng này có nghĩa là gì ? Nó dạy gì về con người huyền nhiệm của vị thần các tổ phụ ? Về bản tính, những ước muốn và ý chí của Ngài ? Đó là một chủ đề suy tư cho Môsê trong những cuộc du hành chăn chiên và là đề tài đàm đạo với nhạc phụ của ông. Nhưng, về điểm này, dường như Jéthro đã không cho ông nhiều ánh sáng. Vị tư tế này tôn kính thần của mình

---

LODS, Israel, tr. 371 ; H. HUFFMONN, Tên riêng Amorite, Baltimore 1969, tr. 70-72).

39 Xem Xh 18, 8 đến 10. Dưới dạng Yhw, danh của vị thần quốc gia Israel đã được tìm thấy tại Sinai trong thành trì của Kuntillat-Ajrud, thế kỷ IX-VIII trước CN.

dưới danh xưng đó, truyền thống cho ông một cái tên chứ không phải một nền thần học. Thần linh vẫn được che phủ dưới tấm màn vô hình và huyền nhiệm của Ngài. Cả kiến thức truyền thống của Jéthro lẫn nền văn hóa suy tư của Môsê đều không xuyên thủng được nó. Chính vị Thần này phải tự mặc khải chính mình, tự cho biết chính mình.

Một ngày kia, Môsê dẫn đàn chiên của mình đi xa hơn thường lệ, «vượt qua *midbar*» (vùng hoang địa), nơi người ta dẫn các đàn chiên đến, như bản văn nói với chúng ta. Ông thấy mình đứng trước một ngọn núi khô cằn trong số những ngọn núi như thế, có lẽ là một ngọn núi «thánh», không có màu xanh, mang cái tên rất ý nghĩa là Horeb [40]. Quả thật, ở gần Madian có một wadi (thung lũng) tên là Horb [41], nhưng có lẽ chính truyền thống Môsê về nơi chốn đã thu hút cái tên này. Các thánh địa lớn của vùng thực ra nằm cách Madian khoảng 200 km về phía đông và một trong số đó được xác định bởi đền thờ Nabataean của Rawafa mà người

---

40 Trong tiếng Hebrew có nghĩa là «bị tàn phá, khô cằn».

41 Xem A. Musil, Northern Hedjaj, tr. 130. Thậm chí còn có một ngọn núi Harb xa hơn nữa. Sau khi quy cho truyền thống M (Môsê) núi của Thiên Chúa và Horeb cho truyền thống E (Elohist), các dấu hiệu dường như ủng hộ điều ngược lại đối với tôi.

ta vẫn có thể nhìn thấy tàn tích và đọc được dòng chữ khắc.

Đây không còn là vùng tương đối có thể ở được của Madian nữa, mà là một vùng núi lửa mà các núi lửa [42] của nó vẫn còn hoạt động vào thế kỷ XIII sau CN. Đi theo những con đường mòn mà ngay cả lạc đà cũng ngần ngại, du khách dần dần chuyển từ đá granit nhiều màu sang những dòng dung nham đen và những vùng hoang vu của Harra. Các ngọn núi mang những hình thù đáng ngạc nhiên như răng, hình nón hoặc thân hình nón, những âm thanh lạ lùng vang lên, và những truyền thuyết lưu truyền. Thật khó hình dung Môsê dẫn người

42 rong một loạt nghiên cứu «Việc xác định vị trí Sinai và các truyền thống của các kinh sư» Tạp chí Lịch sử và Triết học Tôn giáo, 1963, tr. 2-31 ; 1964, tr. 200-235. - Địa điểm Al-Jaw trong vùng đất Madian xưa, Paris 1971, J. Koening đã nhắc lại tầm quan trọng của vùng này về mặt Kinh Thánh và nhấn mạnh những sự trùng hợp đáng ngạc nhiên giữa các địa danh và tên địa điểm được đề cập trong sách Xuất Hành. Ví dụ, Rephidim tương ứng với Refoud của Madian hơn là với Wadi Refayed giữa Musa và Serbal. Tuy nhiên, tên của wadi này là Refayed chứ không phải Refayel, như đã có thể được xác minh trong chuyến thám hiểm của Trường Kinh Thánh vào tháng 4 năm 1978 do E. Nodet chỉ đạo. Vì vậy, cách nhận dạng thứ hai này vẫn có thể xảy ra. Nó nằm hơi tách biệt so với W. Sullaf dẫn đến Ste-Catherine ; ở đó không có đường mòn, không có bản khắc, không có cây cối.

Israel từ Ai Cập vào những vùng gần như không thể tiếp cận này ; nhưng chính bản thân ông đã có một kinh nghiệm tôn giáo ở đó, kinh nghiệm sẽ đánh dấu sau này những kinh nghiệm ở Horeb và Sinai, đó là điều có khả năng. Cũng không kém phần có khả năng rằng thánh địa này, «ngọn núi thánh» này, đã từng là điểm hành hương cho người Madianites, thậm chí cho chi tộc Ruben.

Ngọn núi của Thần Jéthro và người Madianites sẽ trở thành cho Môsê ngọn núi của bụi gai bốc cháy. Điều đó có nghĩa là gì ? Môsê khi ấy đã thấy gì ? Chúng ta đã thấy ông ở Ai Cập chọn «Thiên Chúa của các tổ phụ» chống lại các thần của quyền lực pharaon. Chúng ta đã thấy ông gần nhạc phụ của mình, vị tư tế xứ Madian, tìm lại các truyền thống Semite của tổ tiên. Nhưng chúng ta cũng đã thấy rằng chàng thanh niên Môsê đã không lui tới triều đình có học thức nhất thời đó mà không nhuốm màu nhân bản vào các truyền thống tổ phụ. Điều đó không mâu thuẫn.

Thiên Chúa của các Tổ phụ cũng là một Thiên Chúa Cha. Thiên Chúa Cha này không phải là người cha đáng sợ, hay trừng phạt như Freud đã tưởng tượng. Chúng ta biết qua các văn bản Phoenicia thế kỷ XIV được phát hiện ở Syria từ năm 1929 rằng vị Thiên Chúa Cha này

rất chân thành và đầy lòng trắc ẩn. Hơi lẫn vì tuổi già, Ngài dễ dàng đáp ứng những yêu cầu người ta dâng lên. Được gọi là El, Ngài đã được tôn thờ dưới danh xưng này bởi các tổ phụ Israel khi đến Canaan và các pharaon Hyksos có thể đã biết đến Ngài ở Ai Cập. Và sau thời kỳ Amarna, song song với việc phụng tự chính thức các vị thần bảo vệ Đế chế và gìn giữ sự thịnh vượng của nó, một lòng đạo đức tươi mát và sống động hơn đã khẳng định. Sự tôn thờ dịu dàng các thế lực vũ trụ trong những gì chúng có lòng nhân từ và đem lại niềm vui cho con người đã in dấu vào tâm hồn các kinh sư Ai Cập, và việc thờ mặt trời là biểu tượng của điều đó. Người ta tôn thờ các vị thần và nhất là Amon với sự thân mật và yêu mến : «Người ta đã ca hát cho Ngài ở mọi nơi ; vào ngày lễ, người ta nấu bia cho Ngài», người ta đọc thấy trong thánh thi dâng Amon. Seth, vị thần của Tanis, vị thần của vị pharaon đương triều, có những nét gợi nhớ đến Baal của người Semite, cũng được tán dương như vậy.

Các vị thần gần gũi với con người, họ nhậm lời những ước muốn của họ và truyền cảm hứng hy vọng và tin tưởng cho họ. Họ can thiệp vào các vụ kiện của tín đồ, họ cung cấp cho họ những chức vụ có lợi, họ giúp họ thắng cuộc chơi, họ bảo vệ gia đình và con cái họ khỏi bệnh tật, họ thậm chí có thể chữa lành cho họ như nữ

thần vùng núi Thebes đã làm.

Nhưng nếu Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob là vị thần gia tộc rất gần gũi với tín đồ, liệu Ngài có làm chủ thiên nhiên không ? Phải chăng Ngài chỉ là Vị Thiên Chúa ẩn giấu trong lương tâm của tín đồ, có khả năng gợi ý những lời khuyên khôn ngoan cho tín đồ biết lắng nghe Ngài ? Hay Ngài cũng là, như các vị thần lớn của Lưỡng Hà, các vị Ré, Seth và Min của Ai Cập, Baal của người Canaan, sức mạnh sinh sôi nảy nở ban phát và làm cạn kiệt sự sống ? Phải chăng Ngài là một vị thần có khả năng làm cho bụi cây mọc lên trên những ngọn núi hoang vu ?

Theo Xh 3, 2, một cảnh tượng bất ngờ đã làm Môsê ngạc nhiên, trên núi của Thiên Chúa : từ xa, một bụi gai hiện ra với ông đang bốc cháy. Tò mò, Môsê đi vòng đến chân núi để xem xét kỹ hơn điều kỳ lạ này, «một thị kiến lớn». Chính lúc đó đã xảy ra cuộc mặc khải nổi tiếng : con người tiến lại gần và một tiếng nói gọi tên ông. Với Abraham, ngày xưa, Thiên Chúa đã hiện ra dưới hình lửa «như một lò nghi ngút khói và một ngọn đuốc cháy» (St 15, 17), nhưng chính giọng nói đã phải mặc khải cho Môsê kinh ngạc biết rằng ở đó có một sự hiện diện đặc biệt của Thiên Chúa. Vùng đất ông đang giẫm chân lên là một vùng đất thánh, được thánh hiến

bởi sự hiện diện của Đấng Cực Thánh : vậy con người hãy cởi dép ra vì lòng tôn kính đối với nơi này ! Đấng đang nói là Thiên Chúa của cha ông và của các tổ phụ ông, Thiên Chúa của Abraham, của Isaac và của Jacob; chính Người, để hoàn thành lời hứa của mình, đang quay lại với con cháu của các ngài. Môsê lúc đó đã tin chắc về sự hiện diện đặc biệt của thần tính liền che mặt đi, vì «không ai có thể thấy Thiên Chúa mà vẫn sống» (Xh 33, 20).

Tiếp theo đó là mặc khải thần linh. Nó phức tạp [43] : đề cập đến sứ mạng, phép lạ, lời hứa, thần học. Tuy nhiên, toàn bộ đều xoay quanh một điểm trung tâm : Thiên Chúa của các tổ phụ muốn giải thoát con cháu của các ngài khỏi ách áp bức của Ai Cập. Dân tộc Israel này là dân của Người và Người muốn trả lại tự do cho họ. Người ta đã cầu khẩn Người, đã kêu cầu Người ; Người đáp lại lời kêu cầu đó và, để đảm bảo nền độc lập cho dân Người, Người sẽ đi xa đến mức ban cho họ một lãnh thổ riêng nơi họ sẽ làm chủ. Người muốn đưa con cháu Israel lên vùng cao nguyên Canaan, đất nước nơi tổ tiên họ đã từng sống như những khách kiều cư giữa

43 Về các kênh truyền thống khác nhau đã tạo ra văn bản hiện tại, xem H. Cazelles, «Soạn thảo và Truyền thống trong Xuất Hành» trong Studien zum Pentateuch Festschrift W. Kornfeld, Vienna 1977, trang 37-38.»

người Canaan là những kẻ sở hữu vùng đất.

Ai sẽ thực hiện ý định thần linh này ? Chính Môsê. Ông sẽ là sứ giả của Thiên Chúa, người phải đưa các chi tộc Israel ra khỏi Ai Cập, và nhiệm vụ đầu tiên của ông là đến gặp Pharaô để báo cho vua biết sứ mạng thần linh của mình. Một nhiệm vụ tuyệt vời, dường như thế, một ơn gọi vô song có khả năng khơi dậy lòng nhiệt thành nơi người được gọi, người có thể dành trọn lòng yêu nước và đức tin của mình cho nó.

Nhưng Môsê không còn là một thanh niên nữa. Ông nhìn thấy ngay những khó khăn của sứ mạng đang mở ra trước mắt mình và ông đo lường được quy mô của nó. Xa vời với việc khiến ông nhiệt thành, sứ mạng này làm ông khiếp sợ. Như Jeremiah sau này và nhiều người khác trong suốt chiều dài lịch sử được kêu gọi cho một sứ vụ tôn giáo lớn lao, phản ứng đầu tiên của ông là lui bước. Chẳng phải ông đã cảm thấy yêu thích cuộc sống mới này, nơi mang lại cho ông sự bình an và an toàn, gia đình và bộ tộc, và cuối cùng là sự thấu hiểu tôn giáo sâu sắc hơn sao ? Tại sao phải trở lại Ai Cập ? Ông đã dò xét sức mạnh của bộ máy nhà nước Pharaô, sức mạnh và sự bền bỉ của các truyền thống của nó. Cuộc chiến chỉ có thể rất khốc liệt. Nếu ông còn giữ được vị trí trong bộ máy hành chính thì may ra ! Ở đó

chắc chắn vẫn còn những người quen biết, thậm chí là bạn bè, nhưng chẳng phải ông đã chạy trốn dưới một lời buộc tội đáng chết sao ? Mặt khác, những chướng ngại không chỉ đến từ các đối thủ của ông ; chúng chẳng phải cũng sẽ đến từ chính những người mà ông có sứ mạng phải cứu sao ? Thời thơ ấu ông ít tiếp xúc với họ, họ hiểu ông kém và hoàn toàn không sẵn sàng công nhận ông làm thủ lĩnh. Rất có thể họ sẽ khước từ ông và từ chối tin tưởng vào ông. Cuối cùng, ông sẽ dùng đến những phương tiện nào để lãnh đạo đám đông này, trong khi bản thân chẳng có chút gì là một quân nhân ? «Con là ai,» ông có thể đã kêu lên một cách chính đáng, «mà dám đến với Pharaô và đưa con cái Israel ra khỏi Ai Cập ?»

Bản thân ông chẳng là gì, đúng vậy, nhưng ông sẽ là một công cụ trong tay của một Đấng mạnh mẽ hơn ông, mạnh hơn Pharaô và toàn bộ quân đội của vua. «Ta sẽ ở với ngươi», Thiên Chúa phán. Môsê sẵn sàng tin điều đó, ông thừa nhận sức mạnh của Đấng huyền bí này, Đấng mặc khải chính mình cho ông một cách kỳ lạ như vậy. Ông sẵn sàng tin rằng ông sẽ trở lại cùng với dân được giải thoát để thờ phượng Thiên Chúa này trên chính ngọn núi thánh này ; nhưng liệu điều đó có đủ để lôi kéo người Israel theo ông không ? Họ biết gì về Thiên Chúa của Abraham, của Isaac và của Jacob

này, Đấng từ lâu dường như thờ ơ với số phận con cháu của các ngài ? Rốt cuộc Người là ai ? Liệu Người có mạnh hơn các thần của Pharaô, kẻ áp bức, vốn tự xưng là thần không ? Để làm được vậy, cần phải biết Người là ai, danh xưng nào xác định Người và tạo nên danh nghĩa để Người được lắng nghe và vâng phục. Người ta sẽ biết khi đó mình đang đối diện với vị thần nào. Bằng cách cho biết Danh của mình, Thiên Chúa sẽ tự mặc khải chính mình theo một cách nào đó, dù sao thì Người cũng sẽ tiết lộ bí mật về quyền năng của Người, như Ré đã tiết lộ cho Isis bí mật quyền năng của mình bằng cách cho bà biết Danh của ngài, theo như các truyền thuyết Ai Cập kể lại. Mặc khải này sẽ là dấu chỉ của một sự cam kết thực sự từ phía Thiên Chúa của các tổ phụ và sẽ đảm bảo cho sứ giả của Người sự trợ giúp và sức mạnh của Người.

Chính lúc đó một ý nghĩa mới xuất hiện. Thiên Chúa của các tổ phụ đích thực là Yahô hay Yaw, vị được tôn kính trong gia đình của Môsê và trong thị tộc của Jethro. Nhưng âm tiết này không phải là một tập hợp các âm thanh vô nghĩa. Nó là một dạng của động từ tiếng Hêbrơ có nghĩa là «hiện hữu» [44]. Yaw là dạng viết tắt của dạng

44 Yaw trong tiếng Ai Cập cũng có nghĩa là «thì, là» nhưng thiên về nghĩa hệ từ (copula) hơn là nhấn mạnh đến sự hiện hữu.

đầy đủ Yahweh (Jahweh như người ta thường viết). Mặc khải ở đây là : Yaw, Thiên Chúa của các tổ phụ, là Thiên Chúa Đấng «hiện hữu», hay chính xác hơn, «Đấng Hiện Hữu». Đó là Thiên Chúa Đấng thực sự hiện hữu. Người ta không phủ nhận cách minh nhiên thần tính, sự hiện hữu của các thần khác, nhưng Danh này làm người ta nhận thức được sự hiện hữu cụ thể và sống động của Đấng đã đi qua cuộc đời Abraham và vừa đi qua cuộc đời Môsê. Vâng, có một Thiên Chúa Đấng có thể nói về chính mình «Ta là», và giới hạn trong sự xác định duy nhất này, điều không hề giới hạn hữu thể và quyền năng của Người. Môsê đã chạm đến, theo một cách nào đó, thực tại thần linh này, chủ tể các biến cố, thế giới và sự sống, sự hiện diện mênh mông này mà con người có lý để tôn thờ nhưng trên thực tế không cảm nhận được. Giữ lại tất cả các thuộc tính truyền thống của thần tính, Thiên Chúa này không muốn được định nghĩa bằng bất cứ từ nào khác ngoài từ duy nhất này «Ta là», diễn tả thực tính của hữu thể và hành động của Người. Vậy người Israel hãy tin tưởng : Thiên Chúa Đấng sai phái Môsê không phải là một con cá sấu, một con chim ưng, mặt trời, hay Chân Lý trừu tượng, Người vẫn là Thiên Chúa vô hình và huyền nhiệm, nhưng Người có hữu thể và ý muốn của Người, những điều không phải là lời nói suông. Đó không phải là một quan niệm của trí tuệ

con người, một tưởng tượng lừa dối của các dân tộc, đó là một Đấng hiện hữu thực sự và sẽ không ngừng hiện hữu: «Đó là Danh Ta cho đến muôn đời, đó là danh xưng của Ta cho mọi thế hệ» [45].

Ở đây có một mặc khải vĩ đại mà dần dần những người Israel đạo đức sẽ hiểu được toàn bộ tầm quan trọng. Họ sẽ nhận ra sự bất lực của các thần khác, họ sẽ biết rằng các thần khác chẳng là gì ngoài hư vô. Các ngôn sứ sẽ nhắc điều đó với họ. Cuối cùng, được người Hy Lạp khai tâm về siêu hình học, họ sẽ thấy nơi Thiên Chúa này Đấng hiện hữu, theo bản chất, là «Đấng Hiện Hữu», theo bản dịch của người Do Thái ở Alexandria [46].

45 Xh 3, 15b.

46 Các quan điểm rất khác nhau liên quan đến cách giải thích đoạn văn này trong sách Xuất Hành. Một quan điểm, rất phổ biến, chỉ thấy ở đây một sự từ chối của Thiên Chúa trong việc nói ra Danh của Người : «Ta là Đấng Ta là». Nhưng «Ta là» được xem như một danh riêng ở dòng kế tiếp, chắc chắn có sự nhấn mạnh vào ý tưởng về sự hiện hữu thực và tích cực. Xem H. CAZELLES, Cho một cách giải thích Kinh Thánh d'Ex 3, 14, trong các ấn phẩm của Trường Cao học Thực hành Khóa V, Paris, 1978. Một số trong nhiều bản khắc tiếng Ả Rập Nabatea ở trung tâm Sinai có nhắc đến một vị thần 'hyw. Cuộc thám hiểm của École Biblique đã tìm thấy thêm những bản khắc mới. Chúng có niên đại muộn hơn Môsê hơn một nghìn năm. Vì danh thần này không được biết đến trong các bản khắc Nabatea khác, có thể đây là một vị thần địa phương cổ xưa mà người

Tạm thời, Môsê hiểu Danh này như Danh của sự hiện diện hành động của một Đấng làm ông yên lòng. Nhưng ông vẫn còn do dự. Về cơ bản, danh xưng này sẽ không quyết định được người Israel. Họ chỉ việc chất vấn về sự kiện mặc khải ở núi Khôrép. Thiên Chúa là Yahweh, cứ cho là vậy đi ! Nhưng ai đảm bảo với họ rằng Yahweh này đã thực sự hiện ra với người đang nói với họ và đã trao sứ điệp của Người cho ông ta ? Câu trả lời đã rõ ràng. Đấng Hữu Thể Đấng sai phái ông sẽ xác thực sứ mạng này bằng các dấu chỉ thần linh, bằng các phép lạ. Một sự can thiệp của siêu nhiên đòi hỏi những dấu chỉ siêu nhiên. Phép lạ có chức năng riêng của nó trong lịch sử : đó là chữ ký thần linh cho một lời kêu gọi thần linh. Nó sẽ không có lý do tồn tại trong một thế giới bị giới hạn vào những chân trời trần thế, nhưng nó có lý do trong một thế giới mà Đấng Tạo Hóa muốn được các trí khôn biết đến : phép lạ đối với những trí khôn đó là dấu chỉ của sự hiện diện thần linh. Thiên Chúa của tự nhiên tạo ra những sự kiện phi thường, trong bối cảnh chúng xuất hiện, phải được con người hiện diện giải thích như một biểu lộ của thần linh. Theo các truyền thống được lưu truyền, dấu chỉ này thay đổi.

soạn truyện Giavista (Yahwist) đã giải thích thành ‘hyh, «ta là»; ông đã biến vị thần này thành một «sứ thần của Giavê» (Xh 3, 2) cũng như ông đã biến vị thần Lahai cổ xưa của Beer-Lahay-Roi (St 16, 14) thành một «sứ thần của Giavê» (các câu 7.11).

Đó là cây gậy trượng được tay Môsê chế ngự chống lại con rắn biểu tượng cho quyền lực của Pharaô ; đó là việc chữa lành bàn tay phong cùi, khi Môsê sẽ xin chữa lành cho Myriam ; cuối cùng đó là quyền năng trên các dòng nước sông Nil.

Lẽ nào Môsê không nên được trấn an và thuyết phục? Chẳng phải ông đã có sự đảm bảo hữu hình rằng lời chứng của ông sẽ được bảo đảm sao ? Nhưng Người Được Gọi có thể cảm thấy trong mình một nỗi sợ hãi ngày càng lớn, ý thức được quy mô của nhiệm vụ và sự yếu kém của các phương tiện của mình. Người thông luật giỏi giang này lại là một diễn giả tồi, ông có «lưỡi và miệng vụng về». Ông đã thấy trước mình sẽ ấp úng trước mặt người Israel hoặc trước triều đình Pharaô và làm trò cười cho sự nghiệp mà ông phải bảo vệ. Chắc chắn, vì sứ mạng này là thần linh, ông phải trấn an mình, dẹp bỏ những nỗi sợ hãi của mình và tiến bước. Nhưng bản tính con người cảm thấy bất lực trước một số sứ mệnh, và không có tín hữu nào mà sự lô-gíc của đức tin không bị tổn thương. Cần phải có chính Thiên Chúa cam kết, Đấng «làm cho người ta ra câm, ra điếc, ra sáng mắt, hay ra mù quáng» (Xh 4, 11).

Ơn gọi của Mô-sê giờ đây đã là một sự việc hoàn tất. Ông là «người được Đấng Toàn Năng tuyển chọn», được trao sứ mệnh thiêng liêng để hình thành Dân Thiên Chúa. Những chi tộc mà ông sắp giải phóng, ông sẽ phải tổ chức họ, ban cho họ một ý thức quốc gia, xác định rõ mối quan hệ lẫn nhau của họ và cuối cùng là ban cho họ một lãnh thổ. Nếu không thì cuộc giải thoát sẽ trở nên vô ích : họ sẽ chỉ được cứu khỏi sự thống trị của Ai Cập để rồi tan rã, không có khả năng tồn tại trong nền độc lập của mình. Khi đó, sẽ không có một công trình của Thiên Chúa mang dấu ấn vĩnh cửu. Giờ đây, một điều gì đó mới mẻ sắp xuất hiện : một dân tộc sắp được thiết lập mà Đấng Tạo Hóa sẽ là Chủ ; Ngài sẽ dẫn dắt họ qua trung gian của người mà Ngài vừa chọn. Dân Thiên Chúa sẽ mang những chiều kích mới, cơ cấu của nó sẽ được thay đổi, nhưng từ nay về sau sẽ luôn có một Dân Thiên Chúa, một tập thể những con người tuân phục trên nguyên tắc hoặc trên thực tế Thiên Chúa của Áp-ra-ham, I-xa-ác và Gia-cóp. Đây là một thực thể mới bắt nguồn từ mạc khải tại Núi Horeb.

Chúng ta hãy dừng trí tưởng tượng của mình lại ở đây, dù có dựa trên các văn bản !

Chương III - Cuộc Xuất Hành

Cho tới lúc này, chúng ta có thể theo dõi hành trình của Môsê nhờ Kinh Thánh, mà không cần thảo luận chi tiết về sách Xuất Hành. Tuy nhiên, nếu muốn tiếp tục một cách tôn trọng những đòi hỏi chính đáng của một độc giả biết suy nghĩ, thì một vài chỉ dẫn nhanh về cách thức sách này được biên soạn trở nên hết sức cần thiết.

Chúng ta biết qua sách Thủ Lãnh (ch. 1) rằng các chi tộc Israel đã định cư ở đất Canaan bằng nhiều con đường khác nhau với những mức độ thành công nhanh chậm khác nhau [47]. Chắc chắn, cuộc tấn công lớn nhất do Giôsuê, thủ lĩnh chi tộc Ephraim, người đã chinh phục vùng trung tâm, tiến hành. Nhiều lần Kinh Thánh trình bày Giôsuê như người phục vụ Môsê (Xh 24, 13 ; 33, 11 ; Ds 11, 28). Chi tộc Ephraim này đã lưu giữ các truyền thống về Môsê mà ngôn sứ Hôsê đã ám chỉ (12, 14). Nhưng Môsê đã qua đời trên núi Nêbô (Ds 32, 38), trong lãnh thổ của Ruben ở bên kia sông Giođan, và chi tộc Ruben cũng có truyền thống Môsê của riêng

47 J. BRIEND, trong Nhập môn phê bình Cựu Ước (ed. H. Cazelles), Paris-Tournai 1973, tr. 37-42 ; R. de VAUX, Lịch sử cổ đại của Israel, Paris 1971, tr. 305-440, kèm thư mục tham khảo.

mình, gắn kết nó với những ký ức riêng về Mađian. Mặt khác, những người Đan đã mang theo một người Lêvi, hậu duệ của Ghéc-sôm, con trai Môsê, và gia đình ông này giữ nhiệm vụ canh giữ đền thờ tại Laish-Đan (Tl 18, 30). Ở đó, những ký ức về Môsê cũng sẽ được lưu giữ, trong một truyền thống vừa của Đan vừa của Lêvi. Một tác giả vô danh thuộc vương quốc phía Bắc, người đánh giá cao phong trào ngôn sứ của Êlia và Êlisa, đã tập hợp toàn bộ các truyền thống Môsê này, vốn một số đã được ghi chép thành văn bản. Các chuyên gia gọi ông là Elohist, thường chỉ với ký hiệu đơn giản E.

Truyền thống Môsê ít mạnh mẽ hơn trong vương quốc phía Nam (Giuđa) và ngôn sứ Mikha đặt Môsê chết tại Nêbô, Aaron chết gần Êđôm trên núi Hor, và Myriam chết tại Cađê ở phía nam Giuđa (Mk 6, 4) ngang hàng nhau. Cả ba đều là những người giải phóng đã đưa dân chúng «lên» từ Ai Cập. Nhưng Đavít và tôi trung của ông là Abiathar, gia đình ông này từng hành chức tư tế tại Silô thuộc Ephraim, luôn quan tâm đến Môsê, dù chỉ là để tôn trọng các chi tộc miền Bắc và truyền thống của họ. Tại Xiklag, nơi ông đã trốn dưới sự bảo vệ của người Philistin sau khi phải chạy trốn khỏi triều đình của Saolê, Đavít không chỉ thu thập các truyền thống của Gôsen [48], mà còn tiếp xúc với những người Kenít

48 Về Gôsen, nơi không thể ở Ai Cập mà nằm ở phía nam

(1Sm 27, 10 ; 30, 29) - những người đã chạy trốn khỏi Êđôm (Ds 24, 22) sau khi từng có mối quan hệ với Môsê (Ds 10, 30, x. Tl 1, 16 ; 4, 11). Rồi tại Hêbrôn, nơi ông trị vì bảy năm, Đavít tiếp xúc với những người Caleb, những người đã gặp Môsê tại Cađê (Ds 13). Cuối cùng, tại Giêrusalem, Đavít, Salômôn và triều đình của họ có quan hệ với các ký lục Ai Cập và có thể tìm hiểu cách thức truyền thống Ai Cập nhìn nhận mối quan hệ giữa bộ máy hành chính Pharaô và các dân tộc Semít kể từ khi trục xuất các vua Hyksos vào năm 1580 trước CN. Chính với toàn bộ các truyền thống này mà một tác giả sống vào thế kỷ X trước CN (được các chuyên gia gọi là Yahvist, ký hiệu J) đã mô tả vai trò của Môsê và giao ước Sinai (Xh 34, 10-27), có khả năng cân bằng với việc tuyển chọn triều đại Giuđa.

Công việc biên soạn không dừng lại ở đó. Khi Samaria sụp đổ vào năm 722, người ta đã cố gắng thống nhất Bắc và Nam bằng cách hợp nhất các truyền thống J và E của họ thành một bản JE bởi một tác giả mà thần học và phong cách được sách Đệ Nhị Luật (D) truyền cảm hứng. Cuối cùng, khi Giêrusalem thất thủ, một tác giả thuộc trường phái tư tế (P) của Giêrusalem đã cố

Giuđa (Gs 10, 41 ; 11, 16 ; 15, 51), xem H. CAZELLES, Vị trí của Gôsen, những vấn đề về phương pháp luận, kỷ yếu hội thảo Strasbourg 1975 về danh xưng học cổ đại, Strasbourg 1977.

gắng tóm tắt và đơn giản hóa các dữ liệu để sử dụng cho những người lưu đày, và chúng ta mang ơn ông ấy trong Xh 6, 2 - 7, 15 về việc sai đi thi hành sứ mạng của Môsê diễn ra tại Ai Cập (6, 28) mà không ám chỉ đến Mađian. Nhưng các truyền thống khác đều thống nhất rằng Môsê đã trở lại vùng lãnh thổ thuộc quyền thống trị của Ai Cập, sau khi vua Ai Cập đã băng hà (Xh 2, 23).

Qua đoạn văn này, chúng ta cảm nhận được tiếng vang ở Mađian về một sự thay đổi chính quyền tại Ai Cập. Một vị vua mới và một đội ngũ mới đã nắm quyền. Một chút sau năm 1300, Seti I qua đời và con trai ông là Ramses II [49] trở thành vua. Vua mới, bộ máy quan lại mới, và rất có thể một người bạn học cũ của ký lục Môsê đã đảm nhận những chức vụ quan trọng, cho phép ông ta triệu hồi người bị kết án.

Tuy nhiên, điều kiện chính trị không hề thay đổi. Áp lực của người Hittite lên Phoenicia vẫn mạnh mẽ, và, bất chấp các hiệp ước cũ, quân đội đã tiến vào Amqa, thung lũng sông Oronte. Đất Canaan với vô số các thành bang vẫn định kỳ bị chấn động bởi các cuộc nổi

49 Về triều đại của Ramses II, xem bản tóm tắt và minh họa trong Ramses Đại Đế, danh mục triển lãm Ramses II (Paris 1976) bởi C. DESROCHES-NOBLECOURT ; A.M. LOYRETTE.

dậy. Các Habiru (‘aperou trong tiếng Ai Cập) có lẽ vẫn là những kẻ chủ mưu như họ đã từng dưới thời Seti I, người đã gặp họ gần Bêthan, nhưng chẳng bao lâu nữa người ta sẽ ngừng nhắc đến họ. Các ký lục Ai Cập vẫn gọi vùng đất này là Hurru, đất của người Hurrit, nhưng những người này sẽ sớm mất chỗ đứng và bị đẩy lùi về phía nam, chính xác là các vùng Êđôm và Mađian (Hur - St 36, 20 tt ; Ds 31, 8). Nền móng quyền lực của Ai Cập ở Canaan đang lung lay (Xh 10, 7) và đó là pháo đài bảo vệ vùng Châu thổ.

Với Ramses II, triều đình định đô vĩnh viễn trên một trong những nhánh phía đông của sông Nin. Nếu không phải ở Tanis, thì cũng là trên Qantir ngày nay, nhưng trong các văn bản chính thức cũng như trong Kinh Thánh (Xh 1, 10), đó sẽ là Pi-Ramses, «nhà» hay đúng hơn là «cung điện» của Ramses. Việc dời đô không mang ý nghĩa tôn giáo như dưới thời Amenophis IV. Sùng kính Seth, Ramses II vẫn là «người được Amon yêu quý», vị thần của Thebes. Vị quân vương trẻ tuổi dồn nén năng lượng của dân tộc mình cho cuộc chiến sẽ dẫn ông ta năm năm sau đến Qadesh trên sông Oronte, nơi ông ta sẽ đối đầu với liên minh Hittite. Lòng dũng cảm cá nhân của ông đã cứu ông khỏi một thảm họa hoàn toàn, nhưng ông buộc phải thỏa hiệp và giữ thế phòng thủ cho đến khi ký kết hiệp ước nổi tiếng Ai Cập-Hittite

vào năm thứ 21 triều đại của ông.

Cuộc xung đột rất cục bộ giữa chính quyền của ông và những người Hebrew của Môsê được định vị rõ hơn là sau trận Qadesh chứ không phải trước đó. Trong hai năm đầu trị vì, Ramses bận rộn ở Nubia và Libya. Nhưng vào năm thứ bảy triều đại của mình (khoảng 1292/1), ông biết được một cuộc nổi dậy tổng quát của các vùng lãnh thổ thuộc châu Á của Ai Cập, cuộc nổi dậy đã lan rộng đến tận Ascalon. Chúng ta hiểu rằng bộ máy hành chính Ai Cập của vùng Châu thổ và các vùng ven biển đặc biệt cảnh giác trước các phong trào di dân của người châu Á có quan hệ họ hàng và thông đồng với các lãnh thổ những kẻ nổi loạn. Các bản khắc chữ Ai Cập hoàn toàn im lặng về việc những người Á châu này chạy trốn qua eo đất. Không chỉ vì Ai Cập không có thói quen ca tụng những thất bại của mình - trong Biên niên sử, Qadësh đã trở thành một chiến thắng - mà hơn nữa, sự việc này đối với họ chỉ có tầm quan trọng hạn chế. Đó chính là ấn tượng mà việc phân tích các truyền thống Kinh Thánh cổ xưa mang lại. Những con số lớn và quy mô của bi kịch là do các bản biên soạn sau này tạo nên.

Người ta dễ dàng hình dung các cuộc đàm phán của Môsê tại Pi-Ramses, «Dinh Thự». Có lẽ công trình xây dựng nơi này vẫn chưa hoàn thành, Ramses II mới chỉ ở giai đoạn đầu triều đại dài của mình. Một triều đại xa hoa theo các bản khắc, nhưng các nhà Ai Cập học tỏ ra thận trọng với các văn bản của Ramses II, kẻ thường chiếm đoạt các công trình của các vị tiên vương để vinh danh chính mình. Tuy nhiên, Dinh Thự hoàng gia đã là Versailles của thời đó và các thi nhân đã ca tụng nó :

Bệ Hạ đã xây cho mình một lâu đài tên là «Vĩ đại trong Chiến thắng». Nó tọa lạc giữa sa mạc phía đông và Đồng bằng châu thổ, lương thực và thực phẩm dồi dào tại đó. Nó lấy Thebes làm mẫu mực và sẽ trường tồn như Memphis. Mặt trời mọc ở chân trời của nó và cũng lặn tại đó. Mọi người bỏ thành phố của mình để đến định cư tại đó. Khu phía tây của nó là đền thờ Amon, khu phía nam là đền thờ Seth. Astarte ở phía đông và Buto ở phía tây. Lâu đài bên trong nó giống như chân trời của các tầng trời. Ramses được Amon yêu quý [50] *là vị thần của nó, Montou của đất nước kép là người rao truyền, Mặt trời của các thủ lĩnh là tể tướng, Niềm vui của Ai Cập được Aton yêu quý là chủ nhân. Vì vậy, đất nước tìm thấy chính mình ở nơi này. Đấng cai trị vĩ*

50 Ở đây có các tên gọi và tước hiệu khác nhau của Ramses II.

đại của xứ Hatti đã viết thư cho người cai trị xứ Kedi : «Hãy chuẩn bị, chúng ta hãy nhanh chóng đến Ai Cập và nói : nguyện ý của thần được thực hiện», và hãy nói với ngài những lời lẽ ngọt ngào. Chính ngài, Ramses, ban hơi thở cho ai ngài muốn và mọi quốc gia ngoại bang chỉ tồn tại nếu ngài mong muốn. Xứ Hatti phụ thuộc vào quyền lực duy nhất của ngài ; thần linh không chấp nhận các lễ vật của nó, nó không nắm giữ nước từ trời cao vì nước ấy thuộc quyền lực của Ramses, người chiến binh say mê sự dũng cảm [51].

Một thế kỷ sau, nhiệt huyết vẫn còn :

Con đã làm cho ngài, Ramses III nói với Amon, một lãnh địa cao quý trong một thành phố ở Đồng bằng châu thổ, được thiết lập như gia nghiệp của ngài cho đến muôn đời. Pi-Ramses, đấng cai trị Heliopolis… «Vĩ đại trong Chiến thắng» là tên được ban cho nó cho đến vĩnh cửu. Con đã ban cho nó Ai Cập với các sản vật của nó. Người từ khắp các nước được tập trung trong thành lũy của nó. Nó được trang bị những khu vườn mênh mông. Những con đường dạo chơi được bố trí trong vùng nông thôn. Tất cả các loại cây trồng đều trĩu quả. Một con đường thánh tỏa sáng với hoa từ khắp mọi

51 A. Gardiner, «Nơi cư ngụ ở châu thổ», Tạp chí Khảo cổ Ai Cập (Journal of Egyptian Archaeology), năm 1920.

nước. Những cây sậy, cói giấy... nhiều như cát. Con đã làm... với một vườn ô liu rộng lớn, với những vườn nho, bao quanh nó bằng một bức tường chạy dọc theo con sông. Những đồn điền rộng lớn trên mọi nẻo đường sản xuất nhiều dầu hơn cát trên bờ biển, để được dâng hiến... tại Thebes đầy chiến thắng và một dòng rượu vô tận để được mang đến trước nhan ngài như của lễ hằng ngày.

Con đã xây cho ngài đền thờ của ngài bên trong lãnh thổ của ngài, hoàn tất nó bằng những công trình bằng đá vôi. Các cánh cổng của nó bằng vàng gắn trên đồng. Các hình tượng bằng đủ mọi loại đá giống như hai cánh cổng của trời. Con đã tạo tác hình ảnh cao quý của ngài. Nó xuất hiện như Ré khi ngài chiếu sáng trái đất bằng các tia sáng của mình. Amon của Ramses đấng cai trị Heliopolis là danh hiệu vĩ đại và tráng lệ của ngài. Con đã lấp đầy lãnh địa của ngài bằng nô lệ nam nữ bị bắt từ các nước của người Á châu, bằng các tư tế của đền thờ, bằng con cái của các quý tộc mà con đã tạo dựng. Kho báu của ngài chất đầy của cải từ khắp các nước. Vựa lúa của ngài vươn tới trời cao. Đàn gia súc của ngài đông hơn cát. Các chuồng trại được tổ chức... Của lễ hằng ngày chất đống, thanh sạch, trước mặt ngài. Các trại chăn nuôi gia cầm sở hữu những con ngỗng béo, các lều, các nhà che, các vườn nho và,

ngoài trái cây của chúng, còn có rau và đủ loại hoa (bản dịch Montet [52]).

Sự nhấn mạnh trong các văn bản này về vẻ tráng lệ của thảm thực vật và sự dồi dào sản vật giúp chúng ta hiểu rõ hơn lý do tại sao, trong các chương sách Xuất Hành liên quan đến cuộc xung đột giữa Môsê và Pharaon, trận chiến giữa Thiên Chúa của Bụi Gai Cháy và vị Pharaon thần của Ai Cập lại diễn ra trên bình diện các hiện tượng tự nhiên (sông Nile, ếch nhái, tai ương cho súc vật, mưa đá…) vốn chi phối việc sản xuất.

Tính chất sơ lược của các cảnh tượng đánh dấu cuộc xung đột gây ấn tượng cho tất cả các nhà chú giải [53], cũng như sự thiếu chính xác của các chi tiết ngoại giao và lịch sử. Ngay cả các chi tiết khác cũng khác biệt, do đó có những sắc thái rất quan trọng trong cách mà ba trình thuật lớn, J, E và P, tái tạo lại khuôn mẫu truyền thống của những tai ương nổi tiếng ở Ai Cập này. Chỉ cần một ví dụ là đủ để nắm bắt cách người ta phải đọc những văn bản này. Trong Xh 4, 9, chỉ mình Môsê phải hành động : «Nếu họ không nghe lời ngươi, ngươi sẽ lấy nước sông, đổ xuống đất và nước ngươi đã lấy từ

52 Bi kịch của Avaris, Paris, 1940, trang 155 và các trang tiếp theo.

53 A. Baruco, «Những tai ương của Ai Cập», trong Phụ lục Từ điển Kinh Thánh, Tập VIII, trang 6-18.

sông sẽ trở thành máu trên đất.» Trong Xh 7, 20, Môsê cầm trong tay «cây gậy của Thiên Chúa» (x. 4, 17) và chính ông đập vào dòng sông khiến nước biến thành máu : «Cá dưới sông chết… và người Ai Cập không thể uống nước sông được nữa» (7, 21). Đó là cách trình bày của J, luôn sống động và yêu thiên nhiên. Nhưng, trong trình thuật của P, Aaron được liên kết với Môsê và nắm giữ cây gậy. Toàn bộ nước ở Ai Cập biến thành máu : không chỉ nước sông Nile, mà cả nước các sông ngòi, kênh rạch, đầm lầy, cho đến nước trong các bình chứa bằng gỗ và đá.

Điều quan trọng cần lưu ý là cuộc đối đầu đầu tiên giữa chính quyền Ai Cập và con cái Israel diễn ra thông qua trung gian của các «Ký lục của con cái Israel» (5, 15) mà không có sự hiện diện của Môsê (5, 20). Yêu cầu riêng của Môsê không nhắm vào các công việc khổ sai hay định mức gạch phải cung cấp, có tính đến việc phải đi lấy rơm hay không. Theo Xh 5, 1b-2, người ta thảo luận về việc xin phép vài ngày để vào sa mạc mừng lễ kính Đức Chúa. Một nguồn khác, ở câu 3, nói về một hy lễ phải dâng sau ba ngày đường, nếu không Đức Chúa «Thiên Chúa chúng ta sẽ đánh phạt chúng ta bằng dịch hạch hay gươm đao». Bước đi này đã hướng về hy lễ Vượt Qua, một nghi thức bảo vệ tương tự như các hy lễ mùa xuân của người Ả Rập. Câu trả lời của chính

quyền cuối cùng là từ chối. Nó được đưa ra dưới ba hình thức khác nhau tương ứng với ba nguồn khác nhau (5, 2. 4. 5) [54]. Theo một trong các nguồn đó, sử dụng động từ tiếng Híp-ri pāra («xõa tóc như nghi thức chuẩn bị cho trận chiến»), có vẻ như chính phủ Ai Cập nghi ngờ những ý định gây chiến nơi những người Sémites này, điều mà họ không muốn khuyến khích bằng bất cứ giá nào, xét tình hình rối ren ở vùng biên giới Ai Cập-Palestine.

Cuộc xung đột được mô tả theo phong cách thần học của thời đó và tốt nhất là chép lại ở đây bản trình thuật cổ nhất trong ba bản, của phái Yahvist, trong chừng mực có thể tái lập nó giữa những cuộc thảo luận còn đang tiếp diễn, mà không quên rằng ngoài cách hành văn riêng, người ta có thể nhận ra đây đó việc sử dụng các truyền thống cổ xưa hơn, chẳng hạn truyền thống về Goshen (Xh 8, 10 ; 9, 26) [55]. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề sau này nhưng không được quên rằng, ngay từ thế kỷ VIII, với Mikha người Moreshet ở Giuđa, Aaron đã

54 Một trong số đó có lẽ ban đầu đã tích cực. Xem infra Xh 5, 5.

55 Người thuộc phái Yahvist cũng sử dụng các truyền thống Ai Cập về việc xây dựng Pithom và Ramses, các chiến dịch của Ai Cập tại Canaan, thậm chí cả Moab vào các thế kỷ XIII và XII trước CN, và cuối cùng là các câu chuyện kinh điển về việc trục xuất những kẻ xâm lược Hyksos (thế kỷ XVI trước CN).

được sai đi trước dân chúng ngang hàng với Môsê và Myriam khi Thiên Chúa giải thoát dân này khỏi «nhà nô lệ» (6, 4).

Đây là văn bản của phái Yahvist :

5. [3] ... «Thiên Chúa của người Híp-ri đã được kêu cầu trên chúng tôi (, Môsê nói). Chúng tôi muốn vào sa mạc, cách ba ngày đường, để dâng hy tế lên Đức Chúa là Thiên Chúa chúng tôi, kẻo Người đánh phạt chúng tôi bằng dịch hạch hay gươm đao». [4] Vua Ai Cập trả lời họ : «Tại sao các ngươi muốn... (lôi kéo) dân chúng khỏi công việc của họ ? Hãy trở lại với những công việc khổ sai của các ngươi.»

[5] Rồi Pharaon nói «Này dân trong nước bây giờ đã trở nên đông đúc, các ngươi đã khiến họ ngừng những công việc khổ sai của họ !» [6] Ngay ngày hôm đó Pharaon ra lệnh cho các đốc công và ký lục của dân : [7] «Các ngươi sẽ không tiếp tục như trước đây để cấp rơm cho dân làm gạch [56]. Chính họ sẽ đi nhặt rơm, nhưng các ngươi sẽ áp đặt cho họ cùng một định mức gạch như họ đã làm trước đây mà không được bớt chút nào. Họ là những kẻ nhụt chí và đó là lý do tại sao họ kêu la: 'Chúng tôi muốn đi dâng hy tế lên Thiên Chúa chúng tôi.' [9] Hãy để công việc đè nặng trên những người này, hãy để họ lao động và đừng để họ ham thích những lời lừa dối !»

---

56 Về việc sử dụng rơm trong sản xuất gạch ở Ai Cập, xem S. Sauneron trong Từ điển văn minh Ai Cập, do G. Posener biên tập, Paris, 1970, trang 39 và hình minh họa ở trang 38.

[10] Các đốc công và ký lục của dân đi ra nói với dân : «Pharaon phán thế này : ta sẽ không cung cấp rơm cho các ngươi nữa. Chính các ngươi hãy đi tìm lấy rơm ở bất cứ nơi nào các ngươi tìm thấy, nhưng không có gì sẽ được giảm bớt trong công việc của các ngươi.»

[12] Bấy giờ dân chúng tản mác khắp đất Ai Cập để nhặt rơm [13] và các đốc công thúc giục : «Hãy hoàn thành đầy đủ công việc hằng ngày của các ngươi, như khi có rơm sẵn cho các ngươi.» [57]

[14] Và người ta đánh đập các ký lục của con cái Israel mà các đốc công của Pharaon đã đặt trên họ : «Tại sao hôm nay các ngươi không hoàn thành tất cả định mức gạch của các ngươi như trước đây, hôm nay như hôm qua ? [15] Các ký lục của con cái Israel đến kêu nài với Pharaô : «Tại sao ngài lại đối xử với các tôi tớ của ngài như vậy ? [16] Người ta không cung cấp rơm cho các tôi tớ của ngài nữa, và họ bảo chúng tôi : 'Hãy làm gạch đi', và kìa, các tôi tớ của ngài bị đánh đập, trong khi dân của ngài lại bị đổ lỗi. [17] - Các ngươi là những kẻ lười biếng, ông đáp. Chính vì các ngươi lười biếng nên các ngươi mới nói : 'Chúng tôi muốn đi tế lễ Đức Chúa'. [18] Bây giờ, hãy đi làm việc đi, sẽ không ai cung cấp rơm cho các ngươi nữa, nhưng các ngươi vẫn phải nộp đủ số gạch.»

---

57 Sự việc này xảy ra ở Ai Cập khi triều đình chuyển từ Thebes (Vương triều 18) đến Đồng bằng châu thổ (Vương triều 19) và xây dựng các thành phố phục vụ làm căn cứ xuất phát cho các Pharaon trong các chiến dịch tại Canaan. Xem tr. 29.

[19] Các ký lục của con cái Israel thấy tình hình trở nên xấu khi [58] người ta nói với họ : «Số gạch các ngươi phải nộp mỗi ngày sẽ không được giảm bớt chút nào.»

[20] Khi ra khỏi chỗ Pharaô, họ chạm trán với Môsê [59]... [22] Môsê trở lại với Đức Chúa : «Lạy Chúa thượng, ngài nói, tại sao Ngài lại giáng hoạ cho dân này ? Vậy cớ sao Ngài lại sai con ? Từ khi con đến nói nhân danh Ngài với Pharaô, thì dân này lại bị hại ! Thật sự Ngài đã không giải phóng dân Ngài.»

6. [1] Đức Chúa phán với Môsê : «Bây giờ ngươi sẽ thấy điều Ta sắp làm cho Pharaô. Quả thật, do bàn tay mạnh mẽ, nó sẽ để cho chúng ra đi, do bàn tay mạnh mẽ, nó sẽ đuổi chúng đi [60]... **7.** [14]... Pharaô lòng chai dạ đá. Nó đã từ chối không

58 Ở đây có các yếu tố của một truyền thống khác không còn nói về các công trình xây dựng ở Ai Cập, mà nói về các công việc khổ sai chuyên chở (sibelôt) ở Canaan dưới sự thống trị của Ai Cập, nhưng không có «cai nô».

59 Bản văn Kinh Thánh ở câu 22... chứa đựng các yếu tố của một truyền thống thứ ba, có liên quan đến cả Aaron lẫn Môsê, và nói về các chiến dịch quân sự của «vua Ai Cập» (xem Xh 5,3) nhằm chống lại các nhóm ly khai ở vùng Êđôm. Xem H. Cazelles, «Các truyền thống và việc biên soạn trong sách Xuất Hành», trong Studien zum Pentateuch, Festschrift W. Kornfeld, Wien (Vienna), 1977.

60 Câu này (xem thêm 11, 1) cho thấy rõ ràng tác giả của chúng ta đã ghép sắc lệnh giải phóng với truyền thống về việc trục xuất người Hycsô semít, vốn có trước đó khá lâu. Cũng có một truyền thống «chạy trốn» (Xh 14, 5, xem R. de VAUX, op. cit., tr. 359). Truyền thống sau này liên quan đến nhóm đã ở tại

chịu để cho dân ra đi. [15] Ngươi hãy đến gặp Pharaô ban sáng, lúc nó ra bờ nước. Ngươi sẽ đứng trên bờ Sông để gặp nó, tay cầm cây gậy đã biến thành rắn. [16] Ngươi sẽ nói với nó : Đức Chúa, Thiên Chúa của người Hípri, đã sai tôi đến với ngài để nói : Hãy thả cho dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta trong sa mạc. Cho đến bây giờ ngài đã không nghe tôi. [17] Đức Chúa phán thế này : Cứ dấu này ngươi sẽ biết rằng Ta là Đức Chúa!... [20] Môsê giơ gậy lên và đập vào nước sông trước mặt Pharaô và trước mặt các triều thần của ông, và tất cả nước sông biến thành máu. [21] Cá dưới sông chết hết, người Ai Cập không thể uống nước sông được nữa và có máu khắp đất Ai Cập... [23] Nhưng Pharaô quay về cung điện mà chẳng bận tâm đến điều đó. [24] Tất cả người Ai Cập đào đất quanh sông để tìm nước uống, vì họ không thể uống nước sông được nữa...

[26] Đức Chúa phán với Môsê : «Ngươi hãy đến gặp Pharaô và nói với nó : Đức Chúa phán thế này : Hãy thả cho dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta. [27] Nếu ngươi từ chối không thả chúng đi, thì Ta sẽ dùng ếch nhái mà giáng hoạ trên khắp lãnh thổ của ngươi. [28] Sông Nin sẽ đầy ếch nhái. Chúng sẽ lên và tràn vào cung điện ngươi, vào phòng ngủ, lên giường ngươi, vào nhà các triều thần và dân ngươi, vào lò bếp và máng ăn của ngươi...»

8. [4] Pharaô cho vời Môsê : ... «Ta sẽ thả cho dân đi để chúng tế lễ Đức Chúa.» [5] Môsê đáp lại Pharaô : «Xin ngài

---

Ai Cập, trong khi sắc lệnh «giải phóng» có thể đã được các nhà chức trách Ai Cập tại Goshen ban hành, cho phép nghỉ việc ngắn ngày để đi tế lễ (5, 5).

cho tôi biết [61]... để tôi xin cho ngài và triều đình được thoát khỏi ếch nhái, và chúng chỉ còn lại trong sông thôi ? [6]... Sẽ xảy ra đúng như ngài nói, để ngài biết rằng không ai được như Đức Chúa, Thiên Chúa chúng tôi. [7] Ếch nhái sẽ rời xa ngài, các cung điện, các triều thần và dân ngươi ; chúng sẽ chỉ còn lại trong sông thôi.» [8] Môsê... ra khỏi chỗ Pharaô, ông kêu cầu Đức Chúa về đám ếch nhái Ngài đã giáng trên Pharaô. [9] Đức Chúa làm như lời Môsê, và ếch nhái chết trong các nhà cửa, sân vườn và đồng ruộng. [10] Người ta chất chúng thành từng đống, và đất nước bốc mùi hôi thối. [11] Nhưng Pharaô, khi thấy mình đã thoát nạn, thì chẳng còn nghĩ đến điều đó nữa...

[16] Đức Chúa phán với Môsê : «Sáng mai ngươi hãy dậy sớm và đứng chờ Pharaô lúc nó ra bờ nước. Ngươi sẽ nói với nó : Đức Chúa phán thế này : Hãy thả cho dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta ! Vì nếu ngươi không thả dân Ta đi, Ta sẽ sai ruồi muỗi đến trên ngươi, các triều thần, dân ngươi và các cung điện ngươi. Mọi nhà cửa ở Ai Cập sẽ đầy ruồi muỗi, và cả đất đai nơi chúng ở nữa. [18] Nhưng ngày đó, Ta sẽ tách riêng đất Goshen, nơi dân Ta ở, để ở đó không có ruồi muỗi, ngõ hầu ngươi biết rằng Ta là Đức Chúa ở giữa đất nước này [62]. [19] Giữa dân Ta và dân ngươi, Ta đặt một ranh giới phân

---

61 Về động từ này, xem Đnl 24, 20. Cần lưu ý rằng ếch nhái đóng một vai trò trong các truyện dân gian Ai Cập (Seknenre) về việc trục xuất người Hycsô.

62 Các loài côn trùng này được xác định không rõ, có lẽ là các loài mối. Tác giả nhấn mạnh sự phân biệt giữa Goshen và Ai Cập, đã được khẳng định trong câu chuyện Giuse (St 46,

cách...»

[20] Thiên Chúa làm như vậy và một đàn ruồi muỗi khổng lồ tràn vào nhà cửa của Pharaô và các triều thần cũng như khắp đất Ai Cập ; trước đàn ruồi muỗi đó, đất nước bị tàn phá... [24] Pharaô nói : «Ta sẽ thả các ngươi đi và các ngươi có thể tế lễ Đức Chúa, Thiên Chúa của các ngươi, trong sa mạc. Nhưng đừng đi xa...» [25] Môsê đáp : «Tôi sẽ ra khỏi chỗ ngài... và ngày mai ruồi muỗi sẽ rời xa Pharaô, các triều thần và dân của ngài. Tuy nhiên, xin Pharaô đừng giở trò nữa mà không thả dân đi để họ tế lễ Đức Chúa !» [26] Môsê ra khỏi chỗ Pharaô... [27] Đức Chúa làm như lời Môsê, và ruồi muỗi rời xa Pharaô, các triều thần và dân của ngài, không còn sót lại một con nào. [28] Nhưng Pharaô lại chẳng bận tâm nghĩ đến [63] điều đó lần nữa và không thả dân đi.

9. [1] Đức Chúa phán với Môsê : «Ngươi hãy đến gặp Pharaô và nói với nó : Đức Chúa, Thiên Chúa của người Hípri, phán thế này : Hãy thả cho dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta. [2] Nhưng nếu ngươi từ chối không thả chúng đi và còn tiếp tục áp bức chúng, [3] thì này tay Đức Chúa sẽ giáng một trận ôn dịch rất nặng xuống các đàn vật của ngươi ngoài đồng : ngựa, lừa, lạc đà, bò và chiên dê. [4] Nhưng Đức Chúa sẽ phân biệt đàn vật của Israel với đàn vật của Ai Cập, và không một con vật nào thuộc về con cái Israel sẽ bị chết.» [5] Rồi Đức Chúa ấn định thời hạn : «Ngày mai Đức Chúa sẽ thực hiện điều

33tt).

63 Tác giả tỏ ra thích thú khi nhấn mạnh sự lãng quên của bộ máy hành chính. Có thể ông đã chịu đựng điều này dưới thời Salômôn.

đó trong xứ.» [6] Đức Chúa thực hiện điều đó ngay ngày hôm sau: tất cả đàn vật của Ai Cập chết, còn đàn vật của Israel thì không con nào chết. Pharaô sai người đi xem, và kìa, đàn vật của Israel không con nào bị chết ; nhưng Pharaô chẳng bận tâm nghĩ đến điều đó và không thả dân đi...

[13] Đức Chúa phán với Môsê : «Sáng mai ngươi hãy dậy sớm, đứng trước mặt Pharaô và nói với nó : Đức Chúa, Thiên Chúa của người Hípri, phán thế này : Hãy thả cho dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta. [14] Lần này, quả thật, Ta sẽ giáng xuống... [64]

[16] ... một trận mưa đá dữ dội chưa từng có ở Ai Cập kể từ ngày đất nước này được hình thành cho đến nay. [17] Ngươi còn đùa cợt với dân Ta khi không thả chúng đi. [19] Bây giờ, hãy sai người đem các đàn vật của ngươi và tất cả những gì thuộc về ngươi ngoài đồng vào nơi trú ẩn ; bất cứ người hay súc vật nào được tìm thấy ngoài đồng mà không tập trung lại dưới mái nhà, thì mưa đá sẽ rơi xuống trên chúng và chúng sẽ chết.» [20] Một số triều thần của Pharaô để ý đến lời đe doạ của Đức Chúa, vội đưa tôi tớ và đàn vật của họ trú dưới mái nhà ; nhưng những kẻ không để ý đến lời Đức Chúa thì để tôi tớ và đàn vật của họ lại ngoài đồng.

---

64 Một biên tập viên theo trường phái Đệ Nhị Luật (JE) đã thêm vào đây một vài câu để nối với trận mưa đá của J là sấm sét, lửa và mưa, những biểu hiện của vị thần lớn sêmít Seth/Baal mà người Ai Cập không ưa. Chúng ta có các mảnh vụn của trình thuật elohist này với mây và bóng tối (10, 21-23 ; 14, 20...) hướng về mạc khải tại Khôrép (20, 18).

[22] Đức Chúa phán với Môsê : «Hãy giơ tay lên trời, cho mưa đá rơi xuống khắp đất Ai Cập, trên người ta, trên thú vật và trên mọi thảo mộc trong đất Ai Cập.» *23* Môsê giơ gậy lên trời... [24] và mưa đá rơi xuống dữ dội đến nỗi từ khi thành lập cho đến bây giờ, nước Ai Cập chưa từng thấy trận nào như vậy. [25] Mưa đá đập nát mọi thứ ở ngoài đồng trong khắp đất Ai Cập, từ người cho đến thú vật. Mưa đá đập nát mọi thảo mộc ngoài đồng và làm gãy đổ mọi cây cối ngoài đồng. [26] Chỉ ở đất Goshen, nơi con cái Israel ở, là không có mưa đá.

[27] Pharaô sai người đi vời Môsê... [28] «Ta muốn thả các ngươi đi và các ngươi sẽ không còn phải (nghe lệnh ta) nữa.» [29] Môsê đáp : «Ngay khi tôi ra khỏi thành, tôi sẽ giơ tay lên kêu cầu Đức Chúa... và sẽ không còn mưa đá nữa, để ngài biết rằng đất này thuộc về Đức Chúa. [30] Nhưng tôi biết rằng ngài và các triều thần của ngài vẫn chưa kính sợ Đức Chúa là Thiên Chúa. *31* trước khi cây gai và lúa mạch bị đập nát.» [65]. *33* Môsê ra khỏi chỗ Pharaô, rời thành và giơ tay lên kêu cầu Đức Chúa: mưa đá chấm dứt... [34] Pharaô thấy mưa đá đã

---

65 Tác giả Giavít (Yahwist) thu thập các truyền thống ở Goshen vốn đặc biệt quan tâm đến đàn vật (St 46, 32-34 ; 47, 6) và các tế lễ súc vật (Xh 10, 24-26). Nhưng bản thân ông đặc biệt quan tâm đến Lễ Bánh Không Men vào mùa xuân (34, 18) và vụ gặt lúa mạch. Biên tập viên đã thêm vào đây một truyền thống E : «Vì lúa mạch đã trổ bông và cây gai đã ra hoa (?) còn lúa mì và đại mạch (spelt) thì không bị hại vì chưa mọc (?)» ; Lễ Ngũ Tuần được cử hành vào vụ gặt lúa mì và theo truyền thống Do Thái, chính vào Lễ Ngũ Tuần tháng thứ 3 (Xh 19, 1) mà Luật được mạc khải trên núi của Thiên Chúa.

chấm dứt... và ông cùng các triều thần lại chẳng bận tâm nghĩ đến điều đó nữa.

10. [1] Đức Chúa phán với Môsê : «Ngươi hãy đến gặp Pharaô, vì Ta sẽ làm cho lòng nó và lòng các triều thần của nó ra chai đá...» [3] Môsê đến gặp Pharaô và (nói) với ông : «Đức Chúa, Thiên Chúa của người Hípri, phán thế này : Ngươi còn từ chối hạ mình trước mặt Ta cho đến bao giờ ? Hãy thả cho dân Ta đi để chúng thờ phượng Ta. [4] Phải, nếu ngươi từ chối không thả dân Ta đi, thì chính Ta sẽ mang châu chấu đến trên lãnh thổ của ngươi vào ngày mai. [5] Chúng sẽ phủ kín mặt đất, người ta sẽ không còn thấy đất đai nữa và chúng sẽ ăn hết những gì còn sót lại. [6] Chúng sẽ tràn đầy các cung điện ngươi, nhà cửa của mọi triều thần ngươi và mọi nhà cửa ở Ai Cập ; đó là điều mà cha ông và tổ tiên ngươi chưa từng thấy từ khi họ có mặt trên đất này cho đến ngày nay.» Rồi Môsê quay đi và ra khỏi chỗ Pharaô.

[7] Các triều thần của Pharaô nói với ông : «Cho đến bao giờ tên này còn là cái bẫy cho chúng ta ? Hãy thả những người đó đi để họ thờ phượng Đức Chúa, Thiên Chúa của họ. Ngài chưa biết rằng Ai Cập đang bị tiêu vong sao ?»... [66]

[12] Đức Chúa phán với Môsê : «Hãy giơ tay ra trên đất Ai Cập. Cho châu chấu đến tàn phá đất Ai Cập, chúng sẽ ăn hết thảo mộc trong xứ, tất cả những gì mưa đá còn sót lại.» [13] Bấy giờ Môsê giơ gậy ra trên đất Ai Cập, và Đức Chúa cho một ngọn gió đông thổi trên đất suốt ngày và suốt đêm. Khi

66 Có lẽ ám chỉ sự sụp đổ của quyền lực Pharaô ở Goshen và Canaan vào thế kỷ XII trước CN.

trời sáng, gió đông đã mang châu chấu đến [14] chúng tấn công khắp đất Ai Cập và đậu dày đặc trên toàn lãnh thổ ; trước đó chưa từng có một đàn châu chấu nào đông như thế và sau này cũng sẽ không có. [15] Chúng phủ kín mặt đất, khiến đất ra tối tăm; chúng ăn hết thảo mộc trong xứ và mọi cây trái mà mưa đá còn sót lại ; trong khắp xứ, không còn chút xanh nào trên cây, không còn chút thảo mộc nào ngoài đồng.

[16] Pharaô vội cho vời Môsê... : [17] «Xin hãy cất (chúng) đi, và ít nhất xin Đức Chúa xua đuổi cái chết này xa ta...» [19] Đức Chúa đổi chiều gió, khiến một ngọn gió tây rất mạnh thổi tới. Gió cuốn đám châu chấu đi và dìm chúng xuống Biển Đỏ, không để sót một con nào trong lãnh thổ Ai Cập...

[24] Pharaô cho vời Môsê và nói : «Các ngươi hãy đi thờ phượng Đức Chúa ; chỉ có chiên bò của các ngươi phải ở lại, nhưng con trẻ của các ngươi có thể đi theo.» [25] Môsê đáp : «Chính ngài phải cung cấp cho chúng tôi Chúa của chúng ta. [26] Ngay cả súc vật của chúng ta cũng phải đi theo chúng ta, không sót lại một móng nào. Chính Ngài sẽ cung cấp cho chúng ta những gì cần để phụng thờ Thiên Chúa của chúng ta, mặc dù chúng ta chỉ biết được khi đến nơi cách nào để phụng thờ Đức Chúa… [27] Pharaô đã không đồng ý cho họ ra đi…

11. [1] Đức Chúa phán với Môsê : «Cùng lúc nó cho tất cả ra đi, Pharaô sẽ đuổi các ngươi khỏi đây… [4] Đức Chúa phán thế này : «Vào lúc nửa đêm, Ta sẽ đi ra giữa đất Ai Cập [5] và mọi con đầu lòng trong đất Ai Cập sẽ chết, từ con đầu lòng của Pharaô đang ngồi trên ngai, cho đến con đầu lòng của người

nữ tỳ đằng sau cối xay, hay con đầu lòng của bất cứ loài vật nào. [6] Sẽ có tiếng kêu la lớn khắp đất Ai Cập, chưa từng có như thế và sẽ không bao giờ có lại nữa. [7] Nhưng chống lại bất kỳ người nào trong số con cái Israel, không một con chó nào dám thè lưỡi, dù là người hay thú vật, để các ngươi biết rằng Đức Chúa tách biệt Israel khỏi Ai Cập.»

(Bấy giờ Môsê nói với Pharaô)… [8] «Tất cả những bề tôi của ngươi sẽ xuống đây với ta và sấp mình trước mặt ta mà nói : Xin ngươi và dân ngươi đi ra, cùng với tất cả những kẻ theo ngươi ! Bấy giờ ta sẽ ra đi !»

Và Môsê ra khỏi chỗ Pharaô, giận dữ kinh khủng.

Trong câu chuyện sử thi này với bảy cảnh liên tiếp và song song, Đức Chúa và Pharaô đối đầu nhau, Môsê được trang bị cây gậy của Thiên Chúa, vương trượng quyền năng hơn trong tay Môsê so với con rắn, biểu tượng của quyền lực Pharaô (4, 1-5). Lấy cảm hứng có lẽ từ khuôn mẫu của các hiệp ước kết thúc bằng những lời nguyền rủa cùng loại chống lại những kẻ vi phạm, bức tranh này làm nổi bật tai ương cuối cùng, cái chết của các con đầu lòng Ai Cập, tương phản với sự cứu thoát của người Israel được bảo vệ bởi máu chiên Vượt Qua [67].

---

67 J. Henninger, Các lễ hy sinh mùa xuân của người Ả Rập, Paris, 1975.

12. [29] Vào lúc nửa đêm, Đức Chúa đánh chết mọi con đầu lòng trong đất Ai Cập, từ con đầu lòng của Pharaô, cho đến con đầu lòng của súc vật. [31] Pharaô thức dậy lúc nửa đêm, cùng với các bề tôi và toàn thể người Ai Cập. Khắp Ai Cập vang lên tiếng kêu la thảm thiết vì không có nhà nào mà không có người chết. [31] Pharaô cho gọi Môsê… giữa đêm và (bảo) ông : «Hãy trỗi dậy và ra khỏi giữa dân ta, các ngươi và con cái Israel. Hãy đi phụng thờ Đức Chúa như các ngươi đã yêu cầu. [32] Hãy đem theo cả chiên cừu lớn nhỏ như các ngươi đã xin. Hãy đi và cầu phúc cho ta nữa.»

Người Israel đã xin phép đi vào sa mạc trên một ngọn núi thánh để thực hiện lễ tế xưa của dân du mục vào mùa xuân. Lễ tế này nhằm làm nguôi lòng vị thần đáng sợ và Lễ Vượt Qua, pésah trong tiếng Hebrew, có lẽ liên quan đến một gốc từ Semitic cổ, pashahu, có nghĩa là làm nguôi, xoa dịu. Từ thời các tổ phụ (St 22), lễ tế này, cách ba ngày đường, được hiểu là một lễ tế thay thế, trong đó con vật bị giết thay cho con đầu lòng bị đe dọa. Từ nay, kể từ thời Môsê, lễ tế này sẽ là ngày lễ giải phóng dân tộc, ngày quốc lễ của họ, nơi Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob đã tỏ ra quyền năng hơn Pharaô và có khả năng tạo dựng một dân tộc để «phụng thờ» Ngài. Người ta kể lại rằng Kẻ Hủy Diệt đã tàn phá Ai Cập thế nào khi Đức Chúa không bảo vệ các nhà bằng dấu máu.

Nhưng chúng ta phải lưu ý rằng quyền lực Ai Cập vào thế kỷ XIII không chỉ hoạt động ở vùng Châu thổ, nơi các bộ tộc nhà Joseph, Ephraim và Manassê, được sinh ra (St 12, 51s) và nơi những người Lêvi đã trốn đến sau cuộc phân tán lớn sau vụ thảm sát ở Shechem (St 34; 49, 7). Người ta tìm thấy tên Simeon ở Ai Cập, nhưng toàn thể bộ tộc đã không đi xa đến vậy và, mặc dù phải chịu ách đô hộ của Ai Cập như toàn xứ Canaan, họ cư trú gần Beersheba và Ziklag (Gs 19, 2-7) và vùng đất Goshen (Gs 11, 16 ; 10, 41) sau này bị sáp nhập vào Judah (15, 51). Pharaô đã định cư những người Israel khác hoặc người thân thuộc ở đó. Nhận xét này rất quan trọng để nắm bắt nguồn mạch của các truyền thống về cuộc giải phóng như Kinh Thánh đã tập hợp lại. Rõ ràng là chính địa lý đã áp đặt những truyền thống khác nhau về sự chấm dứt sự thống trị của Ai Cập.

Truyền thống Môsê vững chắc nhất là của các bộ tộc miền Bắc, nhà Joseph, mà tiên tri Hosea đã lặp lại khi nói rằng một «tiên tri đã đưa Israel ra khỏi Ai Cập» (12, 14). Nhưng cuộc ra đi này không diễn ra trực tiếp và người kể chuyện Elohist, cũng viết ở miền Bắc, cảnh báo chúng ta rằng Thiên Chúa đã không để người Israel đi theo con đường trực tiếp gọi là đường của người Philistine, nhưng «đã dẫn dân đi vòng theo con đường sa mạc» (Xh 13, 17). Trên thực tế, con đường của người

Philistine dọc theo Địa Trung Hải khó có thể đi được cho một nhóm người chạy trốn khỏi sự thống trị của Ai Cập, vì Seti I đã trang bị cho nó một loạt các đồn quân sự, đặc biệt canh giữ các điểm nước. Các đạo quân Ai Cập đi lại trên «con đường quân sự» này (Gardiner) [68] để đến Gaza và kiểm soát Canaan. Nếu người Israel rời Ai Cập bằng con đường này, họ sẽ nhanh chóng bị một chính phủ có khuynh hướng rút lại sự cho phép đã ban một cách khó khăn, đuổi kịp. Chúng ta hãy nói thêm ngay rằng một nhà văn sau này thu thập truyền thống của các bộ tộc Goshen và miền Nam hẳn đã phải hình dung cuộc Xuất Hành hoàn toàn khác với một nhà văn xuất thân từ các bộ tộc miền Bắc.

Sự khác biệt này sẽ ảnh hưởng đến các câu chuyện về cuộc vượt Biển Sậy (Yam Suf) nổi tiếng. Tất cả các chuyên gia đều đồng ý rằng có ba phiên bản khác nhau về cuộc vượt biển này, nhưng sự đồng thuận này biến mất khi đi vào chi tiết. Ở đây chúng tôi đưa ra một cách phân chia các câu mà chúng tôi cho là có cơ sở. Nó sẽ cho phép chúng ta nắm bắt rõ hơn những điểm chung xuyên suốt sự đa dạng.

Trước hết, hãy lấy bản kể chuyện Elohist của chúng ta, ghi lại những ký ức xa xôi của những người phải

68 Tạp chí Khảo cổ học Ai Cập năm 1920, tập 2 và tập 3.

vượt qua eo đất :

13. [17] Vậy, khi Pharaô cho dân chúng ra đi, Thiên Chúa đã không dẫn họ đi theo con đường xứ Philistine. Dù rằng nó gần, nhưng Thiên Chúa phán : «Kẻo dân đổi ý khi thấy mình phải chiến đấu và quay trở lại Ai Cập.» [18] Thiên Chúa đưa dân đi vòng theo con đường sa mạc… [19] và Môsê đem theo hài cốt của Joseph vì ông đã bắt con cái Israel thề : «Chắc chắn Thiên Chúa sẽ viếng thăm các ngươi và từ đây các ngươi sẽ đem hài cốt ta theo.»… [21] Thiên Chúa [69] đi trước họ ban ngày trong cột mây [70] để dẫn đường cho họ.

14. [3] Pharaô nói (với dân mình) về con cái Israel [71] : «Chúng đang lúng túng trong xứ.» Ông ta đã khóa chặt sa mạc chống lại họ…

69 Theo bản dịch tiếng Hy Lạp.

70 Tiên tri Isaiah sẽ nhắc đến cột lửa và cột mây, dấu chỉ sự hiện diện của Đức Chúa trong các lễ tế ở Đền Thờ : ngọn lửa ban đêm, khói ban ngày (4, 5). Cũng đừng quên các tín hiệu lửa dùng cho việc di chuyển của người Nabatea Ả Rập theo Diodorus của Sicily, được trích dẫn bởi Hieronymus của Kardia. Bản văn Elohist chỉ biết đến cột mây (x. Xh. 33, 9) và rất nhanh chóng đề cập đến cách dân chúng trốn thoát trong đêm. Người biên tập đã kết hợp hai truyền thống đã thêm vào câu 18 «Biển Sậy» (Yam Suf), đối với ông là vịnh Aqaba gần Midian và Edom, bên kia sa mạc (1 V 9, 26). Nhưng ông đã không lặp lại «Đức Chúa đi trước họ» ở câu 21.

71 Và không phải «Pharaô nói với con cái Israel» vì những lời sau không nói với họ và chủ ngữ của «khóa chặt» chỉ có thể là Pharaô.

Ông cho thắng xe chiến và đem dân mình theo… [72] [11] (Con cái Israel) nói với Môsê : «Ở Ai Cập thiếu mồ chắc hay sao mà ngươi đem chúng tôi đến chết trong sa mạc ?… [12] Chẳng phải chúng tôi đã nói đúng với ngươi ở Ai Cập : «Cứ để mặc chúng tôi : chúng tôi muốn phục vụ Ai Cập. Thà phục vụ Ai Cập còn hơn chết trong sa mạc.»… [15] (Môsê kêu cầu Thiên Chúa và) Thiên Chúa trả lời Môsê : «Sao ngươi kêu cầu Ta? Hãy bảo con cái Israel nhổ trại». [19] Bấy giờ thiên sứ của Thiên Chúa đang đi trước trại quân Israel di chuyển và đi về phía sau trại, cột mây rời phía trước và đứng ở phía sau, đứng vào giữa trại quân Ai Cập và trại quân Israel. Trời tối đen và đêm trôi qua mà hai bên không thể đến gần nhau… [30] Ngày đó Đức Chúa cứu Israel khỏi tay Ai Cập… [31] Israel thấy quyền năng vĩ đại của Đức Chúa hành động chống lại Ai Cập, và dân chúng kính sợ Đức Chúa.

Bản tường thuật này ngay lập tức đưa người Israel vào sa mạc và chính đám mây đã che giấu họ khỏi sự truy đuổi của người Ai Cập.

Như trong trường hợp tai ương đầu tiên, chính bản văn P, muộn nhất, nhấn mạnh nhiều nhất đến điều kỳ diệu. Hành động của Thiên Chúa không còn được gợi lên một cách kín đáo qua sự hiện diện của thiên sứ của Thiên Chúa trong đám mây. Cũng như Thiên Chúa

72 Trong E, Pharaô chỉ đem theo dân mình. Tức là đội quân của ông. Trong J, ông đem theo 600 xe chiến tinh nhuệ (c. 7) và trong P, các xe chiến và kỵ binh của ông (cc. 9, 23, 26, 28).

Đấng Tạo Hóa đã tách nước phía trên khỏi nước phía dưới, hành động cứu chuộc của Ngài chia nước thành hai bức tường thẳng đứng và bảo toàn mạng sống dân Ngài bằng cách cho họ đi qua trên đất khô.

13. [18] Sẵn sàng chiến đấu, con cái Israel tiến lên từ đất Ai Cập… [20] Họ rời Sukkót và đóng trại tại Etham, ranh giới sa mạc.

14. [1] Bấy giờ Đức Chúa phán với Môsê : [2] «Hãy nói với con cái Israel. [73] … Đối diện Pi-hahiroth…, các ngươi sẽ đóng trại gần biển… Ta sẽ làm cho lòng Pharaô ra chai đá, nó sẽ đuổi theo chúng và Ta sẽ được tôn vinh trước mặt Pharaô và toàn thể quân đội của nó. Người Ai Cập sẽ biết rằng chính Ta là Đức Chúa.» Họ đã làm như thế… Đức Chúa làm cho lòng Pharaô vua Ai Cập ra chai đá. Ông ta đuổi theo con cái

---

73 Người biên tập đã kết hợp ở đây một bài diễn văn P (cuối câu) và một bản tường thuật J tiếp nối 13, 22. Hơn nữa, người biên tập muốn tính đến truyền thống J về một con đường qua Baal Zephon và đường của người Philistine, và một truyền thống E phản đối nó (c. 23) ; vì vậy ông thêm «họ quay trở lại». Bản biên tập muốn trung thành với cả hai nguồn nên lúng túng với hai chữ «đối diện», một «giữa Migdol và biển» và một «gần biển». Biết từ c. 9 rằng Pihahiroth là «đối diện» Baal Zephon, ông thêm một «đối diện nó (nikehó)» sau Baal Zephon ở c. 2. Cũng chính ông đã thêm vào c. 11 một câu hỏi thứ hai của người Israel với Môsê : «Ông đã làm gì cho chúng tôi đó khi đưa chúng tôi ra khỏi đất Ai Cập ?» Tuy nhiên, nó cũng có thể thuộc về bản tường thuật Elohist.

Israel trong khi họ ra đi cách oai hùng [74] ... [9] ông, các ngựa chiến, xe chiến, các đạo quân và binh lính, (đã đuổi kịp họ) tại Pi-hahirot, trước mặt Baal-Saphon... [15] (Thiên Chúa phán với Môsê) : «... [16] Phần ngươi, hãy giơ tay [75] trên biển để chẻ biển ra, cho con cái Israel đi giữa lòng biển trên đất khô. [17] Phần Ta, Ta sẽ làm cho lòng người Ai Cập ra chai đá, họ sẽ đuổi theo họ... [18] Người Ai Cập sẽ biết rằng Ta là Đức Chúa và Ta sẽ được tôn vinh trước mặt Pharaô, các chiến xa và kỵ binh của ông.» ... [21] Bấy giờ, Môsê giơ tay trên biển... Nước rẽ ra [22] và dân Israel đi trên đất khô giữa lòng biển, nước dựng như bức tường bên phải và bên trái. [23] Người Ai Cóp đuổi theo và đi theo họ vào giữa lòng biển, gồm Pharaô, các chiến mã, chiến xa và kỵ binh của ông... [26] Đức Chúa liền phán với Môsê : «Hãy giơ tay trên biển để nước trở lại vùi dập [76] người Ai Cập, các chiến xa và kỵ binh của chúng.» [27] Môsê giơ tay trên biển... [28] Nước trở lại phủ lấp các chiến xa và kỵ binh cùng toàn thể quân lực của Pharaô đã đi theo vào giữa lòng biển. Không một tên nào sót lại, [29] nhưng con cái Israel đã đi trên đất khô giữa lòng biển, nước dựng như bức

74 Theo văn bản, không phải Pharaô đuổi theo «cách oai hùng» (nghĩa đen : «với bàn tay giơ cao») mà là người Israel ra đi cách oai hùng, vũ trang đầy đủ (cc. 13, 18 sẵn sàng chiến đấu, hamushim) ; chúng ta đang ở rất xa cuộc Xuất Hành-chạy trốn và Xuất Hành-trục xuất.

75 Như trong các tai ương Ai Cập, Tư tế (P) nói về «sự cứng lòng» của pharaô và quyền năng của Thiên Chúa được quy cho tay của Môsê chứ không phải cây gậy của ông (Giavê (J), c. 15) vì đối với P, cây gậy đã được chuyển cho Aaron.

76 So sánh với trình thuật Giavê (J) ở câu 27.

tường bên phải và bên trái họ.

Câu chuyện muộn về sau này, đầy màu sắc, dường như được am tường vì cung cấp cho chúng ta những tên riêng. Nhưng những tên riêng này lại đề xuất một lộ trình khác với câu chuyện của truyền thống Êlôhít [77] của chúng ta : Baal-Saphon thực ra nay đã được xác định rõ. Đó là một nơi tôn nghiêm được các thủy thủ Phoenicia rất sùng kính, nằm trên bờ Địa Trung Hải, giữa biển và hồ Sirbonis, nơi đã từng nuốt chửng nhiều đạo quân khác trong thời cổ đại. Trong câu chuyện này, những người chạy trốn đã đi theo con đường của người Philistin, vốn bị cấm trong câu chuyện kia. Sự khác biệt này có thể được giải thích rất rõ nếu chúng ta thấy nó trùng khớp với các truyền thống của Ai Cập được sử gia Hy Lạp-Ai Cập Manethon lưu giữ như thế nào. Người này gần như đồng nhất cuộc Xuất Hành của Môsê với sử thi dân tộc: đó là cuộc trục xuất những người ngoại bang Hyksos vào thế kỷ 16 trước Công nguyên, những người đã bị truy đuổi trên đường đi đến vùng Philistin cho đến đất Canaan. Các chi tộc miền Nam, những người đã biết đến sự giải phóng, nhưng tại Goshen, trên thực tế chỉ có những truyền thống chính xác về Cuộc

77 Xem H. Cazelles, «Các địa điểm của cuộc Xuất Hành và phê bình văn học» trong Revue Biblique, năm 1955, trang 321-364.

Xuất Hành là việc trục xuất người Semite bởi các đạo quân Ai Cập ba thế kỷ trước đó. Câu chuyện muộn (P) mà chúng ta vừa đọc phụ thuộc vào câu chuyện Giavê (J) cổ xưa hơn, câu chuyện đã kết nối các truyền thống miền Nam với những thông tin lấy từ các ký lục Ai Cập. Đây là câu chuyện đó :

13. [21] Đức Chúa đi đằng trước họ... ban đêm trong cột lửa để soi sáng cho họ. Khi đi ngày đêm, [22] cột mây ban ngày và cột mây ban đêm luôn ở đằng trước dân.

14. [2] Họ đóng trại [78]... giữa Migdol và biển, trước mặt Baal-Saphon... [5] Vua Ai Cập nghe tin dân đã trốn đi. Ý định của Pharaô và bề tôi của ông đối với dân thay đổi: «Chúng ta đã làm gì thế này khi để cho Israel thoát khỏi việc phục dịch chúng ta !» [79] ... [7] Ông đem theo sáu trăm chiến xa tinh nhuệ, tất cả các chiến xa của Ai Cập với ba chiến binh trên mỗi xe... [9] Người Ai Cập đuổi theo và đuổi kịp họ khi họ đang đóng trại gần biển... [10] Khi Pharaô đến gần, con cái Israel ngước mắt lên. Thấy người Ai Cập đóng trại đằng sau, họ rất sợ hãi và kêu cầu Đức Chúa [80]... [13] Môsê nói với dân : «Đừng sợ, cứ đứng vững ! Và hãy xem ơn cứu độ mà Đức Chúa sẽ thực hiện cho anh em hôm nay. Phải, những người Ai Cập mà anh

78 Xem chú thích 27.

79 Trình thuật Giavê (J) như trong các tai ương Ai Cập nhấn mạnh đến sự đối lập «phụng sự Thiên Chúa», «phụng sự Pharaô».

80 Đối với biên tập viên, tiếng kêu của người Israel này đã được Môsê chuyển cầu lên Đức Chúa (c. 15).

em thấy hôm nay, anh em sẽ không còn thấy họ nữa. [14] Đức Chúa chiến đấu cho anh em. Phần anh em, hãy im lặng.»

[15] (Đức Chúa phán với Môsê :) «Hãy giơ cây gậy của ngươi lên [81]... [20] Đêm đó trở nên sáng tỏ... [21] Đức Chúa dồn biển lui bằng một cơn gió đông mạnh, suốt đêm ; Ngài làm cho biển khô cạn... [24] Vào lúc canh sáng [82], trong cột mây và cột lửa, Đức Chúa nhìn xem trại của người Ai Cập. Ngài gieo sự hoảng loạn trong trại người Ai Cập [25] và làm cho các bánh xe chiến xa của họ trật khỏi trục, khiến chúng chỉ tiến lên được một cách khó nhọc. Người Ai Cập kêu lên : «Chúng ta hãy chạy trốn khỏi Israel vì Đức Chúa chiến đấu cho họ chống lại Ai Cập !»... [27] Vào buổi sáng, biển trở lại mức nước cũ. Người Ai Cập, khi chạy trốn, đã gặp phải dòng nước và Đức Chúa tống khứ họ vào giữa lòng biển... [30] Israel thấy người Ai Cập chết trên bờ biển và... [31] Israel tin vào Đức Chúa và vào tôi tớ Ngài là Môsê [83].

Chúng ta lại thấy cuộc đối đầu giữa Đức Chúa và Pharaô, giữa quyền bính của Pharaô và quyền bính của Môsê. Chúng ta cũng lại thấy sự sinh động và đầy màu sắc của tác giả. Chúng ta sẽ còn phải trở lại với những truyền thống của Giuđa được lưu giữ bởi một nhà văn

81 Xem chú thích 29.

82 Trong Êlôhít (E), người Israel đã trốn đi trong đêm. Trong Giavê (J), sự can thiệp của Thiên Chúa xảy ra vào lúc sáng sớm.

83 Trình thuật Êlôhít (E) nhấn mạnh đến sự kính sợ Thiên Chúa, còn bản văn Giavê (J) nhấn mạnh đến đức tin vào Thiên Chúa và đại diện của Ngài trên trần gian.

tài ba, người biết tham vấn các ký lục Ai Cập. Nhưng trước khi đến đóng trại ở phía nam Canaan và vùng đất Goshen, gần ốc đảo Cadès, không xa Êđôm và người Amalếch, chúng ta cần tiến sâu vào bán đảo Sinai, vào sa mạc khắc nghiệt nơi trình thuật Êlôhít mời gọi chúng ta.

Chương IV - Ngọn Núi Thánh Và Mười Điều Răn

Môsê đã yêu cầu Pharaô cho đi tế lễ ở cách đó ba ngày đường. Cũng đã có đề cập đến một hag, một cuộc hành hương lễ hội trong sa mạc để tôn vinh Đức Chúa. Trong các trình thuật về ơn gọi của Môsê, người ta nói về việc đi phụng sự Thiên Chúa trên một ngọn núi. Ngọn núi đó là núi nào ? Sa mạc mà Môsê dẫn những người chạy trốn hay bị trục xuất đi qua là sa mạc nào ? Kinh Thánh chứa đầy dữ liệu và tất cả đều có ý nghĩa ngay cả trong những chỗ mơ hồ có chủ ý của chúng. Điều quan trọng là sắp xếp chúng theo quá trình hình thành Kinh Thánh này, vốn đã dần dần tập hợp các truyền thống bộ lạc khác nhau tùy theo những thăng trầm của lịch sử. Trong sách Xuất Hành, nhiều truyền thống khác ngoài truyền thống về lộ trình của Môsê đã được ghép vào.

Nếu chúng ta theo truyền thống Giavê (J), chúng ta sẽ đi thẳng con đường phía bắc đi ngang trước mặt Baal Saphon và dọc theo biển. Trong Xh 15, 22 chúng ta đã ở trong sa mạc Shur [84], tức là phía nam Giuđa theo các

84 Ở đây, Giavê (J) sử dụng truyền thống Goshen, truyền thống dẫn người Israel đi ba ngày đường trong sa mạc để dâng tế (x. Xh 5, 3 ; Ds 10, 33…). Trong Ds 33, 8, Tư tế (P) đổi Shur

lời chứng của các tổ phụ (St 16, 7 ; 20, 1 ; 25, 18) và thời đầu chế độ quân chủ (1 Sm 15, 7 ; 27, 8). Giavê (J), người thích những sự gần gũi gợi ý, đã đặt Maryam (Miryam trong bản văn Híp-ri) gần với địa điểm Mara (Xh 15, 21, x. 23) và Maryam sẽ được chôn tại Cadès ở phía bắc bán đảo. Nhưng chính Kinh Thánh cũng cảnh báo chúng ta đừng vội kết luận như vậy, vì trong Ds 33, 8, không còn là sa mạc Shur nữa mà là sa mạc Etham đi trước trại đóng tại Mara. Hơn nữa, chúng ta biết qua Agatharchide xứ Cnide [85], một sử gia Hy Lạp thế kỷ 2 trước CN, rằng người Maranites sinh sống không phải ở phía bắc, mà trên bờ Biển Đỏ, đối diện Ai Cập, và họ láng giềng với một nhóm khác, người Arandanites (Garandanites theo Diodore xứ Sicile), mà tên gọi của họ được bảo tồn một chút xa hơn về phía nam, tại W. Garandal. Lộ trình của Giavê (J) bị loại trừ, như chúng ta đã thấy, vì Séthi I đã củng cố các điểm nước và các đạo quân Ai Cập sẽ còn hoạt động trong khu vực này hơn một thế kỷ nữa. Truyền thống của Giavê (J) đến từ người Simêon ở Goshen và các ký lục Ai Cập tại triều đình Salomon chỉ là một tiếng vọng xa xôi của cuộc trục xuất người Hyksos.

---

thành Etham (x. Xh 13, 20).

85 Văn bản này được Diodore xứ Sicile lưu giữ (§ 43 trong tác phẩm lịch sử của ông) và có thể đọc trong MULLER, Geographi Graeci Minores, I, 177.

Một con đường khác, về lý thuyết có thể đi được, là con đường băng qua cao nguyên đá vôi Tih và đi thẳng về phía đông đến Madian và Ả Rập. Đây sẽ là con đường của các khách hành hương Mecca, và nó đi qua «sa mạc khủng khiếp và đáng sợ» mà sách Đệ Nhị Luật sẽ nói đến. Nhưng người ta không tìm thấy dấu vết nào vào thời kỳ này, trong khi đó, nhờ vào các di tích gốm và đồ đá lửa, người ta có thể xác định được các tuyến đường của những đoàn lữ hành từ thiên niên kỷ thứ ba ở những nơi khác. Có thể Môsê đã nghĩ đến hướng đi này. Nhưng ở đó không có điểm nước và như thế là kết án tử hình bằng cơn khát cho nhóm người mà ông dẫn theo. Khi Sách Đệ Nhị Luật nói về sa mạc khủng khiếp và đáng sợ, đó là một sa mạc giữa núi Khô-rếp và Ca-đê ở phía nam Giu-đa, chứ không phải là sa mạc giữa Ai Cập và Ma-đi-an.

Theo những chỉ dẫn truyền thống, Mô-sê đã rẽ đường đi về phía nam. Nhưng tất cả những truyền thống này chỉ có từ thiên niên kỷ thứ nhất và người ta có thể do dự về mục đích được đề ra. Mara của Agatarchide phù hợp với một lộ trình về phía nam, cũng như việc nhắc đến Ê-lim (Xh 15, 27). Địa điểm này, với «mười hai suối nước và bảy mươi cây chà là», có vẻ như nên được nhận diện với ốc đảo ngày nay gọi là Ayoun Musa, «những dòng suối của Mô-sê», một địa điểm độc nhất trong bán

đảo nơi J. Daumas [86] gần đây còn đếm được mười suối nước và năm trăm cây chà là. Nhưng bản văn Xh 15, 27 dường như không thuộc về những truyền thống Kinh Thánh cổ xưa nhất. Nó có lẽ là tiếng vọng của những sự nhận diện từ nửa sau thiên niên kỷ thứ nhất, điều này không làm mất đi giá trị của nó. Cách Suez 12 km và ở trước Mara, nơi này sẽ là một chặng dừng chân trên bờ Biển Đỏ dẫn đến một địa điểm Kinh Thánh khác, Pha-ran, tức Feiran ngày nay, nằm xa hơn về phía nam và sâu trong nội địa.

Pha-ran nằm giữa Ma-đi-an và Ai Cập theo 1 V 11, 18, và sa mạc Pha-ran là sa mạc trải dài giữa núi thánh và Ca-đê (Ds 10, 12), nơi cư ngụ của người Ít-ma-ên (St 21, 21). Được các nhà địa lý Hy Lạp và Ả Rập biết đến, Feiran rất nổi tiếng. Feiran ngày nay là một trong những viên ngọc của bán đảo. Thịnh vượng vào thời Byzantine, nhưng có lẽ có từ thế kỷ VII trước CN, thành phố đã đổ nát khi nhà địa lý Ả Rập Makrizi đi qua đó. Rừng chà là vẫn còn đó, nước không bao giờ thiếu. Giữa những cây chà là, người ta tìm thấy, như trên toàn bán đảo, cây keo seyal với những gai nhọn đáng sợ ; có lẽ đây là gỗ shittim trong các bản văn Kinh Thánh. Dưới những tán cây xanh mát này là một thảm cỏ, rêu và cây đầm lầy. «Thật khó mà đánh giá quá cao niềm vui của người

86 Bán đảo Sinai, Cairo, 1951, trang 35.

lái buôn khi sau nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần lang thang trong khung cảnh đơn điệu của sa mạc, bước vào được hẻm núi duyên dáng này, nơi những cây chà là, bị giam giữ giữa những bức tường màu gạch, đung đưa những tàu lá xanh biếc trên bầu trời», J. Daumas viết [87].

Các bộ tộc Nabatea đã định cư ở đó, hoặc ít nhất, đã đi qua đó vào thế kỷ II và III sau CN vì họ đã phủ đầy những hình vẽ và chữ khắc trên các vách núi của những thung lũng lân cận : W. Tor, W. Sieh, W. Leja phía nam Feiran, W. Rimm phía đông, và đặc biệt là W. Mukateb («chữ viết») đổ ra phía bắc vào W. Feiran. Những dấu vết này kéo dài về phía đông và về phía Ma-đi-an trong W. Saal. Ngay từ năm 1891, Euting đã đếm được 677 bản khắc ngắn này, hầu như luôn chỉ giới hạn ở một tên riêng, một lời chào hoặc một kỷ niệm. Chúng được viết bằng tiếng Ả Rập Nabatea, nhưng đôi khi bằng tiếng Hy Lạp, thậm chí bằng tiếng Latin. Ngay cả khi một con đường đi qua Feiran để dẫn từ Suez đến Aqaba, những nét chữ nguệch ngoạc nghèo nàn này có lẽ là do các bộ tộc thường xuyên lui tới những nơi này sau khi vương quốc Nabatea bị giảm xuống thành tỉnh của La Mã dưới thời Trajan (năm 117 sau CN). Theo sau họ, các thầy tu và tín hữu Kitô chạy trốn khỏi Ai Cập thuộc La Mã hoặc Byzantine cũng lần lượt đến và chỉ đường

87 Cùng tác phẩm, trang 79.

lên Sinai ngày nay (Ste-Catherine) cho các khách hành hương như Ethérie (thế kỷ IV).

Tuy nhiên, không nên vội kết luận vì Kinh Thánh biết đến trong một bài thơ cổ thuộc trường phái Đệ Nhị Luật (Đnl 33, 2) một «Núi Pha-ran» được nhắc đến như một trong ba nơi thánh mà từ đó Đức Chúa đã chuyển mình cùng với muôn vàn thiên binh của Ngài [88] để ngự trị tại Ca-na-an. Mà ốc đảo và thành phố Féiran lại bị chi phối bởi Djebel Moncijah, cao 800 m, từ đó người ta có một tầm nhìn tuyệt đẹp ra núi Serbal và độ cao 2000 m của nó, ngọn núi cũng có những truyền thống tôn giáo riêng. Palmer năm 1868 và Benedite năm 1889 và 1890 đã leo lên đó và sao chép các bản khắc. Nhưng chính Shabo Levi năm 1976 đã phát hiện tầm quan trọng của nó, và đã sao chép những bản khắc chưa được biết đến khác [89]. Cuộc thám hiểm của Trường Kinh Thánh [90] đã cho thấy vẫn còn những khám phá cần được thực hiện.

---

88 Thay vì «myriades», một số chuyên gia sửa đổi nhẹ bản văn và đọc là «Mê-ri-ba», điều này sẽ đưa ngọn núi này xa hơn nhiều về phía bắc.

89 A. NEGEV, «Một Thánh đường Nabataean tại Jebel Moncijah, Nam Sinai», trong Tạp chí Khảo cổ Israel 27, 1977, các trang 219-231.

90 Xem ch. II, n. 18.

Moncijah có nghĩa là «(Núi của) cuộc hội đàm» và người Ả Rập địa phương gắn kỷ niệm này với Mô-sê và những lời nói của ông. Trong một bức tường đá khô xây cao khoảng bằng người, có gắn một vòm nhỏ, người ta thấy tàn tích của các lễ hiến tế, đặc biệt là lễ hiến tế dê, máu chúng được rải xuống đất và thịt được nướng và ăn. Người ta đốt hương trầm ; sữa được rảy ra và dâng kính Mô-sê. Có nhiều lễ hiến tế hàng năm, và không chỉ vào các dịp lễ Hồi giáo. Cuối cùng, trong làng, người ta tìm thấy dấu vết của các lễ hiến tế lạc đà hàng năm.

Nơi thánh này chắc chắn có từ trước Hồi giáo và người ta tìm thấy nhiều bản khắc không thuộc loại thường thấy ở Sinai. Điều tò mò nhất là nhiều người dâng cúng Nabatea này là các tư tế (apkal, khn', mbqr, xem Qumrân). Quan trọng hơn nữa, người ta tìm thấy những tên riêng kiểu «tôi tớ của 'hyw'», danh xưng thần linh địa phương này đã được đề cập đến liên quan đến mạc khải danh thánh Gia-vê [91], được hiểu là «Ta là Đấng Hiện Hữu», 'hyw'. Danh xưng 'hyw' này cũng được khắc trong các thung lũng lân cận, nhưng không ở nơi nào khác ở Ả Rập.

---

91 Xem ch II, n. 22.

Phải chăng Moneljah là «núi của Thiên Chúa» được đồng nhất với Khô-rếp trong hai bản văn Kinh Thánh (Xh 3, 1 ; 1V 19, 8) nhưng không phải luôn luôn (Xh 18, 5 ; 24, 13) ? Trước hết cần nhớ rằng có một Moneljah khác gần Ste-Catherine. Theo Palmer, dựa trên một bản thảo tiếng Ả Rập, đó thậm chí đã từng là tên của Djebel Musa ngày nay ; nó đã mất tên đầu tiên này để nhường cho một ngọn núi lân cận thấp hơn khi nó được khoác lên vinh quang của Mô-sê. Đối diện với Dj. Musa bên kia thung lũng của tu viện Ste-Catherine, Moneljah này chỉ được đặt tên như vậy «chỉ vài thế kỷ gần đây» [92]. Đó không phải là nơi các bản khắc Nabatea vẫn còn nhiều, mà là ở W. Leja, phía bên kia Musa. Có một nhà thờ trên đỉnh Moneljah này, nhưng người ta cũng tìm thấy ở nhiều nơi khác trong khu vực, gần các nguồn suối, gần các hang động và trên các đỉnh núi như Dj. Katherin. Nếu có một nơi thánh lưu giữ ký ức về Mô-sê trong khối núi đá granit này, vốn ít thuận lợi cho chữ khắc, không giống như vùng sa thạch, thì đó chính là Dj. Musa.

Miêu tả về nó đã thường được thực hiện kể từ khách hành hương Éthérie (hay Egérie), người đã thực hiện cuộc hành hương của mình vào cuối thế kỷ IV sau CN.

92 B. MEISTERMANN, Hướng dẫn từ Sông Nile đến Sông Jordan qua Sinai và Petra, Paris 1909, trang 113.

Từ nơi chúng tôi đứng, tức là xung quanh khuôn viên, trên đỉnh ngọn núi ở giữa, chúng tôi nhìn thấy phía trên chúng tôi những ngọn núi mà chúng tôi đã leo lên trước đó một cách khó nhọc ; so với ngọn núi ở giữa nơi chúng tôi đang đứng, chúng trông giống như những ngọn đồi nhỏ ; và thế mà chúng thực sự to lớn đến mức tôi không nghĩ mình đã từng thấy ngọn núi nào cao hơn, ngoại trừ ngọn núi ở giữa [93] vượt xa chúng một cách phi thường. Ai Cập, Palestine, Biển Đỏ, Biển Parthénienne chảy về phía Alexandria, và cuối cùng là vùng đất của người Saracènes trải dài tới tận chân trời, chúng tôi thấy tất cả dưới chân mình... Ngọn núi, nhìn từ xung quanh, trông có vẻ là duy nhất ; tuy nhiên khi tiến vào đó, người ta thấy nhiều ngọn, nhưng toàn bộ được gọi là núi của Thiên Chúa ; một trong số đó, trên đỉnh có nơi vinh quang Thiên Chúa ngự xuống, như đã chép, nổi bật giữa tất cả những ngọn khác. Và mặc dù tất cả những ngọn xung quanh đều cao đến mức tôi nghĩ mình chưa bao giờ thấy những ngọn tương tự, nó vẫn cao hơn nhiều so với tất cả những ngọn khác ; điều đó đúng đến mức, một khi đã leo lên, tất cả các ngọn núi không ngoại lệ mà chúng tôi đã thấy cao chót vót như vậy đều ở thấp hơn chúng tôi nhiều đến mức người ta có thể nói chúng giống như những ngọn đồi nhỏ xíu [94].

---

93 Đó là Dj. Katherin hay Dj. Musa ?

94 Ethérie, Nhật ký Hành trình, do H. Pétré biên tập, Paris, 1948, các trang 107 và 101. Xem thêm: Cuộc hành hương của tôi đến Đất Thánh, «Đức Tin Sống Động» số 180, Paris 1977, các trang 19 và 22.

Người ta có thể tự hỏi liệu Egérie có phải đang nói từ trên đỉnh Dj. Katherin, cao hơn Dj. Musa 400 m, hay không. Mặt khác, bà phân biệt núi Khô-rếp (với một hang động, hang của Ê-li-a) và thấp hơn nữa là nơi bụi gai bốc cháy mà bà không đặt trên núi Khô-rếp này. Gần bụi gai đó, hơn một thế kỷ sau, Justinian sẽ xây dựng tu viện Ste-Catherine với nguồn nước dồi dào của nó.

Khi Egérie đến những đỉnh núi đá granit cao này, băng qua những thung lũng với những nguồn nước dồi dào, khu vực đã đầy ắp những ẩn sĩ và những ký ức Kinh Thánh đã ăn sâu bén rễ. Chạy trốn khỏi Ai Cập của những cuộc bách hại, các thầy tu đã định cư ở đó ngay từ thế kỷ III. Nhưng phải thừa nhận rằng những di tích mang tính Kinh Thánh nhiều hơn là của người Bedouin ; thậm chí phải nói thêm, mang tính Kitô giáo nhiều hơn là Do Thái giáo. Câu hỏi đặt ra là liệu có phải những người Kitô hữu và các ẩn sĩ của thế kỷ III và IV sau CN đã thu hút những ký ức và sự phong phú của các địa điểm mà Egérie ghi nhận xung quanh Ste-Catherine. Có lẽ không phải việc Mô-sê đi qua đã thu hút cuộc hành hương xuống tận phía nam như vậy. Người Bedouin chỉ đột kích vào đó. Justinian, để bảo vệ tu viện chống lại các cuộc tấn công của người Blemmyes, đã thiết lập xung quanh những gia đình có

nguồn gốc từ Valachie, Ai Cập hoặc Bosnia ; họ đã trở thành bộ lạc Djebelieh. Rất có thể là khi rời Ai Cập và đi theo các lối mòn do người Nabatæans mở ra mà các dấu vết của họ được nhận ra từ cảng Tôr ngày nay (qua W. Sleh hoặc W. Hebran) cho đến Nakb'-el-Hawa (đèo Gió), rồi đi lên phía bắc về phía Aqaba qua W. Saal, các ẩn sĩ (anachorètes) đã vượt qua khu vực này để định cư gần các nguồn nước dưới chân những ngọn núi hùng vĩ nhằm sống một cuộc sống ẩn tu tương tự như thánh Antôn ở Ai Cập.

Trên thực tế, đối với một kẻ chạy trốn như Môsê, vào giữa thiên niên kỷ thứ hai, đã băng qua bán đảo với mục tiêu là Madian, thì khu vực này nằm ngoài tầm nhìn của ông. Các tu sĩ Kitô giáo đã có lý khi tìm kiếm dấu vết của Môsê ở phần phía nam của bán đảo, nhưng các đoàn lữ hành Nabatæans vào cuối thiên niên kỷ thứ nhất đã mở ra những lối mòn mà thiên niên kỷ thứ hai không để lại một dấu vết nào. Có lẽ chúng đã dẫn dắt các tu sĩ này và những người hành hương sau đó, hoàng hậu Hêlêna và Êgêria, xuống phía nam xa hơn so với những gì một ký lục Ai Cập trong triều đình các Ramesses như Môsê có thể hình dung. Thật kỳ lạ là trong khu vực này người ta tìm thấy dấu vết của các khu định cư thời Chalcolithic (Đồng Đá) thuộc thiên niên kỷ thứ tư, của các trại từ thiên niên kỷ thứ ba, nhưng lại không có từ

thiên niên kỷ thứ hai.

Xa hơn một chút về phía bắc, nhưng không xa lắm, cách Pharan vài chục km theo đường chim bay về phía bắc, thì sự hiện diện của Ai Cập và người Semite trong bán đảo lại được chứng thực rõ ràng. Ký lục của chúng ta (Môsê) có mọi lý do để được thông tin tốt vì hầu như năm nào cũng có một cuộc thám hiểm của Ai Cập đến bán đảo để tìm kiếm đồng và, được đánh giá cao hơn nữa ở triều đình, malachite và ngọc lam. Đối với người Ai Cập, Sinai của chúng ta là vùng đất của malachite (*Shesmet*) và họ tôn kính nữ thần Hathor ở những vùng này như là «quý bà của ngọc lam», thứ *mafkat* màu xanh lục hay đúng hơn là xanh lam nhạt được tìm thấy trong các lớp sa thạch, lộ ra giữa đá vôi phía bắc và đá granit phía nam. Khối mỏ này đầy những bản khắc chữ Ai Cập từ thiên niên kỷ thứ ba và thứ hai. Rồi chúng im lặng sau năm 1150 trước Công Nguyên. Nếu các ẩn sĩ thuở Kitô giáo, bị ấn tượng bởi vẻ đẹp hùng vĩ tráng lệ của những ngọn núi cao bao quanh thánh nữ Catarina, đã tìm thấy ở đó một sự xấp xỉ đầu tiên trong cuộc tìm kiếm Môsê của họ, và nếu những người hành hương đã để lại trên đá dọc các lối mòn những cây thánh giá Kitô giáo và những cây nến Do Thái, thì có lẽ các nghiên cứu hiện đại cho phép xác định rõ hơn.

Người tiên phong trong cuộc tìm kiếm này là Flinders Petrie. Môsê làm ông quan tâm, nhưng chủ yếu với tư cách là một nhà Ai Cập học, nên vào ngày 3 tháng 12 năm 1902, ông vượt kênh đào cùng với những người lao động, dụng cụ và lạc đà của mình [95]. Theo dấu chân Môsê, lúc đó ông phải băng qua đồng bằng được hình thành từ thềm biển cổ chạy dọc theo cao nguyên Tih và rải rác những mảnh đá lửa được cuốn tròn. Ngày mùng 4, ông đi qua «Các nguồn nước của Môsê» với vùng nước lợ. Ngày mùng 5, trước một ngã rẽ, đoàn đi theo con đường vào nội địa và cắm trại tại W. Werdân, vốn chỉ là một vùng trũng rộng của thềm. Ngày mùng 6, họ đến W. Garandal mà chúng ta đã nói đến liên quan đến (G)aran-danites ; ở đó mọc những cây cọ và các loại cây kim tước (genêts) được gọi là rythm (retern). Sau đó, qua một con đường khô cằn hơn, được đánh dấu bằng vài đống đá gắn liền với những ký ức ít nhiều mang tính huyền thoại, hơn nữa không liên quan đến Môsê, Petrie thấy mình vào ngày mùng 7 dưới chân các lớp thạch cao với các vách đứng thẳng đứng, wadi Ouseit. Ngày mùng 8, ông cắm trại tại wadi Tayiba (có nghĩa là «tốt»). Ông để lại bên phải mình con lối mòn tiến gần ra biển về phía Markha, nơi người ta vẫn quan sát thấy các di tích của cơ sở cảng Ai Cập. Đoàn thám

95 Những Nghiên cứu ở Sinai, Luân Đôn, 1906.

hiểm băng chéo qua đồng bằng và, tại cửa ra của Seih Baba, bắt gặp những đống xỉ lò chứng tỏ sự gần kề của các mỏ đồng. Petrie tiến vào khối núi qua W. Baba. Ông nhanh chóng rời khỏi hẻm núi (canon) này, vừa tuyệt vời vì có nước lộ thiên, vừa đáng sợ vì những tảng đá của nó, ngay cả đối với những chiếc jeep hiện đại ! Trong mê cung của các wadi, ông đi lên Boudra và qua một đèo đổ ra vùng Sidri rộng rãi và nhiều cát để đến, phía bên kia một giếng nước đẹp và ốc đảo của nó, sỏi của Maghara, «hang động» hay đúng hơn là «mỏ».

Ông tìm thấy một địa điểm bị tàn phá bởi nỗ lực thiếu thận trọng của Thiếu tá McDonald, người vào khoảng giữa năm 1855 và 1865, đã muốn khai thác lại ngọc lam. Nhưng, phía trên và phía dưới các đống đất đá đào bới, vẫn còn nhiều bản khắc và bằng chứng về sự hiện diện của Ai Cập. Trên đỉnh vách đá, người ta vẫn nhìn thấy cartouche của pharaon Semerhet (Vương triều thứ nhất). Sau đó, các bản khắc nối tiếp nhau, ở cấp độ của một đường hầm nửa sườn núi và ngay trong các Wadi. Chúng đặc biệt phong phú vào thời Amenemhet III (khoảng 1837-1789 trước CN). Chúng gần như chấm dứt sau thời Tuthmès III (thế kỷ XV trước CN). Quan hệ với người Bedouin không tốt và nhiều lần đề cập đến việc «chế ngự các vùng đất ngoại quốc» (stryw, bedouin). Nhà của các công nhân được tập hợp và bảo

vệ ; một bức tường rộng hơn chắn ngang thung lũng, có lẽ với mục đích phòng thủ [96]. Nguồn nước tuyệt hảo từ một cái giếng vuông đẹp với kiểu xây tường độc đáo có thể đã thu hút Môsê đến đó cũng như trong cuộc hành trình lang thang của mình, ông cũng có thể đã đi qua vị trí của thánh nữ Catarina tương lai. Nhưng, vào thời các Ramesses, đó không thể là nơi thánh mà ông nhắm đến.

Cũng không phải ở các mỏ mangan của W. Kharij mà Petrie có thể bị cám dỗ để tìm lại dấu vết của Môsê. Người ta đã biết đến chúng từ lâu và các dấu vết của những chiếc cuốc bằng đồng có thể nhìn thấy được. Ruppell vào năm 1817 đã xác định được một đài tưởng niệm (obélisque) của Sésostris Ier (khoảng 1900 trước CN) ở đó, nhưng phải đợi đến Rothenberg vào năm 1970 để tìm thấy trên vách đá một bức phù điêu tuyệt đẹp của Sahure (khoảng 2487-2473 trước CN), cũng đang tàn sát người Bedouin. Vào thời Môsê, các mỏ đã bị bỏ hoang từ lâu và không có gì ở đó cho thấy sự hiện diện của một nơi thánh.

Để đến đó, Petrie đáng lẽ phải tìm lại W. Baba và đi lên theo nó, tiến gần lại Ai Cập. Ở đó, ông đã tìm thấy lại các sa thạch nhiều màu, những tảng đá cản trở bánh

---

96 Bản phác thảo của J. DAUMAS, tác phẩm đã dẫn, trang 273.

xe nhưng không làm khó lạc đà, và thậm chí một cái ao nhỏ nơi một số người không ngần ngại tắm. Nhưng vào tháng Ba, ông rời Magharah, lao về phía bắc qua W. Agraf bằng cách vượt qua một đèo khác và cắm trại dưới chân Serabit el Khadim : 10 km theo đường chim bay, nhưng thực tế thì xa hơn nhiều ! Petrie cắm trại gần một nguồn nước tốt ở phía nam Serabit và mỗi ngày sẽ leo lên cao nguyên, nơi không có bất kỳ điểm nước nào. Ông phải cải tạo một lối đi cho lạc đà và, trên thực tế, đó là con đường mòn duy nhất mà lạc đà có thể đi qua ; T. Kowalski sẽ rất ngạc nhiên khi gặp một con vật như vậy trên đó vào tháng 4 năm 1978. Petrie biết rằng đây không phải là lối mà người Ai Cập lên, và tuy vậy, người ta biết rằng họ đã lên đó, rằng có các mỏ ngọc lam và đó là một nơi thánh. Đó là lý do tại sao Petrie quan tâm đến Serabit, tại sao một đoàn thám hiểm chung của Harvard-Đại học Công giáo Washington đã tiếp tục công việc vào năm 1930 và 1935 [97] và phát hiện ra Rod-el Air, «con đường lừa» mà các đoàn thám hiểm của pharaon đã đi lên, tại sao sau R. Weil, Albright, Rothenberg và Giveon đã dành nhiều ngày để chụp ảnh, sao chép và nhận dạng.

---

97 K. LAKE, A. BARROIS, S. NEW và R. BUTIN, «Cuộc Thám hiểm Serabit» trong Tạp chí Thần học Harvard 1932, các trang 95-204.

Bởi vì Sérabit là một nơi cao của cuộc gặp gỡ giữa nền văn minh Ai Cập đang trong thời kỳ phát triển rực rỡ và nền văn hóa của người Semite Địa Trung Hải đang mở ra. Trên cao nguyên bị bào mòn bởi các wadi lân cận này, «lớp cứng bị bóc trần... bị cắn xé từ mọi phía bởi các nhánh trên của các khe núi và, ở nhiều nơi, đã bị cắt thành các chứng tích biệt lập [98]», «mỏ của pháo đài» (mine de la forteresse) này, bị khống chế về phía nam bởi tháp đôi Umm Riglaim («mẹ của hai bàn chân»), là nơi gặp gỡ của bộ máy hành chính pharaon và một lực lượng lao động người Semite. Lớp đá vôi này đối diện với cao nguyên đá vôi Tih mà nó bị tách ra bởi vùng trũng rộng Debbet er Ramleh, để lộ trên các sườn phía bắc của nó những hiện tượng nở hoa địa chất kỳ lạ ; tầm nhìn thật đáng ngưỡng mộ và mê hoặc vào những giờ nhất định. Nhưng Sérabit là mũi cực bắc của khối sa thạch, được gân bằng các dyke màu xanh lục nhạt, tạo ra các loại đá quý hiếm, mà lớp đá vôi của nó đã bị bào mòn hoàn toàn.

Ngay cả trước khi bỏ hoang Magharah, người Ai Cập đã phát hiện ra những mỏ này. Không có di tích nào từ Vương quốc Cổ (Ancien Empire) là chắc chắn. Nhưng ngay từ thời Sésostris Ier [99] và Amenemhet II (khoảng

98 J. DAUMAS, tác phẩm đã dẫn, trang 283.

99 H. GOEDICKE («Một tuyên bố chủ quyền của Ai Cập

năm 1950-1900 trước Công nguyên) sự hiện diện của Ai Cập đã được chứng thực. Mỗi năm một đoàn hành hương khởi hành từ Ai Cập, có lẽ bằng thuyền, có khả năng cập bến tại Marqah, ngược dòng W. Baba (Thung lũng Baba) và sau chặng đầu tiên thì đến được W. Nash (Thung lũng Nash) tại giếng nước dồi dào Bir Nash, nơi tưới tiêu cho một vườn cây ăn trái. Tại đây bắt đầu cuộc leo núi băng qua các sườn dốc đá lở. Ở đỉnh một khe núi, đoàn hành hương dừng lại trước khi xuôi dốc vào W. Lihyan (Thung lũng Lihyan), nơi những thợ khắc tài hoa đã để lại trên đá các dòng chữ khắc với cartouche (khung tên) của Amenemhet III (khoảng năm 1800 trước Công nguyên). Bên cạnh đó, người ta thấy một dòng chữ khắc rất rõ ràng, nhưng bằng thứ chữ viết bí ẩn, rất khác với các graffiti và hình vẽ Nabatea có thể đọc được trên một tảng đá gần Bir Nash và trong W. Lihyan cũng như tại Feiran, W. Mukatteb và xa hơn về phía nam. Niên đại của dòng chữ khắc này là gì ? Làm

---

đối với châu Á», trong Tạp chí của Trung tâm Hoa Kỳ tại Ai Cập - VIII, 1970, các trang 11-27) nhận xét rằng những tuyên bố chủ quyền đầu tiên của Ai Cập đối với khu vực có từ thời Sésostris I và chúng sẽ được lặp lại vào thời Hatshepsut (thế kỷ XV trước CN). Về các hiện vật tìm thấy ở Sinai có từ Vương triều thứ 18 và được lưu giữ ở Úc, xem R. GIVEON, «Đồ vật Ai Cập từ Sinai trong Bảo tàng Úc», trong Tạp chí Khảo cổ học Kinh thánh Úc 2, 3, 1974/5, các trang 29-48.

sao để đọc nó ? Đó chính là vấn đề của những dòng chữ khắc được gọi là proto-Sinaitic (nguyên Sinai), từ đó đã phát sinh ra bảng chữ cái Phoenicia và tất cả các bảng chữ cái trên thế giới [100].

Đoàn hành hương lại tiếp tục hành trình, xuôi vào W. Lihyan, leo lên, bỏ về phía tay trái một wadi (thung lũng) khác nơi cây keo seyal mọc như ở những nơi khác. Một đợt xuống dốc mới dẫn đến chân núi Serabit nhưng ở phía tây chứ không phải phía nam nơi Petrie đã cắm trại. Một cuộc leo núi mới, khó khăn hơn nhiều, bắt đầu bằng một con đường mòn dốc đứng ngày nay vẫn được gọi là «con đường của những con lừa» (Rod el Air). Những con lừa không còn đi qua đó nữa và cũng không thể đi qua được vì con đường đã sụp đổ. Nhưng chúng đã từng đi qua đó vào thời các pharaoh, như được chứng minh bằng ba bức vẽ minh họa trên cao nguyên ; chúng chở nước và lương thực lên, và chở kim loại xuống. Ở lưng chừng dốc một khoảng trống cho phép dừng chân. Ở đó, đá và vách núi chảy tràn các dòng chữ khắc và hình vẽ : thuyền, hươu cao cổ, đà

---

100 Chúng ta đừng quên rằng, về chữ viết, Vùng Cận Đông đã đi trước Trung Quốc 1500 năm, trước Châu Mỹ hơn 3000 năm và rằng, chỉ ở nơi đây, các âm tiết đã được phân tích thành một bảng chữ cái làm giảm số lượng ký tự từ vài trăm xuống còn tối đa ba mươi.

điểu, danh sách lễ vật và chữ ký của những người qua đường. Đó là điểm dừng chân, sau đó người ta vượt qua những mét cuối cùng, luôn là những mét khó khăn và dốc đứng nhất, mà chỉ có bốn con đường mòn có thể vượt qua. Bằng con đường Rod el Air, đoàn lữ hành Ai Cập đã đến gần các mỏ.

Người Ai Cập đã khai thác sa thạch tại khoảng mười lăm điểm, được đánh dấu bằng các chữ cái từ a đến p. Nhóm abcde là gần con đường mòn nhất và có các chữ khắc Ai Cập có từ thời Amenemhet II. Một nhóm khác fghj không có chữ khắc. Nhưng xa hơn một chút, một cái giếng hình vuông dẫn đến một đường hầm được đặt trên bởi một dòng chữ khắc dài của một sĩ quan dưới thời Amenemhet III, được đỉnh bằng một gờ trang trí kiểu Ai Cập. Cuối cùng, xa hơn về phía trái, các mỏ lmn cùng các vùng phụ cận mang mười sáu dòng chữ khắc proto-Sinaitic, một số vẫn còn tại chỗ và số khác đã được chuyển đến Bảo tàng Cairo. Xa hơn một chút nữa, R. Giveon đã khám phá vào năm 1974 một mỏ khác ở phía nam với hai dòng chữ khắc khác cùng loại [101].

101 Các bản sao đẹp của R. Giveon trong Qadmoniot IV, 1971, tr. 300.

Đó chưa phải là tất cả. Nếu đi xuống từ mỏ này bằng con đường mòn thoai thoải nhưng quanh co phức tạp uốn theo đỉnh của các khe núi, người ta nhìn thấy trên mỏm đông bắc, với dải núi Tih ở chân trời, một chồng chất các bia đá chằng chịt dựa vào một gò đống. Đó là nơi thánh. Bắt đầu từ hang động của Hathor, vốn có lẽ ban đầu là một ngôi mộ, được flanked by another small niche có lẽ dành riêng cho thần Sopdou, một ngôi đền đã được xây dựng, phòng này tiếp nối phòng kia, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong sân trước hang động có một thanh dầm cửa khắc tên Amenemhet Đệ Nhất. Sau đó, các nhà nguyện lần lượt được xây dưới thời các pharaoh Trung Vương quốc. Rồi đến các pharaoh Tân Vương quốc, Tuthmosis III, Seti I và Ramesses II, những người đương thời với Môsê ; nhà nguyện cuối cùng mang tên Ramesses III. Muộn hơn nữa, Ramesses IV và Ramesses VI đã để lại dấu tích của họ (khoảng năm 1150). Các bia đá của Amenemhet III, Amenemhet IV, Tuthmosis III và Hatshepsut nằm rải rác khắp nơi và, trong số đó, có ba pho tượng nhân sư và một pho tượng khối (statue cube) với những dòng chữ khắc bí ẩn không phải chữ tượng hình. Có khả năng, nhưng không chắc chắn, rằng pho tượng khối này có phong cách thuộc thời kỳ Hatshepsut (khoảng năm 1450).

Vào thời Môsê, triều đình pharaoh vẫn thường xuyên gửi các đoàn hành hương của mình đến Serabit và vị thần được cầu khẩn trong đền thờ chủ yếu là Hathor, «Quý Bà của ngọc lam». Yếu tố duy nhất được giải mã trong số ba mươi lăm dòng chữ khắc mà mọi người dường như đồng ý là chuỗi bốn chữ cái được đọc là «Quý Bà» (của ngọc lam), danh hiệu cũng được «Quý Bà» của Byblos mang. Hathor, «Quý Bà», đã được cộng đồng Semite chấp nhận rộng rãi và người ta vẫn còn tìm thấy việc thờ phượng bà ở Arabah phía nam Biển Chết tại đền thờ Timna, cũng được Rothenberg và Giveon nghiên cứu.

Hơn nữa, bên cạnh việc thờ phượng Hathor, còn có việc thờ phượng Sopdou. Vị thần này được nhắc đến không dưới mười tám lần tại Serabit và chính ngài là người đôi khi ẩn mình dưới tên gọi Horus khi vị thần này được xưng tụng là «Chúa Tể của những vùng đất ngoại bang». Cũng được tôn kính tại Magharah, vị thần này «xuất hiện trong những hình ảnh cổ xưa nhất với hình dạng con người mang những đặc điểm của một người Châu Á, với mái tóc, chòm râu, khuôn mặt và màu da của mình… Người ta có thể theo dõi những nét ngoại bang này cho đến tận Tân Vương quốc [102]». Thường

102 H. BONNET, Từ điển Tôn giáo Ai Cập, mục từ Sopdu, cột 741, Berlin, 1952. Không nên nhầm lẫn vị thần này với

được mô tả tại Serabit, đặc biệt trong «căn phòng của các vị vua» nằm thấp hơn các nhà nguyện, quyền năng của ngài trải rộng «khắp toàn phương Đông». Người Ai Cập gọi những vùng này là «vùng đất của thần», và, như B. Couroyer đã chỉ ra, dựa trên các văn bản Phoenicia, vị thần này, chính là El của các dân tộc Semite vùng Địa Trung Hải [103]

20

20

. Có thể Petrie đã cường điệu hóa các yếu tố Semite trong việc thờ phượng tại Serabit, rằng những khối đá hình nón không phải tất cả đều là betyl (bê-tin, bia đá thánh), những bàn thờ đốt hương trầm không phải là một đặc sản Semite, và rằng những lớp tro thực vật là dấu vết của các đống lửa trại(?) trước các công trình đền thờ chứ không phải là tàn tích của các lễ toàn thiêu. Dẫu sao vẫn còn đó trong việc thờ phượng tại Serabit một sắc thái Semite đặc biệt hơn và điều này là hoàn toàn tự nhiên trong tôn giáo hiếu khách của Ai Cập. Nó biết dành chỗ cho các biến thể địa phương, đặc

---

Anty «Chúa Tể Phương Đông», người dường như cũng là một vị thần Châu Á.

103 B. COUROYER, «Punt và vùng đất của thần linh», trong Tạp chí Kinh Thánh năm 1973, từ trang 53 đến trang 74.

biệt trong Vương triều thứ XIX này, ngay cả trong hệ thống tên gọi (onomastique) của các vị vua, cũng chú trọng tôn vinh thần Seth (Sethi) với những nét của Baal Semite, vị thần bão tố và hỗn mang mà tôn giáo chính thống ít đánh giá cao… Sopdou là «Chúa Tể phương đông», «Chúa Tể của những vùng đất ngoại bang» (miền núi), «Chúa Tể của sa mạc phía đông». Ngay cả cái tên Sopdou cũng dễ dàng cho một sự liên tưởng đến El, vị thần tối cao của các dân tộc Semite vùng Địa Trung Hải thời bấy giờ. Thuật ngữ spd trong tiếng Ai Cập không chỉ có nghĩa là sự sắc bén của răng, mà còn là sự sắc sảo của tinh thần. Đó là một thuật ngữ chỉ sự khôn ngoan và các văn bản Phoenicia thế kỷ XIV trước Công nguyên đã tuyên xưng «sự khôn ngoan» (hkmt) của thần El. El là danh xưng mà các Tổ phụ đã tôn vinh Thiên Chúa của họ tại các đền thờ Canaan (St 14, 19 ; 16, 13 ; 17, 1 ; 21, 33…). Lực lượng lao động Semite mà bộ máy hành chính pharaoh thuê để đào các mỏ có thể dễ dàng nhận ra vị El này trong Sopdou của Ai Cập, và Albright thậm chí còn tin rằng có thể đọc được El trong các dòng chữ khắc proto-Sinaitic ! Các nhà Ai Cập học muốn xác định niên đại những dòng chữ khắc này vào khoảng năm 1700, trong khi các nhà Semit học lại thiên về thế kỷ XV hơn [104]. Dù sao, người ta cũng

104 Theo GARDINER và BUTIN, niên đại hợp lý nhất cho việc chấp nhận một số ký tự (ký tự đầu bò) sẽ là vào triều đại

tìm thấy thứ chữ viết này ở Canaan vào các thế kỷ XIV-XIII (Gezer, Lachish, Shechem). Thật là mạo hiểm khi quy những văn bản này cho thời đại của Môsê, nhưng thứ chữ viết này chắc chắn vẫn còn tồn tại vào thời của ông.

Rất nhiều manh mối do đó dẫn chúng ta đến chỗ thừa nhận rằng chính về nơi thánh này, nơi thực hành một nghi thức thờ phượng mang những nét Semite, mà Môsê muốn dẫn nhóm người của mình đến như là chặng đầu tiên tiến về phía đông. Nơi này nổi tiếng tại triều đình nơi ông đã từng làm việc và lối vào rất được biết đến. Sự hiện diện của Ai Cập ở đó là thường xuyên nhưng cái nóng khiến các đoàn hành hương của pharaoh phải rút lui ngay từ mùa xuân. Người ta khởi hành vào tháng mười hai-tháng giêng. Ở lại hai tháng. Người ta trở về vào tháng ba và trong một dịp ngoại lệ, khi phải kéo dài thời gian ở lại, một văn bản đã than phiền một cách cay đắng [105]. Sau Lễ Vượt Qua, Môsê hẳn đã thấy nơi này trống vắng. Nếu người Ai Cập rời đi, thì người Semite

---

của Amenemhet III và giai đoạn cuối thời Trung Vương quốc. Các nhà Semit học tỏ ra khá thận trọng, xem M. SZNYCER, «Chữ Proto-Sinaitic (Các dòng chữ khắc)» trong ấn bản Bổ sung của Từ điển Kinh Thánh (Supplément au Dictionnaire de la Bible) Tập VIII, cột 1388, Paris, 1972.

105 Văn bản này là từ W. Magharah.

vẫn ở lại gần các điểm có nước, cũng giống như hiện nay người Ả Rập thân thiện Barrakat vẫn ở dưới chân Serabit với tư cách là người canh giữ «pháo đài». Nhóm người của Môsê có thể cư trú không lo khát tại Bir Nash ở phía bắc, nơi người ta hiện nay leo lên bằng hai con đường mòn để vượt qua ngọn núi. Môsê và bảy mươi vị trưởng lão có thể lên đền thờ và mang về những điều kiện do thần linh đặt ra để được vào đền thờ.

Quả thật, không phải ai muốn cũng được vào các đền thờ Ai Cập và Semit. Như người chết trước tòa án Osiris, người ta phải nhắc lại những lỗi lầm mà mình đã không phạm phải. Một quản gia Kho bạc đã khắc lời tuyên bố sau đây tại Sérabit : «Tôi đã từ đất nước tôi đến, tôi đã từ nome [tỉnh] của tôi xuống. Tôi đã làm những điều mà thần linh và con người chấp nhận. Tôi chưa từng làm điều ác nào cho ai ở đó. Tôi đã cho người đói bánh (người khát bia), cho người trần trụi quần áo. Tôi đã chở người không có thuyền.» Chính trong hoang địa, ở phía Đông Ai Cập, mà các bản văn Kinh Thánh đặt việc ban cho các thể chế phụng tự, các điều răn, các phán quyết, các nghi thức sám hối và một đền thờ.

Người Babylon đã soạn các danh sách những lỗi lầm khiến kẻ có tội bị trừng phạt bởi thần linh và đòi hỏi các nghi thức đặc biệt (Shurpu) để được giải thoát khỏi

chúng. Người Ai Cập cũng biết những danh sách cấm đoán tương tự. «Người ta có thể nói rằng một cùng một thẩm quyền đã cấm một số hành vi ở một số nơi và đã cho ghi chúng vào danh sách các tội lỗi không được phạm [106].» Như vậy, trong một tấm bia đá tại Abydos, Ramesses IV kêu lên : «Ta đã không ăn những gì bị cấm đối với ta ; ta đã không cướp của người bất hạnh những gì thuộc về hắn ; ta đã không giết kẻ yếu đuối, ta đã không phạm tội trong hồ nước của thần ; ta đã không săn bắn bằng lưới…» Tương tự như vậy, một thời gian trước đó, vị vizir [tể tướng] của Touthmès III, Ousir Ré, đã nói : «Ta đã không nhún vai [tỏ ý khinh miệt] trong đền thờ của Chúa Tể sự hạ mình ; ta đã không nói dối trong đền thờ của Chúa Tể sự thật ; ta đã không phạm điều ô uế trong đền thờ của thần ta ; ta đã không đưa miệng ta [ăn] các lễ vật dâng thần của ngài…» Những danh sách này được tiếp thu và hợp nhất trong Sách của người Chết (ch. 125) thời Tân Vương quốc dưới hình thức những Lời Tuyên bố Vô tội trước tòa án Osiris. Nhưng chúng lại được tìm thấy sau này, mãi đến tận Cuộn giấy cói Jumilhac muộn. Trên một văn bản thế kỷ VIII trước CN (Piankhi), chúng ta biết được rằng việc vi phạm một lệnh cấm như vậy (cụ thể là ăn cá tại đền thờ Sobek ở Atfih trong vùng Châu thổ) sẽ ngăn cản

106 P. MONTET, Trí tuệ Cận Đông cổ đại (do J. Leclant biên tập), Paris 1963, trang 55.

mọi tham dự vào việc phụng tự.

Không một trong số 527 bản khắc tại Sérabit được Gardiner-Cerny thống kê có vẻ như chứa đựng một danh sách tương tự, nhưng chúng ta đã đọc trích dẫn từ một tấm bia có ám chỉ đến chúng, và người ta sẽ tìm thấy ở đó những ám chỉ khác, (405, 2 thời Annemmhet III). Chúng ta có thể nhận thấy rằng danh sách mười điều cấm, được gọi là «mười lời» [Thập Ngôn] được viết trên những bảng đá (Đnl 5, 6-23, xem thêm 4, 13 ; 10, 6 và, đối với bản E, Xh 34, 28b), vốn không gì khác chính là «mười điều răn» nổi tiếng, có những điểm tương đồng với các danh sách này. Quả thật, chúng ta có thể rút ra từ hai ấn bản của bản văn (Xh 20 và Đnl 5) một danh sách mười điều cấm được xây dựng theo cùng một khuôn mẫu, giống như các danh sách Ai Cập, hay Babylon, nhưng ở thể trực tiếp :

Ngươi không được làm cho mình những tượng [thần] bằng gỗ (pst).
Ngươi không được sụp lạy trước chúng.
Ngươi không được phụng thờ chúng.
Ngươi không được dùng Danh Đức Chúa [Yahvé] để làm chứng dối.
Ngươi không được làm việc ngày sabát.
Ngươi không được giết người.
Ngươi không được làm điều bất chính tính dục.

Ngươi không được trộm cắp.

Ngươi không được làm chứng dối chống lại người thân cận.

Ngươi không được làm hại nhà cửa của người thân cận [107].

Về sau, danh sách này sẽ biết đến nhiều lần thêm thắt, thậm chí tách đôi ; người ta muốn tránh lẫn lộn người phụ nữ với các tài sản khác trong nhà. Người ta đưa vào lòng tôn kính cha mẹ. Một số thuật ngữ sẽ thay đổi ý nghĩa. Các lý do sẽ được đưa ra cho nhiều điều cấm đoán này. Nhưng nền tảng luân lý của tôn giáo Israel đã có ở đó. Không có các tượng thần được cho là hiện thân sự hiện diện của thần linh. Không có sự thờ ngẫu tượng. Không có lời thề gian nhân Danh Đức Chúa [Yahvé], Thiên Chúa Đấng đã mặc khải chính mình và nhân Danh Ngài cộng đồng đã giải phóng mình khỏi Ai Cập. Không có nơi ẩn náu cho kẻ sát nhân. Không được đến với Đức Chúa [Yahvé] sau khi làm điều bất chính tính dục, trộm cắp, cáo gian hoặc hành hung tài sản của người thân cận.

Chúa [Yahvé] đã đặt các điều kiện của Ngài cho dân Ngài. Chúng được soạn thảo dựa trên các vấn đề của dân tộc này vào thiên niên kỷ thứ hai trước CN. Biết bao

107 H. CAZELLES, «Nguồn gốc của Thập Điều» trong Tập kỷ yếu Albright, Eretz Israel, Jerusalem IX 1969, từ trang 14 đến trang 19.

nhiêu văn bản nói về các tượng thần, sự sụp lạy trước thần linh hay việc phụng thờ ngài ! Ngày thứ bảy ở đây là ngày xui xẻo như những ngày khác trong các lịch của Assur. Lời thề gian (hoặc đơn giản là nâng giọng trong đền thờ), ám sát, bạo lực tính dục, trộm cắp, cáo gian và hành hung đều có trong các danh sách của Shurpu hoặc Sách của người Chết. Sau này, các Thánh Vịnh 15, 2-5 và 24, 4 sẽ nhắc lại một số điều cấm này cho ai muốn vào đền thánh Sion.

Nhưng còn có nhiều thứ khác trong các danh sách phương Đông : cả một mớ hỗn độn về ma thuật, điều cấm kỵ, bảo vệ tài sản đền thờ đã biến mất khỏi danh sách Kinh Thánh. Không còn chuyện cấm săn bắn bằng lưới, bắn sư tử trong ngày lễ Bastet, giết gia súc lớn của thần, đụng chạm đến một người phụ nữ trong thời kỳ kinh nguyệt của bà… Dĩ nhiên, một phần các lệnh cấm của Ai Cập và Babylon, thường có tính luân lý cao (tích trữ ngũ cốc, ăn cắp khẩu phần bánh, nói dối…), được tìm thấy trong các phần khác của Kinh Thánh. Nhưng Thập Điều [Décalogue] Kinh Thánh, vốn sẽ là nền tảng của giao ước giữa Đức Chúa [Yahvé] và dân Ngài, đi vào những điều cốt yếu và đã trở thành nền tảng của giáo dục luân lý trong Hội đường Do Thái cũng như trong Giáo Hội. Bản văn này được khắc trên đá, như có rất nhiều tại Sérabit, chứ không viết trên da hoặc giấy

cói, như các văn bản Ai Cập và các cuộn Kinh Thánh, xuất hiện như một chứng tích nguyên thủy của cuộc gặp gỡ do Môsê thực hiện giữa tôn giáo của tổ tiên ngài và nền văn hóa cao của Pharaon thời Ramesside. Đó là sự phản ánh của nhiều thế kỷ nhân bản và giáo huấn trong các trường học của các ký lục mà chúng ta đã tìm thấy nơi người thanh niên Môsê.

Phải nhìn nhận rằng Sérabit là một nơi được tiền định cho một cuộc gặp gỡ như vậy giữa đức tin và văn hóa. Là một nơi cao trọng và thánh thiêng của các thần linh Ai Cập-Á châu trong một địa điểm biệt lập và hùng vĩ, nó không kém phần đã được khám phá và định hình bởi nền văn minh và tổ chức Ai Cập. Các tấm bia đá với những đường nét chạm khắc tinh xảo và chữ viết tinh tế thời Trung Vương quốc, cũng như các trụ cột có đầu Hathor thời Tân Vương quốc, là trong hoang địa âm vang của sự tinh tế từ các đền thờ nhỏ màu trắng và đỏ ở Karnak. Ngay cả bản thân chữ viết Semit cũng rõ ràng bắt nguồn từ chữ tượng hình, dù người ta vẫn còn khó phân biệt bước chuyển từ loại này sang loại kia. Tổ chức chính xác của những chiến dịch này, với những người thợ mà các thủ lĩnh của họ tự hào đã không để ai trong số họ phải chết, làm chứng cho sự khôn ngoan nhân bản, chính trị và thông minh của bộ máy hành chính Pharaon. Việc tìm kiếm ngọc quý và đá quý này

cuối cùng gợi lên nghệ thuật điêu luyện và thị hiếu thường rất tinh tế của thung lũng sông Nil [108].

Tuy nhiên, xã hội rực rỡ này đã bị gặm nhấm bởi sự bất công của con người mà những người Israel chạy trốn là biểu hiện sống động. Họ là một trường hợp trong số nhiều trường hợp của sự gián đoạn quá rõ ràng giữa những khát vọng, sự diễn đạt một lý tưởng, và những thành tựu thực tế của một xã hội loài người. Người ta dễ dàng hình dung, mà không cần phải chứng minh, sự lưu trú tại Sérabit của Môsê và các bạn đồng hành chạy trốn của ngài. Chính tại đó, việc phụng thờ Đức Chúa [Yahvé], Thiên Chúa El của tổ tiên, mà ngài đã tìm lại được tại Horeb, có thể được khởi sự. Chính tại đó, ngài có thể quy tụ dân chúng xung quanh việc phụng thờ một Thiên Chúa Đấng nói với lương tâm mà không để cho mình bị thao túng trong một bức tượng, và Đấng sẽ không dung thứ bất kỳ sự xâm phạm nào đến con người và tài sản của kẻ sống và làm việc trong cùng một cộng đồng. Điều mà các Ramses thiếu, chính là Thiên Chúa của Abraham, hay của Ibrahim. Đấng đã thực hiện việc quy tụ con người trên những nền tảng khác với những nền tảng của văn hóa và luân lý, bắt đầu bằng các chi tộc Israel giữa đám «hỗn tạp» của họ. Chỉ còn một thế

108 J. CERNY, Các dòng chữ khắc tại Sinai II, London 1955, trang 1.

kỷ nữa và các cuộc viễn chinh của Ai Cập đến vùng đất của ngọc lam sẽ chấm dứt, sự suy tàn chậm chạp của Ai Cập lừng lẫy sẽ tăng tốc.

Nhưng trong những năm thế lực của các Ramses, nhóm người Israel không thể trụ lại tại Sérabit, vì các cuộc viễn chinh của Ai Cập vẫn tiếp tục và các đạo quân của Pharaon phải cảnh giác trên các biên giới này trong khi các cuộc nổi dậy đang gầm thét tại Canaan. Người Israel sẽ rời bỏ hang động, đền thờ và nơi thánh và sẽ chỉ có một chiếc lều làm nơi phụng tự. Hơn nữa, cái nóng đang đến. Đó chỉ là một chặng và họ phải đi nơi khác. Tên Ai Cập của Serabit (Binikai) không xuất hiện ở đâu trong Kinh Thánh. Nhưng người ta biết rằng có một hang động thánh, và nếu các ngọn núi thánh thì nhiều trong bán đảo, thì các hang động thánh lại ít hơn, vì nước không tuôn trào từ chúng như ở Liban.

Theo truyền thống Israel, có ai đó đã trở lại những nơi này vào giữa thế kỷ IX trước CN : ngôn sứ Êlia người Thesbite chạy trốn trước mặt Jezabel. Cuộc hành trình đã kiệt sức và bản văn Kinh Thánh nói đến bốn mươi ngày. Đã hơn hai thế kỷ, người Ai Cập ngừng đến đó và khách hành hương muốn sống lại sự tiếp xúc của Môsê với Thiên Chúa không còn phải sợ hãi những kẻ áp bức xưa. Samari mới là nơi nguy hiểm và Giêzaben

đang thắng thế. Nhưng sáu ngàn người Israel đã không quỳ gối trước Baal và ký ức về hang động của Môsê trên ngọn núi, được đồng nhất với núi Khôrép, vẫn còn sống động. Liệu hang động này có phải là đối tượng của một sự sùng bái bị cấm không ? Biên soạn viên theo trường phái Đệ Nhị Luật, luôn rất nghi ngờ đối với các việc sùng bái bên ngoài nơi Thiên Chúa đã chọn, tức là Giêrusalem, đã sửa lại bản văn nguyên thủy và đặt cuộc đối thoại giữa Êlia và Thiên Chúa của ông bên ngoài hang động (so sánh 1 V 19, 9-10 và 13-14). Người ta biết rằng sự biểu lộ thần linh này đã không diễn ra trong cơn bão, cũng không trong sấm chớp hay động đất như tại Sinai. Đó là một lý do nữa để tin rằng Sopdou của hang động Sêrábit không phải là Baal/Sết, vị thần của bão tố và hỗn loạn, mà là Êl hiền hòa, người mà một thi sĩ Phênixi đã nói rằng khiến các dòng sông chảy. Địa điểm này tự nó đã thu hút sự tuôn trào dòng nước từ tảng đá Khôrép, ngay cả khi người ta từ chối tin rằng một sự kiện tương tự đã xảy ra ở đó.

Chương V - Môsê, Aaron Và Êđôm

Núi của Thiên Chúa chỉ là một chặng, và trong bốn mươi năm mà truyền thống Đệ Nhị Luật quy cho cuộc lưu trú trong sa mạc, thì ba mươi tám năm trôi qua ở nơi khác. Có lẽ lúc khởi hành, Môsê nhắm đến Mađian, ở phía đông Akaba và vịnh của nó được gọi là Biển Xúp trong các bản văn Êlôhít và Đệ Nhị Luật. Chẳng phải ông đã từng ở đó lần đầu và để lại một người vợ sao ? Ông sẽ không tới được đó và Gíttrô sẽ phải di chuyển để gặp ông trước khi «trở về xứ mình» (Xh 18, 27). Sêrábit là điểm tiến xa nhất về phía bắc của vùng sa thạch, với những giếng nước tốt và những mạch nước tốt. Môsê có thể đã nhanh chóng đi ngang qua nó từ tây sang đông. Sau đó, ông sẽ va chạm với Êđôm (Ds 20) vốn cũng thống trị núi Sêia [109] ở phía nam Giuđa, dù không được thiết lập vững chắc ở đó như ở Araba và phía đông, chính xác là phía bắc Mađian. Tại đó, Môsê và nhóm của ông sẽ có những cuộc gặp gỡ đã để lại nhiều dấu vết trong truyền thống : người Mađian của Gíttrô, người Qêni của Hôbab, người Calêb của Myriam tại Cađê, người Amalếch vốn là một nhánh của

109 Tên này được bảo tồn trong hai ngọn núi Sa'ar ngày nay, một cái tên mà người Bedouin coi là rất cổ xưa và không có từ nguyên Ả Rập.

Êđôm (St 36, 11. 16), và sau cùng là Aaron cùng các thầy Lêvi của ông.

Lúc khởi hành được kể cho chúng ta trong Ds 10, 34. Câu này ít nhất thuộc về truyền thống E. Chúng ta lại thấy đám mây bảo vệ của chương 14 vẫn còn đồng hành với những kẻ chạy trốn. Nhưng có thể tác giả Êlôhít, cũng như tác giả Giavít (c. 35tt), đã biết về sự hiện diện của Hòm Bia Giao Ước. Đó chưa phải là Hòm Bia sẽ được đặt trong đền thờ Salomon, vừa là ngai của Đức Chúa «Đấng ngự trị trên các Kêrubim», vừa là rương đựng những tấm bia đá trên đó khắc ghi Thập Giới. Người ta nghĩ nhiều hơn đến kiệu khiêng thời chiến đó, thường được chở trên lưng lạc đà, cùng với con gái của tộc trưởng, theo những chiến binh Bedouin trong các cuộc cướp phạt của họ : gọi là Otfah. Nếu ở Ai Cập người ta rước kiệu mang hòn đà thánh (bétyle) hay ngẫu tượng, dấu chỉ sự hiện diện bảo vệ của thần, thì điều răn thứ nhất đã chống lại việc đó. Có thể những tấm bia đá đã thay thế chỗ của ngẫu tượng và con gái tộc trưởng.

Chúng ta đang ở trong bán đảo trung tâm, bởi vì manna mà Ds 10, 7-9 mô tả, rơi xuống ban đêm ; nó có vẻ ngoài màu nâu vàng của nhựa bdellium và hương vị của một cái bánh có dầu. Đó là nhựa của cây me manna, được người Bedouin gọi là man, và không phải

là manna của Xh 16 rơi từ trời cả ngày lẫn đêm. Chính ở trung tâm bán đảo, chứ không phải phía bắc, mà các nhà côn trùng học như Bodenheimer [110] đã có thể quan sát hiện tượng này.

Làm thế nào để đến được vịnh Akaba và Mađian ? Thận trọng là nên tránh «sa mạc khủng khiếp» là cao nguyên Tih, ngay cả nếu đó là đường thẳng. Người Êđôm thống trị khu vực và, theo Ds 20, họ đã chống lại việc người Israel đi qua. Đúng là họ cho phép những bộ lạc Bedouin mà người Ai Cập gọi là «Shosou của Êđôm» đi lại, và cuối cùng người Israel cũng đã đi qua đó, như Đnl 2 làm chứng. Chính vì lãnh thổ riêng của họ, ở phía đông Akaba và Araba, mà người Êđôm tỏ ra hung hãn hơn. Hơn nữa, khi Kinh Thánh được biên soạn, người Êđôm đã ngừng thống trị Sêia, và các vua Giuđa sẽ xây dựng pháo đài Ajrud, từ đó người ta có thể nhìn thấy ngọn núi này rất rõ [111].

Vậy tốt hơn là nên đến vịnh bằng các thung lũng (wadi) sâu và nhiều giếng nước nối tiếp nhau ở phía đông Sêrábit. Thật khó để xác định các chặng, ngay cả khi chúng ta có một danh sách trong Ds 33. Nhiều

110 Nhà khảo cổ học Kinh Thánh Tập X, 1947, trang 4-5.

111 Về pháo đài của Israel tại Ajrud và các bản khắc chứa thánh danh Yhw, xem Tạp chí Kinh Thánh năm 1977, trang 270-273 (Z. Meshel).

chặng không thể định vị được và danh sách này dường như đã kết hợp các lộ trình khác nhau của các chi tộc khác nhau. Vấn đề còn lại là, thay vì đi về phía đông, nhóm có hướng về các vùng đá granit cao của Dj. Musa ở phía nam hay không.

Họ có đi xuống phía nam tới Rufayed không ? Điều đó có thể nhưng ít có khả năng : không có dấu vết nào cho thấy người Amalếch đã đến giao chiến (Xh 17, 8-16) xa như vậy khỏi căn cứ của họ vốn là miền nam Giuđa. Tuy nhiên, phải tính đến thủ pháp Kinh Thánh, để giữ lại hai truyền thống quan trọng (ở đây là tay Môsê bảo đảm chiến thắng cho Giôsuê, và đôi tay của Môsê được Aaron và Hur nâng đỡ), đã gộp chúng vào một trình thuật duy nhất. Ở đây phải nhận ra rằng Giôsuê, cũng như Aaron và Hur, đúng ra có vị trí của họ ở nơi khác. Điều này không áp dụng cho hai truyền thống Massa và Meriba, chúng cũng đã được hợp nhất thành một trình thuật duy nhất (Xh 17, 1-7). Meriba ở xa hơn về phía bắc, gần Cađê (Đnl 32, 51 ; Ed 47, 19 ; 48, 28) [112], nhưng, trong các truyền thống miền Bắc (Đnl 9, 22), Massa được nhắc đến gần Qibrât hatta'awa (Ds 11, 34) «mồ của sự tham muốn». Đó là cách giải thích của

112 Tại Massa, đó là sự nghi ngờ về sự hiện diện của Đức Chúa giữa dân Ngài sau khi thiếu nước. Tại Meriba, đó là quyền bính của Môsê bị thách thức.

Kinh Thánh dựa trên một biến cố được lưu giữ trong truyền thống Môsê về «mồ của chi tộc Ta'awah». Mà chính xác thì có một nhóm ngoạn mục những ngôi mộ từ thời đồng đá mang tên nawamis ngày nay [113], mà truyền thống vẫn bám theo.

Đó chưa phải là tất cả. Trong truyền thống Êlôhít miền Bắc, những «ngôi mộ» này gần với một chặng dừng chân khác của Môsê, Hasêrốt (Ds 12, 35). Cụm nawamis cách một ốc đảo tươi đẹp tên là Ain Hadhra (Suối Hadhra) với những rừng cau chừng hai giờ đi bộ. Nguồn nước tuôn ra từ một đường hầm ; tiếc thay, do bị chặn lấy, giờ đây nó chỉ còn là nước đọng. Nhưng một đan viện đã được thiết lập tại đó và Cha Lagrange đã từng đề xuất việc đối chiếu địa điểm Kinh Thánh với «ốc đảo xanh nhỏ bé giữa một vòng cung núi non với những màu sắc rực rỡ» này [114]. Một nữ du khách khác, bà Sargenton-Galichon, đã nói thêm : «Giữa một thứ vòng cung bằng đá cẩm thạch đỏ lẫn với đá granit màu sắc rực rỡ, với sa thạch trông giống như đất nung, đó là nơi ốc đảo El Hadra nhô lên, nơi những cây liễu đan

113 Q. BAR-YOSEF, A. BELFER, A. GOREN, P. SMITH, «Các ngôi mộ Nawamis gần 'Ein Huderah (phía Đông Sinai)», trong Tạp chí Khảo sát Israel (Israel Exploration Journal) năm 1977, từ trang 65 đến trang 88.

114 Tạp chí Kinh Thánh năm 1900, trang 276.

xen với những cây cau : nguồn nước dồi dào của nó… [115]» Than ôi !

Ở đây một lần nữa cần phải biết đọc Kinh Thánh. Theo ý kiến chung của các nhà phê bình, hai truyền thống đã được hợp nhất trong Ds 12, 1-16, một truyền thống mang tính ngôn sứ hơn về việc tranh chấp thẩm quyền ngôn sứ của Môsê, truyền thống kia về bệnh phong cùi của Miriam. Nếu tiếng Híp-ri chỉ có một phụ âm H mạnh, thì tiếng Ả Rập có hai phụ âm tương ứng với hai gốc từ khác nhau của hadhra, một gốc có nghĩa là «màu xanh» và rất phù hợp với «màu xanh» của những ốc đảo này, gốc kia có một nghĩa thuộc về xã hội học và phù hợp với những cư dân định cư không phải là du mục cũng không phải là thị dân ; đó là những nơi cắm trại ổn định, có tường rào cho đàn gia súc, và nhiều nơi trong số các hasêrốt này chỉ định những vị trí tương tự về phía nam Giuđa giữa Bersabê và Cađê. Hadhra của Miriam thì ở phía bắc, gần Cađê ; còn Hadhra «ngôn sứ» có thể là nơi này. Địa điểm Ain Hadhra không còn giữ được các bản khắc, nhưng tại Hajjaj, chính xác là giữa các nawamis và Hadhra, các tảng đá phủ đầy các bản khắc chữ Nabatea, Do Thái, Syriac, Hy Lạp… Dù là muộn so với chủ đề của chúng ta, chúng vẫn cho thấy đó là một con đường dẫn đến một vùng khô cằn hơn.

115 Từ Sinai đến Péira, Paris 1904, trang 116.

Giữa Sêrabit và Hadhra, đi ngang qua các giếng nước quanh năm của Ain Akhdar và Bir Marra, nhóm của Môsê có thể đã chịu cảnh khát nước.

Từ Ain Hadhra, Môsê đã tới vịnh Aqaba, mà sử gia Đệ Nhị Luật gọi là «Biển Souph». Dù ngài có muốn hay không muốn tới Mađian và núi Khôrép, ngài cũng chạm trán với Êđôm, «người anh cả» của Israel, kẻ sẽ thiết lập chế độ quân chủ trước Israel (St 36, 31). Êđôm đã được biết đến trong các văn bản Ai Cập từ thời Mernephtah này, vị vua đã đánh bại Israel vào năm thứ 5 triều đại của mình, và Séir thì từ thời Ramses II, người tiền nhiệm của ông. Cũng dưới thời Mernephtah, những người Bedouin, «Shosou của Êđôm», được phép đi vào vùng Châu thổ (Pap. Anastasi VI). Êđôm không chỉ thống trị Têman ở phía bắc Mađian, phía đông Araba, vùng trũng nối Biển Chết với vịnh Aqaba ; chúng ta đã thấy rằng vào thời đó họ thống trị vùng núi Séir và tây nam Biển Chết. Các thị tộc như Qênaz sẽ thuộc về Êđôm (St 36, 15) trước khi chuyển sang dưới quyền bá chủ của Giuđa.

Biên giới thời đó dễ thâm nhập hơn ngày nay và, nếu Môsê và những người êphraim của ngài đã vấp phải sự từ chối của Êđôm, thì dù sao chúng ta cũng thấy họ sống lay lắt và có các tiếp xúc với cư dân và các nơi

tôn nghiêm trong vùng tại «vùng biên giới của Êđôm». Những bài ca cổ nhất của Kinh Thánh làm chứng cho điều này. Trong bài ca của Deborah, Yahvé «từ Séir mà ra, từ cánh đồng Êđôm mà tới» (Tl 5, 4). Trong Đnl 33, 2, Ngài từ Séir, từ Sinai và từ núi Pharan mà đến trước khi tới Cađê. Đối với bài ca, mang tính Giuđa hơn, trong sách Khabacúc (3, 3), Ngài từ Têman và từ núi Pharan mà đến và làm cho Mađian run sợ và các lều trại của Kushan (c. 7). Tầm quan trọng được dành cho Êđôm trong những bài ca cổ này dẫn chúng ta đến vấn đề mối quan hệ giữa Môsê và Aaron. Thật vậy, Aaron sẽ có ngôi mộ của mình trên núi Hor «ở biên giới Êđôm» (Ds 20, 33), cũng như Môsê sẽ có ngôi mộ trên núi Nêbô và Miriam tại Cađê. Còn về chính tên của ông, Aaron cũng ứng với núi Hor (hr) cũng như với danh thần (Hr) trên những con bọ hung Ai Cập, nơi đôi khi nó thay thế cho El.

Aaron ít được biết đến trong các văn bản cổ và vì những lý do thần học mà ông và các con trai của ông, tổ tiên của một dòng tư tế, đóng một vai trò quan trọng trong các văn bản được gọi đúng là «tư tế» (P) của Ngũ Thư. Nhưng các văn bản này đã không bịa ra ông [116]. Các gia phả trình bày ông như là «anh/em của» Môsê. Mà chúng ta biết rằng trong các ngôn ngữ Semit, là

116 H. VALENTIN, Aaron, Gottingen, 1978.

«anh/em của» hoặc là «con của» thường là những cách diễn đạt mang ý nghĩa khác xa với các mối quan hệ huyết thống : đó là mối quan hệ nghề nghiệp hoặc sự tương đồng về điều kiện xã hội học. Môsê và Aaron là hai hậu duệ của chi tộc Lêvi và cả hai đều là những người của việc phụng tự. Nhưng họ không chỉ có vậy. Trong các văn bản cổ, Aaron không hề có mặt ở Ai Cập và trong các văn bản muộn hơn, ông chỉ là người cộng sự của Môsê. Ông ấy từ đâu đến ?

Aaron không phải là người bản địa ở «núi thánh». Chính trong hoang địa giữa Mađian và Ai Cập mà ông gặp Môsê theo Xh 4, 27. Cũng như một vị khách mà ông xuất hiện trên cùng ngọn núi trong Xh 18, 12. Ông không có mặt trong cuộc thần hiện ở Xh 19 và sẽ chỉ cùng Môsê lên núi trong Xh 24, 1.9 để chiêm ngưỡng một cách ôn hòa hơn nhiều. Các văn bản về Sinai (Xh 19 và 34) không nhắc đến ông cũng như các văn bản về Khôrép (Xh 3, 1 tt ; 17, 6 ; 33, 8). Nhưng ông được liên kết với Hur, trên một ngọn đồi, trong trận chiến chống lại Amalếch ; cùng với Hur ấy, ông sẽ ở lại dưới chân núi thánh nơi Môsê sẽ lên (Xh 24, 14). Hur có thể đại diện cho người Hôrit của Séir thời các tổ phụ (St 36), nhưng đáng tin hơn, vào thời Môsê, một chi tộc Mađian (Ds 31, 8).

Các văn bản Yahvist liên kết Aaron với Môsê trong việc giải phóng khỏi Ai Cập. Đôi khi người ta có thể tự hỏi liệu tên Aaron có được thêm vào trong quá trình hợp nhất các văn bản JE và các văn bản P, vốn đề cao vai trò của Aaron trong việc thực hiện các phép lạ hay không. Nhưng trong Xh 5, 1 (x. 4, 27), và có lẽ trong Xh 10, 8 (x. 3), chính tác giả Yahvist của chúng ta kết hợp Môsê và Aaron liên quan đến một lễ hội-hành hương (hag). Lễ hội này lại được đề cập trong 10, 9. Mà chính Aaron trong 32, 5 công bố lễ hội cho Yahvé (Xh 13, 6). Trong Xh 5, 4, vua Ai Cập trách Môsê và Aaron để cho dân chuẩn bị lên đường chiến đấu (para', xõa tóc để chiến đấu, x. Tl 5, 2) ; đó chính xác là điều dân chúng đang làm trong Xh 32, 25. Hơn nữa, trong Xh 5, 21 các ký lục (không phải dân chúng) trách Môsê và Aaron đã trao gươm vào tay Pharaô và các bề tôi của ông, dấu hiệu cho thấy đó là một hành động quân sự [117], như Giôsuê đã diễn giải trong 32, 17. Trên thực tế, một trận chiến nổ ra trong 32, 26-29. Sau cùng, hãy lưu ý rằng tác giả Yahvist của chúng ta nói rõ một cách kỳ lạ trong Xh 5, 20 rằng Môsê và Aaron không có mặt trước Pharaô vào

117 Sự hiện diện của Ai Cập sẽ còn được cảm nhận trong khu vực cho đến giữa thế kỷ XII trước CN. Xem J. YOYOTTE, Vetus Testamentum 12, 1962, các trang 464-469 và các khám phá của B. Rothenberg tại Timna trong Araba (infra trang 110 tt.).

thời điểm sự việc, trong khi các ký lục trách họ đã trao gươm vào tay Pharaô để giết họ. Ở đây chúng ta có cả một tập hợp các văn bản giả định một trận chiến giữa Môsê và các đồng minh Lêvi của ngài một bên, người Ai Cập và các đồng minh của họ bên kia ; trận chiến này không diễn ra trước mặt Pharaô và triều đình của ông.

Mà các văn bản Ai Cập cho chúng ta biết rằng Ramses II và Ramses III đã tiến hành các chiến dịch chống lại người Bedouin của Êđôm : «Ta đã tiêu diệt người xứ Séir giữa các bộ lạc Shosou và ta đã cướp phá các lều trại của chúng cùng với người của chúng, tài sản cũng như đàn gia súc vô số kể của chúng…», Ramses III nói (bản dịch Giveon). Một ký lục của Ramses II đã mô tả những người Bedouin này như sau : «Hẻm núi hẹp đầy rẫy Shosou ẩn nấp trong bụi rậm ; một số người trong bọn chúng cao từ bốn đến năm cubit từ đầu đến chân, mặt mày hung dữ, lòng chúng chẳng hiền lành và chúng chẳng thèm nghe những lời nịnh hót» (ibid.). Chúng ta sẽ trở lại với những người cao lớn có mặt trong vùng.

Vì Mikha cũng quy việc giải phóng khỏi Ai Cập cho Môsê và Aaron, tất cả những dữ kiện bí ẩn này cần được khai thác từ bản văn Kinh Thánh hiện tại sẽ được giải thích tốt nhất nếu, tại Êđôm, Môsê và Aaron đã

cùng nhau chiến đấu và nếu các Lêvi của Aaron đã nổi bật lên trong cuộc chiến chống lại các kẻ thù của Môsê.

Tuy nhiên, chính trên việc phụng tự mà Aaron chịu trách nhiệm mà tác giả cổ xưa của chúng ta đã gắn bó, người đã làm việc dựa trên những truyền thống còn xa xưa hơn nữa. Ahôn trước hết là «người Lêvi», như Xh 4, 14 nói, một cách diễn đạt không bao giờ được dùng y nguyên cho Môsê. Tác giả Yahvist cho rằng chính nhờ lòng trung thành với Môsê trong trận chiến ở Xh 32, 26 tt mà chi tộc Lêvi đã được trao phó các chức năng tư tế (c. 29) [118]. Cho đến lúc đó, chi tộc Lêvi là một chi tộc giống như những người khác. Với Simêon, chống lại Sikhem và người Sikhem, họ đã thực hiện một hành động tàn bạo xấu xa mà, theo truyền thống, Giacóp đã không chấp thuận (St 34, 30). Kể từ đó, họ đã bị phân tán (St 49, 7) và một số thị tộc đã định cư trong hoang địa Giuđa ở phía tây nam Biển Chết, gần với đất của Êxau, hoặc thậm chí trong chính vùng đất đó. Côrê là một thị tộc Êđôm (St 36, 14. 18), trước khi được biết đến như một thị tộc Lêvi, tương tự như Xêra (St 36, 17) trước khi trở thành người Giuđa (St 38, 30 ; 46, 12). Các con cháu Aarôn sẽ đảm nhận việc phụng tự tại Đền Thờ Giêrusalem, có lẽ do dòng dõi của Xađốc, thầy tế

118 Xem A. DE PURY, Lời hứa thiêng liêng và truyền thuyết văn hóa trong chu trình Jacob, Paris 1975, từ trang 549 trở đi.

của Đavít và Salômôn (1 Sb 5, 27-41).

Việc phụng tự do Aarôn thực hành chắc chắn không phải là việc phụng tự do người Épraim của Môsê và môn đệ của ông là Giôsuê thực hành. Chỉ cần đọc Xh 32 là đủ để nhận ra sự xung đột. Nhưng xung đột này phức tạp hơn vẻ bề ngoài nếu chúng ta muốn tôn trọng văn bản và các chi tiết của nó. Chúng ta biết đến đoạn về con bê bằng vàng. Trong khi việc phụng tự theo Môsê xuất hiện với chúng ta như một việc thờ phượng không có hình tượng, phi hình tượng (aniconic), thì chương 32 lại nói với chúng ta về một bức tượng bằng kim loại đúc, được trình bày như vị thần (hay các vị thần) đã giải phóng (dân) khỏi Ai Cập. Nhưng câu 20 dường như đã có một cách trình bày khác vì Môsê đốt con bê và nghiền nó thành một thứ bột mịn rắc trên mặt nước ; nhiều bức tượng vàng thời đó thường là tượng gỗ được phủ một lớp lá vàng mỏng. H. Seebass [119] đã quan sát thấy rằng ở câu 4, Aarôn, sau khi nhận các kim loại từ người Israel, «dùng dao mà gọt đẽo (? yyr)», và cái dao này gợi ý về một sự khắc. Đó có phải là một hình ảnh thần thánh được khắc trên tấm vàng ? Đó có phải là mô hình của bức tượng ? Đó có phải là ám chỉ đến các hình khắc trên đá về động vật mà chúng ta có rất nhiều

119 Mose và Aaron, Sinai và Núi của Chúa, Bonn 1962, trang 34.

ví dụ ở miền nam Palestine này ? Thật là khó mà nói. Trong mọi trường hợp, nhiều câu qui trách bức tượng không phải cho Aarôn, mà cho dân chúng, và Môsê trách Aarôn để cho họ làm hơn là chính ông làm (c. 21).

Điều đặc trưng nhất của việc phụng tự theo Aarôn là ngày lễ mà đám đông «ngồi xuống để ăn và để uống trước khi đứng dậy để vui chơi» (c. 6). Ngay từ 18, 12, Aarôn đã không tham dự vào lễ toàn thiêu và các hy lễ do Jethro dâng, và chỉ tham dự vào bữa ăn được dùng trước nhan Thiên Chúa. Trong 10, 9, ông đã cùng với Môsê khi người ta muốn xin Pharaô cho phép dẫn theo súc vật để dự lễ. Trong Xh 24, 1 và 9, chính trong một bữa ăn thánh được dùng trước nhan Thiên Chúa mà ông được tham dự, cùng với các con trai Nadab và Abihu, với Môsê và bảy mươi kỳ mục Israel : «họ ăn và họ uống» (24, 11). Loại hình phụng tự này, vốn sẽ chọc giận các ngôn sứ như Isaia (vd. 28, 7 : các tư tế và ngôn sứ loạng choạng vì rượu), dành phần nhiều hơn cho bữa ăn so với của lễ. Nó cũng gần gũi hơn với việc phụng tự của Ai Cập và sở thích của nó đối với các thần linh kiểu bò Apis hay bò cái Hathor, cũng như các bữa ăn thánh.

Một khám phá của B. Rothenberg, được R. Giveon hỗ trợ, có thể đưa chúng ta đến con đường gặp gỡ giữa Môsê và Aarôn này. Chúng ta đã đọc rằng trong thi ca

cổ xưa, Yahvé đến từ Êđôm, từ Sêia và từ Têman (Kb 3, 3). Têman [120] được chứng thực rõ trong danh xưng Êđôm dưới các dạng Teyman (St 36, 11 gần Qênaz và Côrê, và 42), hoặc xứ của người Têman (St 36, 34) mà Eliphaz, người bạn huyền thoại của Gióp, thuộc về, và một thủ lĩnh mang tên này trong thung lũng sông Giođan vào thế kỷ XIV trước CN. Giờ đây, ở phía nam Biển Chết, trong vùng trũng Araba, lãnh thổ của Êđôm, cách khoảng ba mươi km về phía bắc Agaba-Eilat trên vịnh, có một khu vực mỏ đồng. Trong khu vực này, dưới chân những vách đá sa thạch đỏ Nubia khổng lồ được gọi là «Trụ Cột của Salômôn», B. Rothenberg đã khám phá một ngôi đền nhỏ của Ai Cập với dấu vết việc thờ phượng Hathor có sừng bò cái, cùng một nữ thần với nữ thần của các mỏ Serabit. Được thành lập bởi Séthi I và sửa chữa bởi Ramses III, ngôi đền này vẫn còn nhận được các lễ vật vào thời Ramses V (1160-1156 trước CN). Chúng ta đang ở trong thời kỳ đỉnh cao của Môsê. Khi đó chúng ta hiểu được sự hiện diện của Ai Cập và các cuộc tuần tra của quân đội Ai Cập trong vùng Êđôm vào thế kỷ XIII và XII [121]. Ngôi đền nhỏ, không

120 R. DE VAUX, «Têman» trong Tạp chí Kinh Thánh (Revue Biblique) năm 1969, các trang 379-395: «Têman: thành phố hay vùng đất của Ê-đôm?»

121 B. ROTHENBERG, «Một ngôi đền Ai Cập được phát hiện tại Arabah», trong Kinh Thánh và Vùng Đất Thánh (Bible

thể so sánh với đền thờ Serabit. Nó đo khoảng 8 m x 7 m. Phần thánh nhất được thống trị bởi ba hốc tường khoét vào vách, mà người ta rất muốn biết chúng chứa gì. Người ta đã tìm thấy trong sân đầu tiên các bồn rửa tội của Hathor, một trụ hathor và một mặt nạ vẽ của nữ thần đều đặn một cách đáng ngưỡng mộ. Các lễ vật chủ yếu là lễ vật Ai Cập. Nhưng dấu vết của việc phụng tự Semitic là không thể chối cãi : bàn đá dựa vào tường ở cả hai bên lối vào, các trụ đá hoặc massébot gần nơi chôn vải vóc, và cuối cùng là một con rắn đồng đáng chú ý với đuôi nhọn, được phủ một phần bằng vàng… Chúng ta cũng có các tượng bằng đồng đúc. Chúng không đại diện cho một con bê mà là một con dê rừng và một vị thần kiểu Semitic.

Có phải đây là nơi Aarôn và các con trai của ông đã cử hành việc phụng tự trong thung lũng mà các văn bản Kinh Thánh đặt các ông ? Đó là trong thời gian người Ai Cập hiện diện hay trong vài năm gián đoạn của sự hiện diện này giữa năm 1210 và 1198 (đầu triều Ramses III)? Điều đó có hơi muộn vì vào khoảng 1225 Israel đã ở phía bắc Canaan theo tấm bia Merneptah. Chúng ta phải tránh mọi kết luận vội vàng. Hãy ghi nhớ rằng khám phá này cho phép chúng ta hình dung làm

et Terre Sainte) số 123, 1970, các trang 6-14; Timna, Luân Đôn 1972. Tên Timna là cách gọi gần đây cho địa điểm này.

thế nào có thể có sự tiếp xúc giữa một Môsê ở Mađian và một Aarôn cư trú gần Êđôm, nơi ông sẽ chết, trong khi truyền thống đã lưu giữ một cách mơ hồ các dấu vết của những cuộc chiến đấu chung chống lại một dân tộc thờ bò vàng. Có lẽ đó là những người Semitic được các thợ mỏ Ai Cập thuê và có liên hệ với họ ; các văn bản cũng lưu giữ ký ức về một sự khác biệt trong việc phụng tự giữa Aarôn và Môsê : Aarôn sẽ phải phục tùng Môsê ngay cả khi truyền thống coi ông là anh cả của hai người. Đối với con rắn đồng hoặc bằng đồng, một truyền thống Kinh Thánh quả thực gắn nó với thời kỳ người Israel ở trong vùng Araba gần các mỏ đồng Punon (Phunon) trong Ds 21, 4 ; 33, 42s, nhưng chúng ta sẽ thấy rằng trước khi được đưa vào Đền Thờ Giêrusalem, truyền thống này đã phải hợp nhất các truyền thống khác (xem bên dưới, tr. 122).

Con rắn đồng như vậy đã đến đền thờ Giêrusalem. Nhưng chính trong các chi tộc miền Bắc mà các truyền thống Môsê sống động nhất. Chúng đến Épraim qua những người Épraim và thủ lĩnh của họ là Giôsuê, người trong các văn bản «Elohist» này là «tôi tớ» của Môsê (Xh 33, 11 ; Ds 11, 28). Chúng được lưu giữ tại nơi thánh Đan bởi Ghêrsôm, con trai của Môsê, và con cháu của ông qua Yehonatan (Tl 18, 30). Truyền thống Aarôn và việc phụng tự bò vàng có lẽ đã đến với Elohist

qua Bethel (1 V 12, 28. 32). Làm thế nào mà Yahvist thu thập các truyền thống Môsê của riêng mình ? Có lẽ qua các thị tộc miền Nam đã tiếp xúc với Môsê trước khi định cư ở Giuđa và hợp nhất với Đavít. Bây giờ chúng ta phải nói về người Qênites và các thị tộc khác cư trú trên lãnh thổ của chi tộc Giuđa và có liên hệ với nó mà không bị coi là thành viên của mười hai chi tộc.

Những người Qênites với thủ lĩnh Hobab của họ đã gặp người Israel trong hoang địa (Ds 10, 29). Đây cũng là một tên được đặt cho nhạc phụ của Môsê (Tl 1, 16). Do đó, các thông tin liên quan đến ông ít nhiều đã hợp nhất với những thông tin về Rêuel người Êđôm. Người Qênites có tổ tiên là Qain, người mà chúng ta gọi là Cain, và Yahvist của chúng ta đã sử dụng các truyền thống Qênites để mô tả buổi đầu của nền văn minh trong St 4, đặc biệt là cuộc xung đột giữa những người chăn nuôi và những người nông nghiệp. Người Qênites không phải là người Mađian (St 25, 2 và 4). Họ có «tổ» (qèn) của mình gần người Amaléc (Ds 24, 21), ở Sêla, tảng đá của Êđôm. Nhưng họ đã bị áp bức bởi một người tên là Beor (bản văn Hy Lạp), người rất có thể là cha của vị vua đầu tiên của Êđôm (St 36, 32). Do đó, sự lang thang của Cain, được Yahvist ca tụng trong St 4, 16. Người Qênites vẫn còn ở giữa người Amaléc vào thời Saolê (1 Sm 15, 6), người đã tách họ khỏi Amalec.

Thời trẻ của Đavít, quả thật có những thành của người Qênites ở phía nam Giuđa (1 Sm 30, 29) và một Negeb của người Qênites (1 Sm 27, 10). Họ cũng chịu áp lực của một số người Assur, những kẻ đã bắt họ đi đày. Những người Assur này là những người trong St 25, 3, có lẽ là những người láng giềng của người Ai Cập [122] trong Gs 13, 2. Các kinh sư Ai Cập thực sự biết một asr ở Canaan vào thời Séthi I và Ramses II ; nhưng cách phát âm đôi khi là gsr. Trong số những người Qênites này, có một thợ rèn, Tubal-Cain, và điều này đưa chúng ta trở lại khu mỏ Timna. Những người Qênites này đã đi lên đến «dốc» của Arad khi đi qua Tamar (Tl 1, 16) ; và một người trong số họ, Héber, đã tiến đến đến đồng bằng Esdrelon (Tl 4, 11 ; x. 5, 24). Theo Ds 10, 31, Hobab đã không từ chối đồng hành với người Israel trong hoang địa ; trong khi Rêuel trở về vùng của mình (Ds 10, 30), những người Qênites sẽ tham gia vào cuộc chinh phục từ phía nam. Cuộc chinh phục này, mà cố linh mục P. de Vaux [123] đã một lần nữa thu hút sự chú ý, là công trình của các nhóm người Giuđa. Vì vậy, có thể rằng khi rời Êđôm, người Qênite đã mang theo một số ký ức về những tiếp xúc giữa Môsê và Aaron, người đã chết ở vùng biên giới Êđôm. Họ đã từng biết đến những

122 J. Ryckmans, Scrinium Lovaniense 1961, trang 56 về từ «sr» trong các bản khắc Ả Rập Minaean.

123 Lịch sử cổ đại của Israel, Paris 1971, trang 616.

cuộc đấu tranh chung, bất chấp sự khác biệt trong tôn giáo của họ. Đây chỉ là một giả thuyết, nhưng nó có thể phù hợp với tính chất mờ nhạt của truyền thống «Êđôm» này trong các bản văn Kinh Thánh.

Người ta cũng có thể tin rằng các truyền thống liên quan đến những tiếp xúc giữa Aaron và Môsê và tôn giáo đặc biệt của Aaron đơn giản là đã đến được Giêrusalem chính nhờ những người Lêvi thuộc dòng Aaron. Một gia phả, rõ ràng là muộn về thời gian và mang nhiều nét nhân tạo, đã nối kết chức tư tế ở Giêrusalem với Aaron (Er 7, 1-5 ; 1 Sb 5, 27-41). Trên thực tế, những gì được nói về các con trai của Sadoq trong sách Êdêkien (44) tương ứng với những gì được nói về các con trai của Aaron trong các bản văn Ngũ Thư. Khi rời Êđôm trong thời kỳ hỗn loạn đã đẩy người Qênite ra khỏi tổ ấm của họ và có lẽ trùng hợp với việc thành lập chế độ quân chủ Êđôm, những người Lêvi, con cháu Aaron, đã để lại ngôi mộ và thi hài của tổ tiên họ tại Núi Hor. Đi lên phía bắc với một chiến lợi phẩm chữa bệnh như con rắn đồng, họ đã đón nhận nơi con người của Sadoq chức tư tế tại nơi cao ở Gabaon trước khi Salomon chuyển họ đến đền thờ mới ở Giêrusalem và giao phó cho họ việc giữ Hòm Bia Giao Ước.

Có thể con trai của Sadoq là Ahimaac, người đóng một vai trò quan trọng trong cuộc nổi loạn của Absalon và là người kế vị cha mình tại Đền Thờ Giêrusalem, chính là tác giả Giavít của chúng ta, người đã biên soạn bản tổng hợp rộng lớn các truyền thống bộ lạc và địa phương này. Ông đã thiết lập cách thức mà David, người quy tụ Israel, có thể được công nhận là người thừa kế những lời hứa made với Abraham. Nhưng đồng thời với việc công nhận triều đại David và tính chính danh của Salomon giữa những hỗn loạn đi kèm theo việc kế vị, tác giả này cũng nhắc nhở rằng triều đại không chỉ phụ thuộc vào những lời hứa made với tổ phụ của mười hai chi tộc, mà còn vào sự trung gian của Môsê và tôn giáo của ông ; chính Aaron cũng đã quy phục thẩm quyền của vị ngôn sứ, người mà bản thân cũng đã không vào được Đất Hứa và thi hài được chôn cất tại Nêbô trên đất của Ruben. Giả thuyết này sẽ giải thích vai trò được dành cho Môsê bởi người Lêvi miền nam này, người đã chứng kiến tận mắt những nguy hiểm của chế độ quân chủ ; ông công nhận luật phụng tự của Môsê và sự trung gian của ông có một sự ưu việt mang tính quyết định so với học thuyết đương thời về việc tuyển chọn triều đại bởi Vị Quốc Chúa.

Tuy nhiên, cho đến khi David qua đời, bên cạnh Hòm Bia còn có một tư tế khác không phải là Sadoq. Ông ta tên là Abiathar, và là người thừa kế gia đình tư tế ở Silô mà Saul đã tiêu diệt tại Nốp (1 Sm 21). Là người thừa kế các truyền thống phụng tự của Ephraim, nơi có đền thờ Silô, ông là bạn đồng hành với David trong những ngày đen tối. Ông đã ở bên David tại Hebron trong bảy năm David làm vua Giuđa tại đó, nhưng ông đã là bạn đồng hành của David tại Sigelag trên lãnh thổ Simêon, nơi thường bị quân Amaléc đột kích, trong khi Sadoq không có ở đó. Chẳng phải chính ông, người đến từ Ephraim, có thể quan tâm đến việc gom nhặt ở miền nam những gì liên quan đến Môsê, vị được tôn kính tại các đền thờ của Ephraim và Ruben sao ? Nếu chúng ta đã phân định phần mà Hobab người Qênite có thể cung cấp cho tác giả Giavít của chúng ta về sa mạc và về Êđôm, thì bây giờ chúng ta có thể tự hỏi liệu một nhân vật khác, tên là Caleb, đã không mang đến nhiều hơn về Cadès. Caleb, định cư trong vùng Hebron, chắc chắn đã để lại dấu vết nhiều hơn Hobab trong các truyền thống Kinh Thánh, trong khi ông chỉ được coi là thuộc về Giuđa vào thời kỳ muộn hơn (Ds 13, 6, bản Tư tế). Tuy nhiên, ông đã được Giuđa đồng hóa như Othniel và người Qenizzite (Gs 14, 14) trong khi người Qênite thì không. Hơn nữa, người Caleb ý thức được rằng họ

đã thám hiểm Hebron và thung lũng Eshkol từ Cadès. Có lẽ tác giả Giavít của chúng ta, có lẽ là Abiatar, người sống ở Hebron gần David (1 Sm 30, 7 ; 2 Sm 8, 17), đã chất vấn họ về những tiếp xúc của họ với Môsê và nhóm của ông đã cư trú trong khu vực. Chúng ta cũng hãy chất vấn các bản văn Kinh Thánh nói với chúng ta về Cadès-Barné và những tiếp xúc mà Môsê đã có tại đó.

Chương VI - Cadès Và Sinai

Hầu như không có tranh luận về địa điểm của Cadès. Rowlands đã đến đó từ năm 1842, sau đó là Palmer vào năm 1870, người hầu như không chú ý đến nó. Họ được tiếp nối bởi Holland, rồi bởi Trumbull, người đã đưa ra một mô tả nhiệt thành về địa điểm này. Cha Lagrange đã xác định rõ điều đó trong báo cáo về chuyến đi của ngài năm 1896. Kể từ đó, các cuộc thám hiểm đã gia tăng : Thế chiến thứ nhất đã đưa L. Woolley và Lawrence nổi tiếng đến hiện trường. Họ đã xác định được một pháo đài của Israel mà người Israel đã nghiên cứu rất bài bản trong chiến dịch năm 1956 và sau cuộc chiến gọi là sáu ngày. Nhưng ngay cả trước khi xây dựng pháo đài này vào thế kỷ VIII và VII trước CN, Cadès đã nằm trong tầm nhìn của tác giả Giavít khi ông biên soạn các câu chuyện về các tổ phụ (St 16, 14).

Ốc đảo này không nên được hình dung như một rừng cây chà là tươi tốt, nơi những bức tường bằng bùn bao quanh những khu vườn tinh tế. Cadès không phải là vườn Địa Đàng. Tuy nhiên, đây là một khu vực đặc biệt nằm giữa sa mạc hoang dã và những đồng bằng có người ở ở phía nam Palestine. Giữa khối núi, được gọi là Djebel Magrah, thực sự tồn tại một lưu vực được tưới

nước nhiều hơn, có ba nguồn nước lớn với lưu lượng đáng kể. Nguồn đẹp nhất là Ain Qedeirat, dựa vào các sườn dốc của Djebel el Ain, một trong những chân núi của Magrah. Nước phun ra mạnh mẽ và ồn ào từ ba khe nứt của tảng đá. Nó chảy giữa những cây sậy và lau, tạo thành một vài ao sâu khoảng hai mét ; sau đó nó đổ vào một thung lũng canh tác, nơi mọc lên một vài cây lớn. Thung lũng thu hẹp lại, nhưng vẫn đủ rộng để những cánh đồng và đồng cỏ trải dài, chạm đến chân các vách đá hai bên. Nước sau đó biến mất trong khi vẫn giữ được độ ẩm cho đất.

Con suối (wadi), lúc đó khô cạn, tiếp tục dòng chảy của nó vào đồng bằng Kosseima. Đồng bằng này rộng khoảng mười cây số. Nước lại trào lên ở đó và «chảy dồi dào trong cát [124]». Vì vậy, ngày nay người ta đã trồng tại nơi này một khu vườn gồm cây cọ và cây ăn quả, và toàn bộ đồng bằng có vẻ ngoài của một «bụi rậm maquis».

---

124 Xem LAWRENCE-WOOLLEY, Sa mạc Sin, bản dịch tiếng Pháp, Paris 1937, trang 95. Xem thêm SAVIGNAC, Tạp chí Kinh Thánh (Revue Biblique) năm 1922, trang 55 và tiếp theo; B. ROTHENBERG, Y. AHARONI và A. HASHIMSHONI, Vùng hoang dã của Chúa (God's Wilderness), Luân Đôn 1961, các trang 38-46.

Cuối cùng, xa hơn nữa, khi dòng suối va vào các sườn dốc gồ ghề của Djebel-el-Amr và Djebel Um Heraiba, một nguồn nước thứ ba lọc qua, đó là nguồn Muelleh, nằm cách nguồn Qedeirat mười ba cây số theo đường chim bay. Ở đó, vào mùa xuân, nước chảy chỉ trên vài trăm mét, rồi tiếp tục một hành trình ngầm ở độ sâu rất nông trong vài cây số. Vì vậy, những cái giếng đã được đào và không bao giờ cạn. Nơi này tốt để cắm trại khi đi từ Palestine đến Ai Cập qua nội địa. Tuy nhiên, các nhà du hành mô tả nó là không dễ chịu lắm, và thậm chí có vẻ ngoài «ghê tởm» [125]. Người ta tìm thấy ở đó đất canh tác có thể nuôi sống một ngôi làng tương đối quan trọng, ngày nay đã bị bỏ hoang.

Chính trong tổng thể này mà ngày nay người ta có xu hướng xác định khu vực Cadès-Barné, theo nghĩa đen là Barnea, có lẽ dịch theo tiếng Aram của Con cái Nea (xem Gs 19, 3), để phân biệt với các Ca-đét khác (Qadesh có nghĩa là «nơi thánh»). Các điểm nước ở đó tương đối dồi dào, không gian đáng kể và có thể ở được giữa những ngọn núi đá vôi khắc nghiệt lấp lánh màu trắng này, Palestine không xa. Đã từng có một nơi thích hợp ở đó cho một thời gian thử thách. Đàn vật có thể uống nước và kiếm ăn. Các mục tử thậm chí có thể bắt đầu canh tác đất đai và nhờ đó có được thức ăn bổ sung

125 LAWRENCE-WOOLLEY, sđd.

mà người Israel chẳng bao giờ coi thường, nhất là kể từ thời họ lưu trú ở Ai Cập. Thật đáng ngờ rằng họ đã trồng hành và dưa chuột ở đó bất chấp sự ưa thích của họ đối với các thứ lương thực đó ; càng không thể trông mong trồng được các thứ hoa quả tốt của Palestine ở đó. Nhưng, như bộ lạc Qedei-rat và các dân Bedouin Tiyaha vẫn còn lang thang trong vùng thực hiện, hẳn họ đã gieo hạt lúa mạch, thậm chí lúa mì và đậu lăng. Đôi khi vụ mùa rất tốt, đôi khi ngược lại, vì mưa không có, nó không chín và những thức ăn bổ sung đó bị thiếu.

Nơi thánh nằm hơi tách biệt, ngay tại chính nguồn nước Ca-đét, Aïn Qedeis trong tiếng Ả Rập hiện đại. Người ta đến đó bằng một cuộc đi bộ khoảng ba giờ từ Aïn Qedei-rat bằng cách vượt qua một đèo của núi El Aïn. Đường đi không đến nỗi quá khó khăn, ngay cả thú vật chở đồ cũng có thể sử dụng được. Cần phải đi ngược lên một thung lũng nhỏ, đó là Wadi Hachim, nơi vẫn còn thấy các dấu vết canh tác. Như thế người ta đạt tới đèo và từ đó, trong hai mươi phút, người ta tới được nguồn nước Qedeis, «nơi thánh». Địa điểm chẳng có gì mê hoặc bất chấp một vài miêu tả quá dễ dãi. Người ta ở đó trong lòng chảo trên của một wadi với lòng sông cực kỳ nhiều đá khiến cho bất kỳ cuộc hạ trại nào cũng khó khăn. Ở hạ lưu, tầm nhìn theo những đường nét khá mềm mại của thung lũng này và trải dài đến tận

Djebel Helal, một khối núi thống lĩnh con suối của Ai Cập và nằm ở một khoảng cách chừng bốn mươi cây số. Ở thượng nguồn, thung lũng thu hẹp lại và chạm đến các vùng lân cận của Djebel Magrah với đỉnh cao 1100 mét.

Chính chỗ của Ca-đét được đánh dấu bằng một nguồn nước chảy ra từ một giếng sâu hai mét dưới chân một mỏm đá. Một dòng nước nhỏ chảy ra từ đó, được các dòng nhỏ khác từ vài cái giếng ít quan trọng hơn làm cho lớn thêm. Tất cả chúng hợp thành một con lạch «rộng vừa đủ hai hoặc ba gang tay [126]» và biến mất trong wadi chưa đầy năm trăm mét. Các giếng được xây dựng kém, thảm thực vật nghèo nàn : một vài bụi cây, một cây vả dại.

Ca-đét được Kinh Thánh cho chúng ta biết là nơi chôn cất Miryam hay Maryam, theo cách đọc của bản văn Hy Lạp, có lẽ trung thành hơn. Trong các truyền thống được Người Gia-vét (Yahviste) thu thập, Miryam xuất hiện khi ra khỏi Ai Cập (Xh 15, 21) như ca tụng sự cao cả của Đức Chúa, Đấng đã ném xuống biển (như mũi tên) ngựa và kỵ binh. Các truyền thống về Ca-đét và Miryam có tính Tây phương hơn những truyền thống

126 SAVIGNAC, sđd., tr. 59. Địa điểm không đến nỗi không đáng kể vì một pháo đài của Israel đã được xây dựng ở đó, xem B. ROTHENBERG, God's Wilderness, tr. 137 và hình.

về Ê-đôm ; từ Wellhausen và E. Meyer [127] và người ta đã phải công nhận rằng, đối với Người Gia-vét của chúng ta, người Israel ở gần Mê-ri-ba của Ca-đét (17, 7), xung đột với người A-ma-lếch (Xh 17, 8-10a. 13), vì thế ở phía nam Giu-đê chứ không ở trung tâm bán đảo. Nếu theo Agatarchide, người Maranites sống gần người Garandélites, điều này giả định một Mara ở phía nam theo lộ trình của Người Ê-lô-hít (Elohiste), thì Mara của Người Gia-vét dường như được gắn kết về mặt từ nguyên với Maryam, Miryam. Như chúng ta đã thấy, Người Gia-vét giả định một Cuộc Xuất Hành bằng con đường của người Phi-li-tinh. Như các con cháu A-ha-ron của Ê-đôm, dân cư Ca-đét hẳn đã phải đương đầu với quân đội của Séthi I hay các Ramses, và chúng ta biết rằng, đối với Mikha của Mores-het, Miryam đã giải phóng Israel cũng như Môsê và A-ha-ron.

Theo chính Người Gia-vét của chúng ta, bà là chị của A-ha-ron trước khi là chị của Môsê (Xh 15, 20), và trong Ds 12, 1-15 bà liên kết với A-ha-ron chống lại Môsê và quyền bính của ông. Trong khi có một chức năng tôn giáo tương tự như của Môsê, vào một lúc nào

---

127 Việc tham khảo tác phẩm của ông Israel und die Nachbarstämme, Halle 1906, vẫn còn cực kỳ quý giá. Truyền thống Do Thái biết đến một «giếng của Myriam» liên quan đến Xh. 17.

đó bà thuộc về những người chống đối và chính A-ha-ron sẽ chuyển cầu cho bà (Ds 12, 11-12) trước khi Môsê thực hiện lời chuyển cầu quyết định. Điều này cho chúng ta thấy cần phải giải thích các truyền thống Kinh Thánh về Ca-đét một cách tế nhị như thế nào. Nhưng cũng không nên nhượng bộ chủ trương phê bình quá đáng như thể Môsê chưa từng ở Ca-đét. Thật vậy, trong các chương 13 và 14 sách Dân Số, gắn liền với chu kỳ Ca-đét, chúng ta có một truyền thống miền Bắc được Người Ê-lô-hít truyền lại, đặt về phía đó một trận chiến bất hạnh của người Israel chống lại người A-ma-lếch và người Ca-na-an : 14, 39-45. Đối với ông, họ ở trên núi (14, 40) trong khi, đối với Người Gia-vét, người A-ma-lếch ở Negeb, và người Ca-na-an ở ven biển (13, 29); đối với biên soạn viên tư tế (P), người A-ma-lếch và người Ca-na-an ở trong thung lũng (14, 25).

Nếu Người Gia-vét chủ yếu ghi nhận từ việc phụng tự của A-ha-ron các bữa ăn thánh và ngày lễ, thì trong các truyền thống phụng tự của Ca-đét và vùng sa mạc gần biển, ông chủ yếu ghi nhận các việc chữa lành. Trong bản văn của ông, đối mặt với các tai ương Ai Cập, Đức Chúa là Thiên Chúa chữa lành. Ngài nhắc lại điều đó ngay từ đoạn Mara : «Ta sẽ không giáng xuống ngươi bất cứ thứ bệnh hoạn nào mà Ta đã giáng xuống người Ai Cập, vì chính Ta là Đức Chúa, Đấng chữa lành cho

ngươi» (Xh 15, 26). Cũng một việc chữa lành mà Người Gia-vét gắn kết ký ức về Miryam trong Ds 12, 10-15. Bị phong hủi, bà sẽ được chữa lành và tái hội nhập sau bảy ngày. Trong bản văn của Người Gia-vét, trước những sự dịch chuyển bản văn của bản thành văn hiện tại, bảy ngày này không phải không liên quan với việc dừng chân bảy ngày của Xh 16, 29-31, điều cho phép ông nói về manna và sự nghỉ ngơi ngày sabát. Manna của J (Người Gia-vét), khác với manna của E (Người Ê-lô-hít), màu trắng thay vì có màu như nhựa thơm bdellium, nó có vị mật ong chứ không phải dầu, và nó rơi xuống đêm ngày. Đó không phải là manna của bán đảo trung tâm, mà là manna lecanora được Bodenheimer [128] ghi nhận, rơi từ Iran cho đến tận Bắc Phi.

Theo Người Gia-vét của chúng ta, Đức Chúa đã mặc khải (yrh) một khúc gỗ để thanh tẩy nước của Mara. Ông không cho chúng ta bất kỳ nghi thức thanh tẩy bệnh phong hủi nào như người ta có thể tìm thấy trong các bản văn hình nêm hay Ai Cập. Nhưng ông giải thích rõ ràng hơn một chút về việc chữa lành các vết cắn của rắn khi ông đề cập đến con rắn đồng hay đúng hơn, theo thuật ngữ của ông, một saraph (rắn lửa). Trong bản văn hiện tại, hai truyền thống đã hợp nhất. Chúng ta đã thấy ở Ê-đôm tại Tinna truyền thống của chi tộc Ép-ra-im

128 Khảo cổ học Kinh Thánh Tập X, 1947, trang 2.

về con rắn đồng. Nhưng chúng ta biết qua Isaia (30, 6, xem 14, 29) và qua Biên niên sử của Assarhaddon rằng trong sa mạc giữa Palestine và Ai Cập có những «con bỏng cháy (saraph) có cánh», những con rồng quái dị, đáng sợ đối với quân đội và lữ khách. Một trong số chúng được lấy làm biểu tượng và đặt trong đền thờ Giêrusalem ; nó đã giúp ngôn sứ Isaia gợi lên các thiên thần đáng sợ của triều đình Đức Chúa trước khi vua Ê-dê-ki-a phá hủy nó vì nó đã trở thành đối tượng của một sự sùng bái ngẫu tượng. Đối với Người Gia-vét của chúng ta, việc sùng bái nó bắt nguồn từ Môsê và bất cứ ai nhìn lên nó đều được chữa lành. Vì quân đội của Assarhaddon đi dọc theo bờ biển và có việc khác để làm hơn là đi qua Araba và Tê-man, nên dường như một lần nữa ở đây chúng ta có một truyền thống của Ca-đét và sa mạc gần Ai Cập.

Các thần chữa lành đã được biết đến ở Cận Đông Cổ đại [129] từ lâu trước khi người Ai Cập du nhập vào Palestine việc sùng bái Sérapis và người Hy Lạp du nhập việc sùng bái Esculape. Đã có Shadrapha, vị «bảo

129 A. CAQUOT, «Người Rephaim ở Ugarit», trong Tạp chí Syria năm 1960, các trang 75-93; năm 1976, các trang 295-304; J. DE MOOR, «Rapi'uma-Rephaim», trong Tạp chí Nghiên cứu Cựu Ước (Zeitschrift für die Alttestamentliche Wissenschaft) năm 1977, các trang 323-345.

vệ chữa lành». Đã có các Rephaim và một trong số họ, Baal rapu, được chúng ta biết qua các bản văn Phê-ni-xi cổ. Tên của vị vua nổi tiếng người A-mô-ri của Babylon, Hammurapi, có nghĩa là «thần thân tộc (am) là đấng chữa lành». Nhưng, đối với những gì sắp theo đây, thật tốt để nhớ rằng cũng có các Baal chữa lành. Chữa lành trong một vùng sa mạc, đó cũng là ban bánh và nước. Về bánh, chúng ta đã gặp truyền thống manna của Người Gia-vét. Về nước, chính giữa Ca-đét và Bê-red mà con cái Ít-ma-en và con cái I-sa-ác đi đến giếng La-khai Rôi, theo lịch sử của Agar được Người Gia-vét thu thập trong St 16. Chính tại tảng đá Mê-ri-ba của Ca-đét mà J (Người Gia-vét) và P (Người Tư tế) (Ds 20) gắn kết ký ức về Môsê ban nước ; người ta không thể không bị ấn tượng bởi việc các truyền thống, trong khi khác biệt về địa điểm, lại hội tụ về nhân vật Môsê.

Thần của nguồn nước Ca-đét là một thần chữa lành và nuôi dưỡng. Nhưng chính chương 33 của Sách Đệ Nhị Luật, nhắc lại nơi xuất xứ của việc phụng tự Đức Chúa trong Israel (c. 2), nhắc lại trong lời chúc phúc của Giu-se (c. 16) rằng Thiên Chúa này «ngự trong bụi cây» (seneh). Điều này đưa chúng ta trở lại một trình thuật khác của một tác giả theo cảm hứng Đệ Nhị Luật, người mà chúng ta mang ơn về cuộc hành trình của Ê-li-a đến hang động của Môsê. Ở đó chúng ta được kể

rằng sau một ngày đường vượt qua Bơ-e-sê-ba trong hoang địa, trước khi tiếp tục cuộc hành trình bốn mươi ngày bốn mươi đêm cho đến hang động, ngài đã thiếp đi dưới một bụi cây gọi là retem, vì kiệt sức quá rồi. Một thiên thần đã an ủi ngài với một cái bánh nướng và một bình nước. Bụi cây retem này rất nổi tiếng ở bán đảo [Sinai], nhưng các sử gia Israel nghĩ rằng chặng dừng chân của Êlia này không phải là không có liên hệ với bụi gai thánh của Đức Chúa tại Ca-đê. Bụi cây trong hoang địa này là dấu chỉ quyền năng sinh sôi của thần linh và người ta hiểu vì sao Đnl 33, 16 đã gọi Đức Chúa là «Đấng ngự trong bụi gai». Bụi gai là dấu chỉ của nước ban sức sống và chữa lành : nó có thể trở thành bụi gai cháy mà không tàn lụi trong Xh 3, 2.

Người ta cũng đã so sánh cách diễn tả «Đấng ngự trong seneh [bụi gai]» này với một tước hiệu khác của Đức Chúa, mang hình thức gần với tiếng Ả Rập hơn (Ismael), mà người ta có thể đọc được trong Tl 5, 5 trong bài ca cổ của Debora. Đức Chúa là zeh Sinai, Đấng của Sinai (x. Tv 68, 9), cũng như vị thần Nabatea nào đó là zu shara, Dusarès trong tiếng Hy Lạp. Đã có một truyền thống rất mạnh mẽ nối kết biến cố Thiên Chúa mặc khải cho Israel với Sinai (Đnl 33, 2). Sinai là gì ? Chúng ta vừa thấy rằng một số chuyên gia, am hiểu ngữ pháp của họ, đã nối kết danh xưng này với

bụi cây trong hoang địa. Chúng ta chủ yếu quen nói về «núi Sinai». Nhưng trước khi nói với chúng ta về «núi Sinai», Kinh Thánh nói với chúng ta về hoang địa Sinai (Xh 19, 1. 2). Giờ đây chúng ta đủ am hiểu về tính đa dạng của các địa điểm và tên gọi của ngọn núi thánh trong các truyền thống khác nhau : truyền thống Ma-đi-an, truyền thống Ép-ra-im, truyền thống Giu-đa, để không vội vàng đồng nhất Sinai với «ngọn núi» nơi Thiên Chúa mặc khải. Các ngôn sứ không bao giờ nói về Sinai ; trong số các Thánh Vịnh, chỉ có Tv 68 nhắc đến nó. Truyền thống Elohist không biết đến nó. Chính các bản văn tư tế (P), muộn thời hơn, mới gọi như thế ngọn núi của Mặc Khải. Nhưng họ không bịa ra nó, ở đây họ phụ thuộc vào truyền thống được thu thập bởi tác giả Yahwist của chúng ta. Tác giả này chỉ đề cập đến Sinai ở các chương 19 và 34 của sách Xuất Hành. Đối với ông, đó chắc chắn là một ngọn núi không xa Ca-đê, bởi dân chúng đã ở gần Ca-đê trước đó (Xh 15-17) cũng như sau biến cố (Ds 13-14). Dân chúng chuẩn bị ba ngày mà không phải đi bộ nhiều. Vấn đề sẽ là xem liệu tác giả Yahwist có đồng nhất việc Thiên Chúa của ông mặc khải trong bụi gai thánh với việc Người mặc khải trên ngọn núi thánh của Ma-đi-an hay không. Đối với ông, Sinai chắc chắn là một ngọn núi. Đó là ngọn núi nơi Đức Chúa ngự xuống (Xh 19, 11. 18. 20) ; đó là

ngọn núi mà Môsê lên (Xh 34, 2. 4., x. 29) và nơi ông sẽ ở lại bốn mươi ngày không ăn không uống nước để thiết lập giao ước với Đức Chúa.

Ở các dân tộc Semite, vị thần thường xuất hiện trên các đỉnh cao là Baal với danh xưng Adad. Đó là vị thần bão tố lớn, Đấng «cưỡi» trên mây, như người ta sẽ nói về Đức Chúa trong Tv 68. Ngài ngự trên các đỉnh cao phương Bắc, Baal Saphon, tên của một đền thờ hành hương của người Phoenicia gần Ai Cập và được tác giả Yahwist giữ lại trong các trình thuật Xuất Hành. Adad là thần cuồng phong, Đấng mang mây đến, Đấng ban mưa, Đấng phóng ra chớp, «Đấng mang đuốc», Đấng mà tiếng sấm được gọi là tiếng nói hay «các tiếng nói» và làm rung chuyển mặt đất. Một trong những thuộc hạ của Pharaoh ở Phoenicia thế kỷ XIV đã so sánh ông với Baal «Đấng hét vang trên các tầng trời và làm cho mặt đất run rẩy» (El Amarna 147, 13-15). Ai Cập tôn kính «vị thần của hoang địa» này dưới tên Seth hoặc Soutekh, họ nhìn nhận ngài là thần bão tố hay thần hỗn mang và nói rằng ngài «gầm thét». Nhưng tiếng nói của ngài có thể dịu dàng hơn : «Ngài biết những tia chớp và tiếng thì thầm của các tầng trời cũng như ngôn ngữ của cây cối với đá», truyền thuyết về Baal và Anat mà chúng ta có một bản sao muộn nhất là từ thế kỷ XIII trước CN nói như vậy. Chúa tể bão tố và mưa, Baal-

Adad ban sự sống vì ngài là chủ của thảm thực vật và Đấng phân phát các vựa lúa. Seth của Ai Cập thì vô sinh và điều này không phải không soi sáng phần nào cho sự đối lập giữa «con bê» vàng và Thiên Chúa của Sinai. Người ta nói rằng ngài phá hủy «cái giếng mang lại sự trẻ trung mới cho thân thể», trong khi Kinh Thánh nhấn mạnh đến nước chảy từ tảng đá ở Mê-ri-ba [130]. Là một chiến binh, Seth cũng là thầy bói, thẩm phán, hiền triết ; ngài cũng là Đấng ấn định các số phận. Những nét này không phải là đặc trưng riêng của Baal trong các văn bản Canaan cổ.

Thế nhưng, những nét đặc trưng lại được tìm thấy trong hai mô tả về theophany [sự hiện ra của Thiên Chúa] tại Sinai [131] : mô tả của tác giả Yahwist trong Xh 19, 16: «Có sấm sét (nghĩa đen : «tiếng nói», qôlôt), chớp lòe, một đám mây dày đặc, và một «tiếng kèn [shôphar] hùng mạnh», toàn dân trong trại run rẩy…», và mô tả của tác giả Elohist, Xh, 20, 18 : «Mọi người nghe thấy các «tiếng nói» và các ngọn đuốc và tiếng kèn và ngọn

---

130 U. Bianchi, «Seth, Osiris và dân tộc học» trong Tạp chí Lịch sử Tôn giáo năm 1971, tập 179, trang 119 và tiếp theo.

131 H. Cazelles, «Dân tư tế và quốc gia thánh hiến» trong Chủ nghĩa Nhân văn và Đức tin Kitô giáo, Tuyển tập khoa học kỷ niệm 100 năm Viện Công giáo Paris, do C. Kannengiesser và Y. Marchasson xuất bản, Paris 1976, trang 541-546.

núi bốc khói.» Thật kỳ lạ, trong theophany này, người ta «nghe thấy các ngọn đuốc» và lửa đi kèm với bão tố. Phải chăng cần phải tính đến một sự gợi nhắc thứ ba? đó là của Xh 19, 18 : «Núi Sinai bốc khói toàn bộ vì Đức Chúa đã ngự xuống trong lửa, và khói bốc lên như khói từ một lò lửa, và toàn thể ngọn núi rung chuyển dữ dội». Gressmann và gần đây hơn là J. Koenig đã thấy ở đó mô tả về một vụ phun trào núi lửa được giải thích như là sự ngự xuống của Đức Chúa. Chắc chắn rằng nếu động đất, lửa từ chớp và các ngọn đuốc và ngay cả khói thuộc về các biểu tượng của vị thần bão tố Semite vĩ đại, thì khói từ lò lửa lại không thông thường và gợi nhớ đến các hiện tượng địa chất như những hiện tượng trong Kinh Thánh chấm dứt thành Sô-đôm (St 19, 28). Phải chăng chúng ta nên kết luận cùng với họ rằng Sự Hiển Linh tại Sinai là sự gợi nhắc theo phong cách thần học về một vụ phun trào của một trong những ngọn núi lửa của Ma-đi-an mà cư dân Medina có thể đã quan sát được ngay cả trong thời kỳ lịch sử ? Theophany đầy lửa này mà Xh 19, 18 truyền lại cho chúng ta gợi nhớ chúng ta, không chỉ nghi thức giao ước của Thiên Chúa với Abraham trong St 15, 17, mà còn cả ngọn lửa của bụi gai cháy. Đó là một âm vang của truyền thống Horeb, truyền thống Ma-đi-an, truyền thống của Ruben hoặc Gad, mà tác giả Elohist đã phải hợp nhất với truyền

thống Ép-ra-im về núi của Thiên Chúa.

Điều quan trọng đối với Kinh Thánh là ghi nhớ rằng, tại một nơi thánh nơi Môsê và Aaron đã gặp nhau gần Ê-đôm, Thiên Chúa của các tổ phụ đã đảm nhận các thuộc tính của vị thần bão tố Semite vĩ đại. Theophany tại Sinai lặp lại những biểu tượng đáng sợ vốn đã nhấn mạnh tính không thể tiếp cận của Đức Chúa trong St 3, 24. Sau sự bất tuân của đôi vợ chồng đầu tiên, khu vườn của sự hiện diện thần linh và thức ăn trường sinh đã bị cấm bởi các Kêrubim hùng mạnh và bởi «ngọn lửa của thanh gươm đang quay chung quanh», tức là tia chớp. Chỉ một mình Môsê sẽ được tiếp cận Sinai, nơi của Thiên Chúa đáng sợ, Thiên Chúa các đạo binh và Thiên Chúa quyền năng, Đấng đặt người được tuyển chọn của Ngài vào một phạm vi thần linh mà dân chúng không được bước vào. Dân chúng phải chuẩn bị bằng việc tẩy rửa và tiết dục, nhưng họ không được chạm vào núi thánh, và các con vật lại càng không. Nếu người ta hỏi tại sao các «tiếng nói» của sấm sét lại được thêm vào «tiếng nói» của kèn, thì cần nhớ rằng kèn là tín hiệu tập hợp chiến binh cũng như là tín hiệu của sự tung hô vương quyền, dù vị vua đó có là Đức Chúa như trong Tv 47. Tại Sinai, Đấng lên không phải là Đức Chúa, mà là Môsê ! trong khi Đức Chúa ngự xuống. Ngài ngự xuống để «thiết lập» với Môsê, người được tuyển chọn

của Ngài (không phải trực tiếp với dân) một «giao ước : trước mặt toàn dân, Ta sẽ làm những điều kỳ diệu chưa từng xảy ra ở bất cứ xứ nào, và toàn thể dân chúng vây quanh ngươi sẽ thấy công trình của Đức Chúa, vì những điều kinh khủng mà Ta sẽ thực hiện với ngươi» (Xh 34, 10).

Các biến cố tại Sinai đối lập dân chúng và Môsê đến mức Thiên Chúa đề nghị với Môsê sẽ biến chỉ mình ông thành một dân tộc lớn. Nhưng Môsê từ chối. Ông muốn mãi là người của dân này. Cũng chính nhờ Môsê và ý chí của ông, Sinai sẽ là nơi truyền thống của giao ước.

Một giao ước, một *berit*, trong Kinh Thánh và Cận Đông cổ đại là gì [132] ? Rất nhiều hiệp ước giao ước đã được khai quật và, rõ ràng, các tác giả Kinh Thánh đã lấy cảm hứng từ mô hình của chúng để mô tả mối quan hệ giữa Thiên Chúa và dân Ngài. Các hiệp ước này thường không bình đẳng, được ký kết giữa một đấng quân chủ và chư hầu của ngài. Đấng quân chủ tự giới thiệu và nói ngài là ai. Sau đó ngài nhắc lại những ân huệ mà

132 J. L'Hour, «Giao ước tại Sike»", trong Revue Biblique, 1962, tr. 7 và tiếp theo; H. Cazelles, Dẫn nhập phê bình vào Cựu Ước, Paris-Tournai, 1973, tr. 168-170; E. Kutsch, D. McCarty, trong Những vấn đề còn tranh luận về Cựu Ước, Louvain, 1974, tr. 71-90 và 91-104.

ngài đã dành cho chư hầu của mình. Rồi ngài công bố các điều khoản của mình, điều này thậm chí còn điều chỉnh các mối quan hệ hôn nhân của chư hầu. Người ta gọi các thần linh làm chứng, những vị sẽ đảm bảo phúc lành trong trường hợp trung thành, lời nguyền rủa trong trường hợp bất trung. Cuối cùng, chư hầu tuyên thệ, và một bữa ăn của tình bạn và hòa bình (*shâlôm*) kết thúc giao ước.

Đavít đã ký kết nhiều giao ước kiểu này : với Giônathan con của Saolê (1 Sm 18, 3 ; 23, 18), với Abner (2 Sm 3, 13), với những người Israel miền Bắc (2 Sm 3, 21 ; 5, 3). Salomon cũng sẽ ký một giao ước với Hiram thành Tia (1 V 5, 26). Đó là những giao ước được ký kết giữa con người với nhau với thần linh làm chứng (2 Sm 5, 3) như các hiệp ước giao ước khác mà chúng ta biết. Tại Sinai, giao ước được ký kết với Thiên Chúa : Đức Chúa không còn là nhân chứng, Ngài là một bên tham gia. Đối với tác giả Yahwist, biểu tượng của nó là Hòm Bia mà ông gán cho nó, từ Ds 10, 33, danh hiệu «hòm bia giao ước của Đức Chúa.» Đức Chúa tự giới thiệu là El qanna [133], «Thiên Chúa hay ghen tương» (Xh 34,

133 Danh xưng này, mà Đức Chúa dùng để tự giới thiệu trong Xh 34, 14, có cấu trúc tương tự với các danh xưng khác của Đức Chúa dưới đó vị thần đã được cầu khẩn trong Sách Sáng Thế : El ‘Olam tại Bơ-sê-ba, El Elohey Israel tại Sikhem, El

14), Đấng cấm Israel không được kết bất kỳ giao ước nào khác. Ngài ban các điều khoản mà ông Môsê ghi chép lại (34, 27). Chúng đã được đồng nhất với Thập Giới trên núi (34, 28), nhưng các điều khoản mà tác giả truyền thống Giavít (Yahvist) đã chèn vào chỗ này nhìn chung lại khá khác biệt. Đây không còn là một danh sách các điều cấm đối với những hành vi cá nhân mà thần linh bác bỏ ; đó là một tập hợp các quy định phụng tự liên quan đến việc cấm các tượng đúc bằng kim loại, các ngày lễ, và các lễ vật (34, 17-24) mà người ta phải mang đến khi đi ra mắt Đức Chúa, tức là khi đến trình diện trước Ngài tại nơi thánh. «Nhan» Đức Chúa sẽ đồng hành với Israel theo như những lời hứa đã được ban cho các tổ phụ. Nhờ có ông Môsê, người được Đấng Toàn Năng tuyển chọn, đã «đẹp lòng Ngài» và là người cầu thay nguyện giúp cho dân, Đức Chúa chấp nhận đến cách riêng (33, 12-14) trong khi đó, đối với tác giả truyền thống Êlôhít (Elohist), chỉ có thiên sứ của Thiên

---

Bethel tại Bê-tên, El Elyon tại Giê-ru-sa-lem. Vì sự ghen tương (qine'ah) của Thiên Chúa đóng một vai trò lớn trong các truyền thống của Giê-ru-sa-lem (x. Is 9, 6) nên có thể tác giả Giavít, người thích những điểm gần gũi của các từ ngữ có ý nghĩa, đã biến El gôneh eres của Men-ki-xê-đê thành El qanna' để đánh dấu mối liên hệ giữa Giê-ru-sa-lem và Thiên Chúa của giao ước Sinai. Cũng như đã có tại Sikhem El Berit và El Elohey Israel, thì tại Giê-ru-sa-lem đã có El Elyon và El qanna'.

Chúa là phải đồng hành với dân (33, 1-3). Từ nay trở đi, các dân tộc sẽ biết rằng «chính Ngài, lạy Đức Chúa, ở giữa dân này, Ngài đã cho họ thấy tận mặt, lạy Đức Chúa, rằng đám mây đứng trên họ, và Ngài đi trước họ ban ngày trong cột mây và ban đêm trong cột lửa» (Ds 14, 14). Mô hình của các hiệp ước giao ước không được tuân thủ một cách hoàn hảo ở đây. Người ta có thể tự hỏi liệu có phải chính tác giả Giavít đã diễn giải vai trò trung gian của ông Môsê bằng các thuật ngữ của giao ước hay không. Nhưng chẳng có gì ngăn cản việc cho rằng chính ngay ông Môsê đã đón nhận mặc khải này về sự cam kết của Thiên Chúa đối với dân Ngài.

Ở đây, dân nào đã khó khăn để bước vào giao ước ? Tại Sikhem, vào thời ông Giôsuê, các chi tộc khác cũng sẽ gặp khó khăn để bước vào giao ước của Thiên Chúa của ông Giôsuê và gia đình người Épraim của ông (x. Gs 24, 15 tt). Những mối liên hệ giữa Ca-đê và Bơ-sê-ba và vùng phụ cận có người Simêôn sinh sống khiến người ta tin rằng đó là một nhóm người Simêôn cư ngụ tại ốc đảo Qedairat. Chính trên lãnh thổ của Simêôn mà vua Đavít có chính quyền đầu tiên của mình (Xích-lác) ; nhưng, ngay từ triều đại của vua, chi tộc Simêôn đã bị sáp nhập vào Giuđa, có lẽ là trong thời gian vua Đavít trị vì tại Hếp-rôn. Theo truyền thống các tổ phụ, Simêôn, cũng như Lêvi, đã bị phân tán sau vụ tấn công

Sikhem (St 34). Tên Simêôn xuất hiện trong một mảnh gốc (ostracon) Ai Cập từ thế kỷ XIV trước CN, đó là một bằng chứng nhỏ nhoi. Nhưng có thể thấy qua St 49, 5 rằng vận mệnh của Simêôn và Lêvi đã được liên kết vào một thời điểm nhất định trong lịch sử các chi tộc. Việc có những người Simêôn trong vùng Ca-đê và những người Lêvi với ông Aaron ở vùng giáp Ê-đôm, điều đó chẳng có gì là không thể xảy ra.

Tuy nhiên, các danh sách trong sách ông Giôsuê không lưu giữ dấu vết về việc người Simêôn chiếm đóng Ca-đê, trong khi đó người Ca-lép lại giữ rất sống động ký ức về một cuộc xuất hành từ Ca-đê. Vì Ds 13 cũng gợi lại ký ức về một sự căng thẳng giữa Ca-lép và phần còn lại của dân chúng, chúng ta sẵn sàng thừa nhận rằng dân phản nghịch là những người Simêôn ở lại tại chỗ, và dân trung tín là những người Ca-lép đã lên đường đến Hếp-rôn. Nhưng không phải tất cả người Simêônít, vì một số đã đến vùng Sêia, nơi họ đánh bại «tàn dư của ông Amalếch» (1 Sb 4, 23, x. Ds 24, 20) ; việc chinh phục Khoóc-ma ở phía nam Giuđê được Gs 1, 17 quy cho một hành động chung của Simêôn và Giuđa. Cuộc chinh phục Khoóc-ma này là một chiến thắng trước người Canaan, vua thành A-rát (Ds 21, 1-3) và là khúc dạo đầu cho sự định cư của Israel ở Giuđa, ngay cả tại Ép-ra-tha thuộc Bết-lê-hem theo Cha de Vaux. Vì Ép-

ra-tha là một tính từ của Ép-ra-im, nên một số người Ép-ra-im đã tham gia vào chiến dịch này, chiến dịch chủ yếu nhằm đưa ông Ca-lép đến Hếp-rôn. Nhưng những người Simêôn khác đã tìm thấy những đồng cỏ tốt và béo để họ định cư cùng với người Kham (Ai Cập, 1 Sb 4, 40). Luôn theo tác giả Giavít của chúng ta, ông Ixaác tại La-khai Rôi, rất gần Ca-đê, đã là dân định cư và chuyên tâm vào một nền nông nghiệp sinh lợi (St 26, 12-13). Người ta sẽ không ngạc nhiên khi các điều khoản của giao ước trong Xh 34, 7-15 giả định một dân tộc chuyên về nông nghiệp và cử hành các ngày lễ của mình theo nhịp độ sản xuất. Ngay cả tổ tiên của người Qênít cũng được xem như một nông dân trong St 4, 2.

Chắc chắn ông Môsê đã không được đón tiếp tại Ca-đê tốt hơn ở Ê-đôm. Người ta có thể tự hỏi liệu nơi hành hương tại Sinai có giống nhau cho các thầy Lêvi của Aaron và cho những người Simêôn (?) của bà Miryam tại Ca-đê hay không. Ông Môsê đã đụng độ với những người này và dựa vào những người kia trong cùng một địa điểm. Giải pháp này trình bày một số khó khăn. Nhưng sự căng thẳng đã lớn đến mức ký ức đã được lưu giữ tại nơi này về một lỗi lầm của ông Môsê vẫn còn khá bí ẩn trong các truyền thống khác nhau của các chi tộc khác nhau. Ông Môsê đã nói quá nhiều, Tv 106, 33 nói với chúng ta. Trong Ds 20, 8-10, sai lầm của ông

có lẽ là đã nói với dân chúng «phản nghịch» thay vì nói với tảng đá, và đã đập vào tảng đá đó thay vì nói với nó. Bản văn không rõ ràng và dường như đã ghép nối các truyền thống khác nhau. Trong Ds 14, 39-45, tác giả Êlôhít khiển trách người Israel đã ra trận bất chấp ông Môsê, và Khoóc-ma ở đây là thất bại chứ không phải chiến thắng. Dù sao thì ông Môsê cũng không có ở đó. Rất có thể lỗi của ông Môsê là đã từ chối đồng hành với nhóm ông Ca-lép đi lên Hếp-rôn và Bết-lê-hem. Suối xét xử, Aïn-Mishpat, được đồng nhất với Ca-đê trong St 14, 7, có lẽ là suối nước từ tảng đá ở Mê-ri-ba, nơi ông Môsê đã hành động với tư thế của người có thẩm quyền, nhân danh thẩm quyền thần linh mà nhóm của ông công nhận ông được trao. Trước lệnh cấm của ông, đã xảy ra sự đổ vỡ. Những ai vâng lời thì nói về sự phản nghịch của những người khác trong hoang địa, nhưng những người khác lại cho rằng đã có lỗi của ông Môsê. Đó là thời của những «lời oán trách». Ông Môsê vẫn không kém phần là người mà nhân danh người, người ta có thể quy tụ mười hai chi tộc trong một nền phụng tự duy nhất. Và nền phụng tự này đã được đảm bảo bởi triều đại vua Đavít tại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, nhân danh Thiên Chúa giao ước của ông Môsê, Đấng đã tỏ mình tại Sinai trước khi dẫn Israel đi chinh phục.

Chương VII - Việc Thiết Lập Trong Các Thảo Nguyên Mô-Áp

Những truyền thống miền Nam này, dù là của người Simêôn, người Qênít hay người Ca-lép, cũng vừa bền bỉ vừa khó nắm bắt. Chúng cho thấy một sự tiếp xúc giữa ông Môsê và các chi tộc sa mạc, gọi là Pha-ran, xung quanh các nơi thánh, với những xung đột phụng tự nhấn mạnh thẩm quyền của ông Môsê đối với những người của mình. Vào thời đó, không nên quá đối lập giữa phụng tự và sắc tộc. Điều còn lại là ký ức nổi lên về một vị thủ lĩnh bị tranh cãi, người quy tụ nơi Thiên Chúa của mình các thuộc tính của các thần Semít : các thần chữa lành, các thần sinh sôi và vị thần lớn của giông bão. Đó không phải là một thủ lĩnh chiến tranh mà đúng hơn là một nhà lập pháp. Ông mang theo mình di sản văn hóa cho phép, không chỉ thờ phượng, mà còn nhận thức về Thiên Chúa thật, một Thiên Chúa luân lý, Đấng ngỏ lời với lương tâm chứ không phải là sức mạnh của thiên nhiên hay quyền lực thuần túy chính trị. Không phải là không có ý nghĩa khi một khối lượng lớn các văn bản lập pháp sau thời ông Môsê đã được đặt vào Sinai và Ca-đê trong Ngũ Thư hiện nay.

Nhưng ông Môsê có cơ sở của mình tại Ma-đi-an và nhiều bản văn khiến ông trở về phía Aqaba hoặc Etxion Ghebe sau thời gian ở Sinai và Ca-đê. Có lẽ ông đã gặp cha vợ mình [134] khi ông có dịp tiếp xúc với Ê-đôm và Ca-đê. Dù sao, trong các chương 16 đến 24 sách Dân Số, trung tâm hoạt động của ông là vùng đất trải dài về phía đông Araba, vùng trũng nối Biển Chết với Biển Đỏ. Ở đây chúng ta gặp lại nguồn truyền thống Ma-đi-an, không thiếu một số yếu tố phụ thêm đến từ truyền thống Gia-vít (Yahvist). «Các kỳ mục của Ít-ra-en», thế giá dân sự này song song (nhưng huynh đệ) với thế giá tôn giáo của Môsê, là một trong những dữ kiện xã hội học của biên soạn Ê-lô-hít (Elohist). Họ xuất hiện trở lại ngay từ Ds 16, 25 trong vụ những người thuộc chi tộc Rưu-ben : Đa-than và A-bi-ram.

Quả thật, chính với chi tộc Rưu-ben mà chúng ta sẽ theo dõi chặng cuối cùng trong cuộc đời Môsê. Ông sẽ qua đời tại Nơ-bô trong lãnh thổ Rưu-ben (Ds 32, 38) trước khi chi tộc này biến mất dưới các đòn tấn công của

134 Thật thú vị khi lưu ý rằng trong một trong các nguồn (Xh 4, 25) Môsê rời Ma-đi-an cùng với vợ và con trai trong khi trong một nguồn khác vợ và các con ông ở lại Ma-đi-an và chính Gít-rô đưa họ đến sau cuộc Xuất Hành (Xh 18, 2-3). Nguồn thứ nhất có vẻ thuộc về Lê-vi (A-ha-ron) và nguồn thứ hai thuộc về Ma-đi-an (Hô-rếp) được truyền lại bởi Rưu-ben hoặc Gát.

người Mô-áp. Vào thế kỷ IX trước CN, Nơ-bô không còn thuộc về Rưu-ben nữa, trong khi theo chứng tích của tấm bia nổi tiếng của vua Mô-áp là Mê-sa [135], A-ta-rốt vẫn thuộc về chi tộc Gát. Trong suốt những cuộc chiến và tàn phá này, nhất là trong cuộc chinh phục của người Mô-áp, ngôi mộ của Môsê sẽ biến mất và người ta không còn biết vị trí của nó nữa (Đnl 34, 6) trong khi truyền thống không hề nghi ngờ gì về khu vực ông qua đời : Nơ-bô, núi Pít-ga, dãy A-ba-rim ; tất cả những nơi đó đều nằm trên rìa cao nguyên Mô-áp, hơi chếch về phía đông bắc Biển Chết.

Rưu-ben là trưởng nam trong mười hai người con của Gia-cóp. Con bà Lê-a (con «bò cái») chứ không phải bà Ra-khen (con «chiên cái»), họ đã định cư sớm hơn. Đóng trại gần các suối giữa những bãi chăn thả gia súc của mình (Tl 5, 16), họ hơi bị biệt lập với các chi tộc khác, Giu-đa cũng vậy và người ta nhận thấy có những mối liên hệ giữa họ ở hai bên Biển Chết, như giữa Rút người Mô-áp và dân cư Bết-lê-hem ; Đa-vít trong những ngày gian nan đã đưa cha mẹ mình đến nơi an toàn gần vua Mô-áp. Người Rưu-ben đến đền thờ tổ phụ tại Mam-rê gần Hếp-rôn. Nhưng một ngày kia, chuyện xảy ra thật bạo lực hơn. Chi tộc Đan, con bàn

135 J. Briend - M. J. Seux, Các văn bản Cận Đông Cổ đại và Lịch sử Israel, Paris, 1977, trang 90-92.

tớ Bin-ha, còn ghi nhớ một hành vi bạo lực của Rưu-ben đối với bà Bin-ha đó (St 35, 22) ; mặt khác, «hòn đá của Bô-han con trai Rưu-ben» (Gs 15, 6) trên bờ tây bắc Biển Chết chứng tỏ đã có lần người Rưu-ben vượt qua sông Gio-đan. Dù sao, ngay từ khi biên soạn St 49, 4, vào khoảng thời Đa-vít, họ đã mất địa vị trưởng tử. Theo Đnl 33, 6, họ sắp biến mất. Để truyền thống vẫn đứng đầu trong danh sách mười hai chi tộc, hẳn họ đã thực sự đóng một vai trò quan trọng vào thời Môsê.

Nhưng Môsê không thuộc chi tộc Rưu-ben và cuộc nổi loạn của Đa-than và A-bi-ram trong Ds 16, 12-15, 25-34, là bằng chứng cho thấy ở phía đông cũng như ở phía nam, Môsê đã bị các chi tộc mang tính tổ phụ (patriarcales) thách thức. Người ta biết rằng bản văn hiện tại đã ghép cuộc nổi loạn của người Rưu-ben là Đa-than và A-bi-ram với sự phản kháng của người Lê-vi là Cô-rê, vốn được biên soạn muộn hơn nhiều. Thoạt nhìn, dường như người Rưu-ben từ chối tiến vào Đất Hứa (Ds 16, 14), cũng như người Ít-ra-en đã từ chối làm điều đó tại Ca-đê (Ds 13, 31). Nhưng không còn đề cập đến những người vóc dáng to lớn như trong Ds 13 và trong các văn bản thời Ram-sê II (A-na-ta-si I). Người ta cho rằng Môsê «móc mắt người ta» và lời đáp của Môsê ở câu 15 cho thấy sự liêm khiết của ông với tư cách thẩm phán bị đặt thành vấn đề. Một kiểu phán

quyết của Thiên Chúa sắp can thiệp ; theo truyền thống, những kẻ nổi loạn và gia đình họ biến mất trong một vết nứt của đất, đột ngột mở ra.

Địa điểm không được xác định rõ, nó hẳn phải khá xa khu vực định cư của Ít-ra-en. Trên thực tế, lộ trình được đưa ra trong Ds 21, 10 tiếp theo rõ ràng đi về phía đông Mô-áp. Điểm xuất phát, Ô-bốt, không nhất thiết phải là Weiba trong Araba, như người ta đã đề xuất. Tôi sẵn sàng xem đó là bộ lạc Ả Rập Apatenoi mà Ptô-lê-mê đã nói với chúng ta. Lộ trình này có thể đại diện cho một hành trình tốt từ Ma-đi-an đến Nơ-bô và hiện tượng địa chấn trong Ds 16, 31-34 có thể tương ứng với những ký ức xa xưa về các chấn động núi lửa ở vùng đất Ma-đi-an. Nhưng có lẽ đó là suy diễn quá mức các bản văn, và dân tộc học ghi nhận nhiều truyền thuyết cổ xưa về đất nứt toác.

Đóng trại trong sa mạc «đối diện Mô-áp», về phía đông (Ds 21, 11), người Ít-ra-en ở rất xa Biển Chết và thung lũng Xe-rét khó có thể là W. Hesa mà người ta đã đề xuất. Sau đó họ vượt qua Ác-nôn, vẫn trong sa mạc chứ không phải trên các cao nguyên nông nghiệp của Mô-áp được gọi là Mi-sô. Họ tiến vào vương quốc của người A-mô-rít là Xi-khôn. Họ đi qua Bê-e, «cái giếng» được đào bởi các «thủ lĩnh» với «vương trượng». Tác

giả Gia-vít (hoặc Ê-lô-hít) của chúng ta gắn kết nơi đây với ký ức về một «tập họp» hoặc «quy tụ» (’sp) dân chúng bởi Môsê. Rồi họ đạt tới Pít-ga chỉ sau vài chặng, trong tầm nhìn về Đất Hứa. Điểm tế nhị là phải biết liệu lộ trình này có phải là lộ trình mà Môsê đã đi theo hay đó là lộ trình của chi tộc Rưu-ben rời khỏi vùng Ma-đi-an với những ảnh hưởng Ả Rập để định cư gần sông Gio-đan. Tất cả những ai đã khám phá vùng này đều ấn tượng bởi tính chính xác của những ký ức mà các dân du mục lưu giữ khi họ di chuyển từ vùng này sang vùng khác, như trường hợp người Azeizat trong cuộc «xuất hành» của họ được cha Jaussen ghi lại [136].

Vả lại, nếu Môsê có thể tập họp (’sp) nhóm của ông và chi tộc Rưu-ben, thì bản thân ông không phải là người Rưu-ben. Chúng ta đã thấy ông từ khi rời Ai Cập, gắn bó với một nhóm xuất phát từ Giu-se mà chúng ta đã gọi là Ép-ra-im, vì chính nhóm này, mà Giô-suê thuộc về, đã truyền lại cho chúng ta ký ức về cuộc vượt qua bán đảo trung tâm. Trên thực tế, nhóm này sẽ định cư ở phía bắc Rưu-ben trong khu vực sẽ được gọi là «rừng Ép-ra-im» (2 Sm 18, 6) ở vùng Transjordan, nơi diễn ra trận chiến giữa quân của Áp-sa-lôm và quân của Giô-áp, tướng của Đa-vít. Chính Đa-vít đã phải chạy trốn qua bên kia

136 Phong tục của người Ả Rập tại xứ Moab, tái bản, Paris, 1946, trang 417-432.

sông Gio-đan trong cuộc nổi loạn của con trai mình ; sau trận chiến, chính từ đó ông sẽ trở về Ghin-gan bằng cách vượt qua sông Gio-đan, như Giô-suê.

Trước đó, Ít-ra-en đã giành được một chiến thắng lớn trước Xi-khôn và người A-mô-rít, và chiến thắng này hơn nữa không được quy cho Môsê. Chỉ khi đó, nhóm mới tiếp xúc với Mô-áp. Họ đến đất nước này vào một thời kỳ biến đổi. Trong bài ca nhỏ được lưu giữ về giếng Bê-e (Ds 21, 16-18), không còn đề cập đến các kỳ mục nữa, mà là các thủ lĩnh và vương trượng. Đó là một thời kỳ biến chuyển trong dân cư cũng như trong thể chế. Người A-mô-rít là một dân tộc cổ xưa hơn người Mô-áp. Những người sau này chỉ xuất hiện dưới thời Ram-sê II, trong khi người A-mô-rít đã có mặt trong khu vực từ đầu thiên niên kỷ thứ hai. Mô-áp, cũng như Ê-đôm, vừa thiết lập chế độ quân chủ (Ds 21, 26), có lẽ nhân một thất bại lớn mà người A-mô-rít đã giáng xuống họ, được ca tụng trong một bài thơ mà Ít-ra-en sẽ chiếm đoạt làm của mình (các câu 27 tiếp theo). Đó là một thất bại tạm thời, và sự bành trướng của Mô-áp sẽ tiếp tục không chỉ gây thiệt hại cho người A-mô-rít và Rưu-ben, mà còn vượt ra ngoài sông Gio-đan. Vua Mô-áp là Eg-lon sẽ chiếm đóng lãnh thổ Ben-gia-min ở Cisjordan một thời gian (Tl 3, 12).

Vào thời Môsê, lãnh thổ của Mô-áp có ranh giới phía bắc là Ác-nôn cùng A-rô-e và một thành phố trong lòng thung lũng (wadi) mà Kinh Thánh cố tình im hơi lặng tiếng về tên (Đnl 2, 36 ; Gs 13, 9. 16), và có thể đó là thành phố của Đức Chúa (Yahvé) [137]. Các văn bản Ai Cập quả thật biết đến một Yahvé của người Shosou, đôi khi là một bộ lạc, đôi khi là định cư, dù sao cũng với ký hiệu xác định của các nước ngoài. Người ta sẽ còn hiểu rõ hơn trích dẫn trong Ds 21, 14 lấy từ sách các cuộc chiến của Đức Chúa, gợi lên biên giới của Mô-áp, nếu thành phố biên giới mang tên này, cái tên sẽ trở thành tên của Vị Thần quốc gia của Ít-ra-en. Thật khó chịu cho các tác giả Kinh Thánh khi thấy một thành phố Mô-áp được chỉ định bằng tên đó. Nhưng mối quan hệ tuyệt vời giữa gia đình Đa-vít và Mô-áp cũng có thể giải thích sự ưa chuộng tên thần này tại triều đình của vị sáng lập vương triều Giu-đa.

---

137 Một tài liệu thuộc thời Râm-sê II và một tài liệu khác thuộc thời A-men-nô-phết III (khoảng năm 1400 trước Công nguyên) có nhắc đến Yhwh của người Shosou; và một tài liệu khác, cũng thuộc thời A-men-nô-phết III, nói về Yahvé trong vùng đất của người Shosou. Xem R. Giveon, Les Bédouins Shosou des Documents Égyptiens (Người Bedouin Shosou trong các tài liệu Ai Cập), Leyde, 1971, trang 27 và tiếp theo, cũng như trang 76.

Quan hệ giữa người Mô-áp và Môsê thì mập mờ nhưng không hiếu chiến. Người Mô-áp lo lắng về sự hiện diện này và chúng ta thấy các kỳ mục Ma-đi-an và các kỳ mục Mô-áp họp nhau lại để đối phó với nguy cơ. Vua Mô-áp đã cầu viện thầy bói Bi-lơ-am. Ông này đến từ Syria, từ đất Am-maw và thành phố Pê-tho trên sông Ơ-phơ-rát. Rõ ràng ông ta là người A-mô-rít và ông ta đã làm thất vọng mong đợi của vua Mô-áp. Trong bất kỳ đoạn nào của vụ Bi-lơ-am cũng không đề cập đến Môsê ; truyền thống này dường như thuộc về cùng nền tảng A-mô-rít cổ xưa như bài ca chiến thắng của Xi-khôn, được người Ít-ra-en sử dụng lại để chống lại Mô-áp và chống lại Ma-đi-an. Người sau này sẽ trở thành một đối thủ đáng gờm (xem Ds 25, 16 tiếp theo ; 31, 8), nhất là vào thời các Thủ Lãnh.

Một lần nữa, ký ức về Môsê lại gắn liền với một xung đột tôn giáo, vụ thần Ba-an Pơ-o. Vị Ba-an này không phải là vị thần bão tố lớn lao ban sự sung mãn mà Đức Chúa, Thần của Ít-ra-en, đã có thể đảm nhận các đường nét và chức năng tại Xi-nai. Đó là một trong những Baal địa phương, chủ của nơi mà ngài có nhà của mình (Beth-Peor, Đnl 3, 29), tức là đền thờ của ngài. Đó cũng là một trong những nơi được gán cho Ruben (Gs 13, 20) nhưng một bản văn khác lại gán nó cho người Amorites (Đnl 4, 46) và một bản văn khác nữa cho Moab (Đnl 34,

6), điều này cho thấy rõ sự biến động của các biên giới.

Vị chủ của nơi này có chức năng bảo đảm sự phì nhiêu của đất đai. Chắc chắn, ngài có liên hệ với các nguồn nước, nhưng không phải là nước mưa giông cho bằng là nước suối, một sức mạnh ẩn giấu trong lòng đất tựa như hạt giống trong lòng mẹ. Từ thời đồ đá mới và với việc phát minh ra nông nghiệp, các tục thờ cúng đã tôn vinh Baal của nơi chốn này, một vị thần thường không được đặt tên, được đại diện bởi con bò đực ; nó tượng trưng đồng thời cho sự giàu có của đàn gia súc lớn gắn liền với những đồng cỏ xanh tươi và việc canh tác, và sức mạnh sinh sản của giống đực. Những tục thờ cúng phóng khoáng này không chỉ diễn ra trong các bữa ăn (Ds 25, 2) và các điệu múa mà còn trong sự mại dâm thần thánh, vì thần linh được quan niệm như là đấng sinh sản hơn là đấng sáng tạo. Ngôn sứ Hôsê sẽ chiến đấu chống lại sự biến đổi việc thờ phượng thành chuyện truỵ lạc và sẽ nhắc nhở rằng Thiên Chúa của Israel không muốn trở thành một Baal tầm thường (2, 18). Ngài thậm chí còn nhắc lại vụ việc ở Péor. Ephraim đã được dẫn dắt bởi một ngôn sứ (12, 14), là Môsê, nhờ ông mà «Đức Chúa đã đưa Israel lên từ Ai Cập» và «gìn giữ» họ ; nhưng chẳng bao lâu sau họ đã bất trung : «Như chùm nho, Ta đã thấy Israel trong sa mạc, và thấy cha ông các ngươi như trái vả đầu mùa, lúc họ đến với

Baal-Péor, đã dâng mình cho thần ô nhục và trở nên ghê tởm như điều chúng ưa thích» (9, 10).

Sách Dân Số (25, 1-18) thuật lại một cách sống sượng cách người Israel (và chúng ta thấy qua Hôsê rằng chủ yếu là người Ephraim) đã sụp lạy trước Baal, tức là tượng của ngài. Họ đã «liên kết với ngài» - đó là một thuật ngữ Amorite ngụ ý cả một «ách áp» -, và đã phó mình cho sự mại dâm thần thánh, đặc biệt một người Simêon tên là Zimri với một người phụ nữ Mađian. Hai giai đoạn của phản ứng Israel đã được truyền thống lưu giữ cho chúng ta. Một mặt, một người tên là Pinêas, được liên kết với Aaron qua Êlêazar, đã dùng một mũi giáo đâm xuyên cả người đàn ông và người đàn bà đang nằm với nhau trong cái kiến trúc có mái vòm gọi là qubba vốn được dùng cho việc mại dâm thần thánh này. Pinêas này mang một tên gọi Ai Cập, giống như Môsê : «người [đến] từ phương nam» ; cái tên chẳng có gì lạ lùng này đã được mang bởi một vị tướng Ai Cập thế kỷ XI trước công nguyên và bởi một người chỉ huy đoàn lữ hành của đền thờ Sêrabit. Pinêas của chúng ta sẽ là tổ phụ của một gia tộc tư tế mà người ta sẽ tìm thấy ở bên kia sông Giođan tại Bêthel (Tl 20, 28) và tên của ông sẽ có chỗ sau Êlêazar trong các gia phả thuộc dòng Aaron. Đáng lưu ý là tại nơi thánh Silô, trong vùng Ephraim, con trai của tư tế Hêli, một người bà con gần

của Abiathar thời Đavít, đã mang một cái tên giống hệt như vậy vào thời Samuen.

Phản ứng kia dường như là do chính Môsê và nó khá đáng chú ý. Theo lệnh của Thiên Chúa, ông đã cho đóng cọc «trước mặt mặt trời» các thủ lãnh của dân (Ds 25, 4). (Theo lời yêu cầu của người Gabaon, Đavít sẽ kết án những hậu duệ của Saun, kẻ có tội đã vi phạm một hiệp ước, chịu cùng cực hình đó, x. 2 Sm 21, 6). Theo Ds 25, 16-18, những thủ lãnh này đã bị lôi kéo để thoả hiệp với người Mađian, những kẻ đã dùng sức quyến rũ của các thiếu nữ Môáp để tấn công Israel một cách phản bội. Các «thủ lãnh» (r's) (Ds 25, 15) ở đây không phải là các thủ lĩnh và vua chúa, mà là các thủ lãnh của các bộ lạc du mục, theo thuật ngữ Amorite (các thư từ Mari). Liệu họ có phải là những người Ruben thuộc loại Đathan và Abiram mà Môsê và nhóm Ephraim của ông phản ứng chống lại không ? Thật khó để nói. Điều rõ ràng, theo truyền thống, là Môsê chống lại một hình thức tôn thờ kiểu Canaan cũng như ông đã phản ứng chống lại việc tôn thờ kiểu Aaron ở Êđôm. Tại Cađê và Sinai, ông đã tiếp thu hơn là chống đối. Ở đây, theo lệnh của ông (Ds 31, 1-10), đã xảy ra sự thất bại và xử tử các thủ lãnh Mađian.

Sau trận chiến chống lại người Mađian, cuộc chiến làm đổ vỡ hoàn toàn mối quan hệ (Ds 25, 17, x. 31, 8, nơi Hur không còn là đồng minh mà là kẻ thù), chúng ta gặp ký ức về Môsê gắn liền với Arboth Môáp dưới các sườn núi Pisga, rất gần Péor (Ds 36, 13 ; Đnl 34, 1. 8), liên quan đến thành phố và núi Nêbô (Đnl 34, 1 ; 32, 49). Arboth này, thường được dịch là «thảo nguyên», là những vùng trũng khô hạn nằm giữa các chân núi của cao nguyên Môáp và sông Giođan. Nêbô không phải là một thành phố thánh. Sự nhấn mạnh của các bản văn Kinh Thánh trong việc xác định Arboth Môáp là gần sông Giođan, đối diện Giêricô, cho thấy rằng người Israel đã hướng về bờ bên kia sông Giođan. Chúng tôi đã lưu ý ở nơi khác [138] rằng mười hai tảng đá của nghi thức giao ước được Môsê thực hiện trong Xh 24, 4, theo truyền thống Elohist, dường như chính là những tảng đá của nơi thánh Ghilgal trong Gs 4, 20 ; người ta tìm thấy ở đó các «tượng chạm» (pesilim) của Ghilgal mà Êhúđ đã đi ngang qua vào thời kỳ chiếm đóng của Môáp (Tl 3, 19. 26). Nhưng, vì nhiều lý do, ký ức này đã phần nào bị xoá mờ. Truyền thống chiến tranh dành việc vượt sông Giođan cho Giosuê, nơi thánh Ghilgal là đối thủ của Giêrusalem, và Ghilgal có lẽ là nơi thánh

138 Xem thêm N.H. SNAITH, người đã đi đến những kết luận tương tự, Vetus Testamentum 1978, các trang 330-5. Xem trang 142.

lớn, có bàn thờ, trong Gs 22 mà vị trí lẫn lộn trong các câu 10-11 dường như đã được sửa đổi để gợi ý rằng bàn thờ nằm ở phía đông sông Giođan.

Thật khó khăn để xác định hoạt động cuối cùng của Môsê trên bờ sông Giođan là gì trước khi ông lên Nêbô để chết và được chôn cất «trong đất Môáp, đối diện (mul) với Bết-Pêor» (Đnl 34, 6). Truyền thống Elohist (Xh 20, 24 - 24, 8, nhất là 4-8) và truyền thống Đệ Nhị Luật (đặc biệt Đnl 28, đã gắn bó với một giao ước được Thiên Chúa ký kết với dân Ngài trong đất Môáp [139]. Đó là một sự hiện tại hoá mười lời của Hôréb cho hoàn cảnh của một dân tộc đang định cư. Ở đây chúng ta lại gặp Elohist và các truyền thống Ephraim. Đối với tác giả này, giao ước không còn là một giao ước của Thiên Chúa với Môsê hợp nhất với dân của ông nữa. Đó là một giao ước của Thiên Chúa với chính dân chúng, những người cam kết sau khi đã nghe các điều khoản của Đấng Tối Thượng của họ. Khuôn mẫu của các hiệp ước giao ước được tuân thủ tốt hơn so với giao ước Sinai của Yahvist, bởi vì chúng ta có, không chỉ sự cam kết của dân chúng, mà còn, để kết luận, các điều khoản,

139 N. Lohfink, «Giao ước được ký kết tại đất Moab», trong Biblische Zeitschrift, năm 1962, các trang 32-35. Yobel trong Xuất Hành 19,13b và trong Giô-suê 6,5 cũng thuộc về các truyền thống của Ghilgal.

các lời chúc phúc (Xh 23, 25-26) và các lời nguyền rủa dù không được triển khai nhiều (23, 33). Việc đã có một nghi thức giao ước trước mặt Đức Chúa tại Ghilgal vào thời Môsê là rất có thể. Ít chắc chắn hơn là đó đã là một nghi thức giao ước với Đức Chúa, bởi vì vào thời kỳ chiếm đóng của Môáp (Tl 3, 19-26), vào khoảng thế kỷ XII, các tảng đá của Ghilgal vẫn là những tượng thần tà, những pesilim, chứ không phải là mười hai tảng đá đại diện cho mười hai chi tộc Israel. Dễ dàng hơn để thừa nhận rằng tại Ghilgal đã có một lễ kỷ niệm giao ước của mười hai chi tộc trước mặt Đức Chúa, cũng như đã có một nghi thức giao ước tại Sikhem ở đền thờ «El của giao ước» (Tl 9, 46), cũng được gọi là Baal Berit. Bàn thờ được gọi là «El, Thiên Chúa của Israel» (St 33, 20).

Làm thế nào mười hai chi tộc này có thể tụ họp tại nơi này để thắt chặt sự hiệp nhất của họ trong cùng một việc thờ phượng ? Họ có những ký ức chung tại đó vào thời điểm này hay thời điểm khác trong cuộc sống của họ. Mười hai chi tộc hình thành bốn nhóm lớn mà các mối liên kết đã có từ trước thời Môsê. Ruben, trưởng trong các chi tộc của Lia, cư ngụ rất gần, và chúng ta đã thấy họ vượt sông Giođan để cưỡng hiếp Bina. Với Bina, chúng ta có Đan, con trai bà, trước khi người này thực hiện cuộc di cư dài đến vùng đất của Samson, rồi đến Laish dưới chân Hermon : người sẽ hiệp nhất

với Nephtali để hình thành nhóm của nữ tỳ này của Rachel. Bị phân tán sau vụ tàn sát ở Sikhem cho đến tận miền Nam, chúng ta vẫn gặp ở Péor Simêon (Zimri) và Lêvi (Pinêas). Gad sẽ có lãnh thổ của mình ở vùng Transjordania như Ruben. Sở hữu của họ đan xen với nhau ; thậm chí họ còn lấy của nhau các làng mạc. Gad được liên kết với nữ tỳ của Lia là Xilpa, và qua bà được liên kết với Aser, người rất có thể đã từng du canh gần Ai Cập, như chúng ta đã thấy, [140] trước khi đến định cư gần Carmel. Ở phía bắc sông Giabbok, tiếp giáp với Gad, là Manassé, hay ít nhất là con trưởng của ngài là Makir. Ngay từ Ds 21, 33-35 đã đặt một mối liên hệ giữa việc định cư của ngài tại Edrei bằng cách chiếm đoạt của vua Og và một sấm ngôn của Thiên Chúa được truyền qua Môsê. Ephraim và Manassé luôn coi mình là hợp nhất trong Joseph [141] và không có gì ngăn cản việc các mối liên hệ này có từ trước cuộc chinh phục và việc định cư của Manassé phía tây xung quanh Sikhem. Nhưng nhiều điều về đời sống các chi tộc vẫn nằm ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Điều chắc hẳn đã góp phần làm cho Môsê trở thành hình ảnh của người sáng lập dân tộc, chính là giao ước do ông ký kết giữa các

140 Xem chương V trang 113.

141 Theo St 50, 23 các con trai của Makir, con trưởng của Manassé, chỉ được (sinh ra trên đầu gối của) Joseph nhận làm con nuôi.

chi tộc của Rachel và các chi tộc của Lia, giữa Ephraim và Ruben ; nơi thuận lợi nhất cho một giao ước như vậy là nơi thánh Ghilgal. Sau cuộc nổi loạn của Absalom, người ta vẫn sẽ cố gắng, một cách rất bấp bênh, một sự hoà giải giữa Lia và Rachel, giờ đây đã trở thành Giuđa một mặt, Ephraim và em út Benjamin của nó mặt khác, tại Ghilgal. Mặt khác, người ta biết rằng danh sách các chi tộc thay đổi trong Kinh Thánh.

Nếu Môsê đã chủ trì nghi thức giao ước giữa Ruben và Ephraim, người ta hiểu rõ hơn truyền thống coi ông là nhà lập pháp của Israel, bởi vì các hiệp ước giao ước đều bao gồm những điều khoản. Phải chăng những điều khoản này được chứa đựng trong «sách giao ước» (Xh 24, 7) do Môsê viết (c. 4), không phải trên những bảng đá mà là trên cuộn sách ? Cuốn sách mà ngày nay người ta gọi là bộ luật (Xh 20, 24 - 23, 19) chắc chắn là một văn bản có trước thời quân chủ : các thể chế và thẩm quyền trong đó được xác định rất kém. Giống như các văn bản cổ khác, Thập Điều trên núi, các lời nguyền rủa ở Sikhem (Đnl 27) và các lời chúc lành được gọi là của Môsê (Đnl 33), nó đã được người thuộc truyền thống Elohist (Elohista) thu thập, người có nhiệm vụ ban cho dân Israel những Lời của Thiên Chúa có trước khi thể chế quân chủ được thiết lập. Bộ luật này kế thừa những tập tục cổ xưa, của bộ lạc hoặc của người Amorite, được

mô tả theo phong cách của các bộ luật đương thời : bộ luật Hammurabi (thế kỷ XVIII), luật của người Hittite ở Tiểu Á (thế kỷ XIV-XIII), luật của người Assyria (thế kỷ XIII-XII). Nhưng nó đặt chúng trong khuôn khổ của những «lời» được soạn theo phong cách của Mười Điều Răn : ngươi không được làm điều này, ngươi phải làm điều kia. Đó cũng là phong cách của các điều khoản trong các hiệp ước giao ước. Thậm chí còn có một số điều khoản được soạn theo phong cách lời khuyên của các hiền nhân Ai Cập cổ đại : «Nếu ngươi làm điều này hoặc điều kia…» Người ta ngạc nhiên khi thấy ở đây những quy định tương tự như trong sắc lệnh cải cách của Horemheb, người đương thời với thời trẻ của Môsê, chẳng hạn như những điều cấm đưa hối lộ cho các viên chức hoặc thẩm phán (Xh 23, 8). Xã hội mà bộ luật này hướng đến không giống mấy với nhà nước Ai Cập. Đó là một xã hội đang trên đường định cư, nơi mà gia súc lớn tạo thành của cải chính : nửa tá điều khoản bảo vệ nông nghiệp. Tất cả những điều này rất phù hợp với người Rubenite trên cao nguyên Moab, những người quan tâm đến việc có được một «nơi thích hợp cho đàn vật» (Xh 32, 1) và với người Ephraimite định cư trong các thảo nguyên Moab gần khu rừng được gọi là của Ephraim. Sau này, sách Đệ Nhị Luật (Deuteronome) sẽ lấy lại văn bản cổ này, mà chúng ta có thể đặt ở Gilgal,

để thích ứng với những điều kiện kinh tế và lịch sử mới, mà không vì thế đánh mất truyền thống về một Môsê áp dụng các nguyên tắc của tôn giáo Horeb vào những hoàn cảnh mới và một trạng thái xã hội mới.

Có nên quy cho Môsê cả việc phân chia các thành giữa các bộ tộc sẽ định cư ở vùng bên kia sông Giođan: Ruben, Gad và Mâkir (Manasse phía đông) không ? Đó là quan điểm của truyền thống Yahvist (Yahvista) (Ds 32, 39-42), của truyền thống Elohist (Ds 32, 28-38) và của sách Đệ Nhị Luật (3, x. Ds 32, 3 tt). Thật lạ lùng là, truyền thống Elohist trình bày cam kết của Ruben và Gad (Ds 32, 31) với những từ ngữ gần giống với lời cam kết của dân trong giao ước (Xh 24, 3). Có thể người ta đã nhờ đến sự phân xử của Môsê để quy định những điểm tranh chấp giữa Gad và Ruben, những người có vùng chiếm đóng đan xen vào nhau một cách kỳ lạ, Gad sở hữu các điểm nước và làng mạc ở phía bắc (Nimrin, Yogbehah) hoặc phía nam (Atarot, Dibon) của Ruben (Nêbô, Meon, Eléalé) ; điều này có thể đã là dịp cho một sự dàn xếp giao ước mang tính tổng quát hơn.

Các bản văn Kinh Thánh nhấn mạnh nhiều hơn đến việc Môsê truyền lại chức vụ của mình cho Giosuê. Các trình thuật có xuất xứ khác nhau (Ds 27 - Đnl 31), nhưng tính liên tục được cả truyền thống Elohist lẫn truyền

thống Yahvist xác nhận rõ ràng. Truyền thống Elohist coi Giosuê là người phụng sự Môsê tại nơi thánh (Xh 33, 11), trong vụ việc các ngôn sứ (Ds 11, 28 tt.), và thậm chí trên ngọn đồi nơi lưu giữ ký ức về trận chiến chống lại Amalek (Xh 17, 14). Truyền thống Yahvist tôn trọng hơn khía cạnh chiến binh của vị tướng chinh phạt người Ephraim (Xh 17, 8-10 ; 32, 17). Hơn nữa, các mệnh lệnh ở Sikhem nơi giao ước sẽ được ký kết bởi Giosuê được coi là đã được Môsê ban cho (Đnl 27) trong khi các bản văn công nhận Giosuê một hoạt động lập pháp tương tự như của Môsê (Gs 24, 25). Nhưng chi tiết của sự chuyển giao này thì chúng ta không nắm được. Môsê lên núi Nêbô, ông nhìn ngắm đất nước nơi người kế vị của ông sẽ thiết lập các bộ tộc. Ông qua đời và cuộc xâm lược của người Moab sẽ che phủ ngôi mộ của ông, đâu đó gần chỗ Péor mà ông không ưa. Đây là những câu trong sách Đệ Nhị Luật cho phép chúng ta kết luận với sự súc tích thích hợp :

> Môsê từ vùng thảo nguyên Moab đi lên núi Nêbô, đỉnh Pisga, đối diện với Giêrikhô. Đức Chúa chỉ cho ông thấy toàn thể đất ấy : vùng Galaad đến tận Đan, toàn vùng Néphtali, đất Ephraim và Mơnase, toàn đất Giuđa đến tận Biển Tây, Negev, và vùng đồng bằng sông Giođan - thành phố Chà Là - cho đến Xo-a. Rồi Đức Chúa phán với ông : «Đây là đất Ta đã thề với Abraham, Ixaác và Giacóp mà phán rằng : Ta sẽ ban đất ấy cho dòng dõi ngươi. Ta đã cho ngươi thấy tận mắt,

nhưng ngươi sẽ không được vào đó.» (Đnl 34, 1-4).

Những lời hứa có điều kiện, chắc chắn, và dân chúng sẽ kinh nghiệm điều đó trong các thế kỷ sau.

Chương VIII - Môsê Xuyên Suốt Các Thế Kỷ

Sách Đệ Nhị Luật không phải là cuốn sách cuối cùng của Kinh Thánh và tốt hơn nên thêm một kết luận khác. Nếu Môsê chết bên lề Đất Hứa, mà không hoàn thành công trình của mình, thì tuy vậy chính ông lại được người thuộc truyền thống Yahvist, người đương thời với Salomon, dành cho một vị trí trung tâm trong việc hình thành dân tộc của Đức Chúa. Tác giả này, dù rất bận tâm đến tính chính danh của triều đại, đến việc truyền thừa di sản và quyền trưởng nam bị tranh chấp, vẫn nhận ra nơi Môsê vị cứu tinh đầu tiên ở Mađian (Xh 2, 19) và là người sáng lập ra việc phụng tự đích thực mà nhà vua phải tôn trọng (Xh 34, 15). Trong một thế giới nơi các vị vua được hào quang của một hệ tư tưởng thánh thiêng bao quanh, nơi họ được coi là những người được tuyển chọn của vị thần quốc gia và là những người chuyển cầu được chỉ định, thì đối với người thuộc truyền thống Yahvist của chúng ta, chính Môsê, người được Thiên Chúa biết đến đích danh (Xh 33, 12) và được hưởng ân huệ của vị Thần quốc gia. Đối với tác giả này và độc giả của ông, chế độ quân chủ Giuđa phải chịu sự kiểm soát tôn giáo của người chạy trốn khỏi Ai Cập này, người đi vòng quanh vương quốc Israel và Giuđa mà không vào trong đó. Bởi vì xuyên qua các

xung đột tôn giáo và các xung đột bộ lạc, Môsê đã có thể được công nhận là người có thể tạo nên sự hiệp nhất bằng cách kết hợp lòng trung thành với Thiên Chúa của các tổ phụ với nền văn hóa cao nhất của thời đại. Lề Luật Môsê này, vốn qui phục cả dân tộc lẫn triều đại của nó dưới Thiên Chúa của Abraham «cha của vô số dân tộc» phản ánh sự khôn ngoan của Ai Cập, nhân bản và nhân đạo, vốn đòi hỏi con người phải qui phục thần linh của lương tâm đồng thời phải công bằng với những người dưới quyền, ngang hàng và ngay cả những người trên mình. Nhờ Môsê, khi sự khôn ngoan Hy Lạp và chủ nghĩa đế quốc Rôma tràn ngập Phương Đông, sự khôn ngoan cổ xưa của Phương Đông sẽ vượt qua khủng hoảng và được Phương Tây đón nhận trước khi vươn tới những bờ bến mới.

Hình ảnh Môsê sẽ không ngừng lớn lên qua các thế kỷ. Môsê của các Ngôn Sứ là vị trung gian giao ước duy nhất đã ban Lề Luật của Ngài cho Israel. Môsê của sách Đệ Nhị Luật không chỉ đã thấy Thiên Chúa mặt đối mặt, mà còn ban cho Israel các thể chế của nó, những thể chế kể từ Moab đã áp dụng các mệnh lệnh giao ước đã nhận được trên ngọn núi thánh. Vào thời Đền Thờ thứ hai, Môsê là người thiết lập việc phụng tự trong Nhà Tạm, mà mô hình của nó đã được ban cho ông tại Sinai.

MÔSÊ TRONG TRUYỀN THỐNG DO THÁI

Khi chúng ta đến thời kỳ chứng kiến sự sụp đổ của Đền Thờ thứ hai này, Philô thành Alexandria đã biết cách giới thiệu với người Hy Lạp một Môsê có thể khiến họ quan tâm. Môsê là «Ngôn Sứ, thầy cả khai tâm, triết gia, nhà lập pháp» (B. Botte). Philô viết một cuộc đời của Môsê như Plutarque sẽ viết cuộc đời của những người đàn ông lỗi lạc [142].

> Môsê là, theo một số, nhà lập pháp của ng Israel, theo những người khác, là người thông giải các luật lệ thần linh. Tôi đã đảm nhận việc viết cuộc đời của người đàn ông rất vĩ đại và rất hoàn hảo này, và để làm cho những ai xứng đáng không được phép không biết đến ông. Bởi vì vinh quang của những luật lệ ông để lại, khi lan tỏa khắp thế giới, đã vươn tới tận cùng cõi đất ; nhưng con người thật của ông là thế nào, thì không có mấy người biết được [143]

Ông sẽ lấy các yếu tố cho cuộc đời này, cả từ Kinh Thánh lẫn từ các truyền thống của người xưa. Môsê là một vị anh hùng dẫn dắt tới chiến thắng bằng những diễn từ đầy lửa, nhưng ông cũng có một tâm hồn mà Philô say mê phân tích.

---

142 uộc đời Môsê của Philô, trong Môsê Người của Giao Ước, Cahiers Sioniens tập VIII, 1954, trang 56 (174).

143 I, 1-2.

> Quả thật, ông nghĩ rằng tài hùng biện của con người, so với tài hùng biện của Thiên Chúa, chỉ là sự bất lực trong lời nói và, đồng thời vì bản tính thận trọng, ông lùi lại trước nhiệm vụ quá sức này, cho rằng những gì quá lớn lao thì vượt quá tầm của mình, và ông thỉnh cầu Thiên Chúa hãy chọn một người khác có thể dễ dàng hoàn thành từng sứ mệnh của Ngài [144].

Đến cuối Quyển I, quyển dài nhất trong cuộc đời này kết thúc tại Môáp, Philô kết luận :

> Như vậy, người ta đã cho thấy tất cả những gì Môsê đã làm với tư cách là một vua. Giờ đây cần phải cho thấy, nói ra tất cả những điều tốt đẹp ông đã hoàn thành trong vai trò thượng tế và nhà lập pháp ; quả thật, đó là những quyền lực ông đã sở hữu vì chúng hài hòa một cách tốt nhất với quyền bính vương giả [145].

Môsê là một nhà lập pháp nguyên bản và với ông, vấn đề không phải là đặt nền móng cho một hệ thống luật pháp bằng cách mô tả việc thành lập một thành phố đơn thuần. Ông bắt đầu bằng

> Sách Sáng Thế của Thành Đô vĩ đại, trong suy nghĩ rằng các bộ luật là hình ảnh giống nhất với hiến pháp của vũ trụ. Nếu người ta chịu khó xem xét chính xác đức tính của các

144 I, 83, bản dịch R. Arnaldez, C. Mondésert, J. Pouilloux, P. Savinel, Sources chrétiennes 22, Paris 1967, tr. 65.

145 I, 334.

> mệnh lệnh liên tiếp, người ta sẽ khám phá ra rằng nó có khuynh hướng hòa nhập với sự hài hòa phổ quát và phù hợp với hệ thống của bản tính vĩnh cửu [146].

Môsê cũng là thượng tế. Chính tại Sinai, ông đã được khai tâm vào các mầu nhiệm. Là một tiên tri, ông đã tuyên các sấm ngôn «được Thiên Chúa đưa ra ngoài chính mình [147]», khi thốt lên những lời «vượt quá mọi hy vọng», ban cho dân chúng sự tin tưởng khi vượt qua Biển Đỏ, ban manna cho những kẻ đói ăn và, cuối cùng, tiên đoán cái chết của chính mình [148].

Không lâu sau Philô, một sách ngụy thư, sách IV được gọi là Étra, nhấn mạnh tính chất bí mật của một số mặc khải được ban cho Môsê. Thiên Chúa phán : «Ta đã kể cho nó nghe nhiều điều kỳ diệu, cho nó thấy các bí mật của thời gian và cùng tận thời gian, và đã truyền lệnh này cho nó : Hãy công bố những lời này, nhưng hãy giấu kín những lời kia [149]». Một sách ngụy thư khác, gọi là «Sách Mông Triệu của Môsê», cũng có từ thế kỷ I sau CN và được tìm thấy kèm với một «Chúc Thư của Môsê», tôn vinh ông đến mức dành cho ông vị trí của Đấng Mêsia. Ông đã được tiền định để làm trung

146 II, 51-52.
147 II, 250.
148 II, 291-2.
149 Thị kiến thứ 7, XIV 3-6.

gian của Giao Ước trước khi tạo dựng thế giới. Là trung gian, ông cũng là người chuyển cầu, ngay cả sau khi chết. Thế giới đã không xứng đáng để giữ lại thân xác của ông. Ngôi mộ của ông là toàn thể vũ trụ, từ đông sang tây [150]. Tân Ước vang vọng điều này trong Thư của Giuđa (c. 9) khi ám chỉ đến các thiên thần tranh giành thi thể của Môsê. Trong tác phẩm của Pseudo-Philôn, Môsê có những nét của Người Tôi Tớ của Thiên Chúa (Is 40-55) : ông chiếu sáng thế giới và xét xử nó.

> Các thiên thần đã khóc cái chết của ông. Những tia chớp, ánh sáng và mũi tên, tất cả cùng nhau đi trước ông. Ngày hôm đó, thánh ca của các đạo binh thiên quốc đã không được cất lên, vì sự ra đi của Môsê. Đã không có một ngày như thế kể từ khi Thiên Chúa tạo dựng con người, và sẽ không bao giờ có nữa... Vì Thiên Chúa yêu thương ông rất nhiều và đã chôn cất ông bằng chính tay Ngài trên một nơi cao của mặt đất trong ánh sáng của toàn thế giới [151].

Trên mảnh đất màu mỡ này, truyền thống rabbi (rabbinic), Haggada, đã đơm hoa kết trái. Môsê được bao quanh bởi một hào quang của những điều kỳ diệu. Ông được báo trước bởi những giấc mơ, được tiên đoán bởi các pháp sư. Mẹ ông sinh nở không đau đớn, «bằng

150 12, 8.

151 Cổ vật Kinh Thánh, XIX, 16, bản dịch của J. Cazeaux, Nguồn Kitô giáo số 229, Paris 1976, trang 165. Lời giới thiệu của C. Perrot và M. Boghaert.

chứng cho thấy những phụ nữ công chính không bị liên lụy bởi sắc lệnh chống lại Evà» (R. Juda). Ông sinh ra đã được cắt bì, điều này giải thích tại sao ông không phải làm nghi thức đó. Núi Khôrép chuyển động khi ông đến gần, và cần phải đọc trong Legends of the Jews (Các Truyền thuyết của người Do Thái), được sưu tập bởi L. Ginzberg, để thấy sự mô tả về ngọn lửa của bụi gai cháy. Ở đó cũng mô tả những biến đổi mà thân thể Môsê phải chịu khi thiên thần Metatron dẫn ông đến trước ngai thiên quốc. Trí tưởng tượng tràn đầy, nhưng luôn hướng về điểm tinh túy của câu chuyện nơi xác định thân phận con người trước mặt Thiên Chúa.

Môsê là người của Thiên Chúa, nhưng cũng là «Tôi Tớ của Thiên Chúa vì Israel». Tại sao ông chết trong sa mạc ? - «Để nhờ cái chết của ông, thế hệ sa mạc được trở lại.» Môsê biện hộ cho Israel, ông đau khổ và chết với Israel. Ông là mục tử trung tín.

Môsê đã được Thiên Chúa thử thách bằng những con chiên. Các rabbi của chúng tôi dạy rằng khi Môsê, thầy của chúng tôi - nguyện bình an ở với ngài - chăn đàn chiên của Jéthro trong sa mạc, một con chiên con nhỏ đã chạy trốn. Ông chạy theo nó cho đến khi con chiên con tới được một nơi có bóng râm. Khi nó đến được nơi có bóng râm đó, một vũng nước xuất hiện, và con chiên con dừng lại để uống. Khi ông đến gần nó, Môsê nói với nó : Ta không biết là ngươi chạy trốn vì khát ; hẳn là ngươi

mệt rồi. Vì thế ông đặt con chiên con lên vai và ông đi. Bấy giờ Đấng Thánh - chúc tụng Ngài phán với ông : Bởi vì ngươi đã có lòng thương xót khi dẫn dắt đàn chiên của một người, ngươi có thể chăn dắt đàn chiên của Ta là Israel [152].

Chính qua ông mà món quà của Lề Luật, Torah, đã được ban tặng, sau một thời gian chờ đợi, trước hôn lễ của Thiên Chúa và dân Israel. Ông không phải là Đấng Mêsia, nhưng ông là hình ảnh tiên trưng của Đấng Mêsia. Đã có bốn đêm

> được ghi trong sách Ký Ức, trước mặt Chúa Tể của vũ trụ. Đêm thứ nhất là đêm Thiên Chúa mặc khải chính mình khi tạo dựng thế giới. Đêm thứ hai là đêm Ngài mặc khải cho Abraham. Đêm thứ ba là đêm Ngài biểu lộ tại Ai Cập. Môsê sẽ vẫn hiện diện ở đêm thứ tư, trong cuộc giải phóng sau hết [153] : «Môsê sẽ đi ra từ giữa sa mạc, đức vua Mêsia từ giữa Rôma : người này sẽ bước đi trên đỉnh mây, người kia cũng sẽ bước đi trên đỉnh mây, và Lời của Chúa Tể sẽ phát ra giữa hai người. Đó là đêm Vượt Qua [154].»

Phải tin Môsê như chính Thiên Chúa, sách Mekilta tóm lại. Ông không nói tự mình (19, 9). Vì thế phụng

---

152 Ex Rabba, 2, 2, bản dịch của R. Bloch trong cuốn Môsê, Người của Giao Ước, nguồn đã dẫn, trang 139.

153 Targum của Jerusalem về Xh 12, 42.

154 R. Le Déaut, Đêm Vượt Qua, Roma, 1963, các trang 122–124.

vụ hội đường dành cho ông một vị trí rộng lớn : các kinh nguyện ban mai, hoặc các kinh nguyện thống hối hằng ngày. Ông được tôn vinh cách đặc biệt trong các thánh thi hoặc piyyutim (thánh ca) của những ngày lễ, và trong các kinh nguyện như lời chúc phúc này trong ngày sabát của tuần bát nhật Lễ Vượt Qua :

> Môsê vui mừng khi phần của mình (Torah) được ban cho vì Ngài đã gọi ông là Tôi Tớ trung tín. Ngài đã đặt trên đầu ông một vương miện vinh quang khi ông đứng trước Nhan Ngài trên Núi Sinai. Trong tay, ông đã đem xuống hai tấm bia đá trên đó có ghi khắc việc tuân giữ ngày Sabát.

MÔSÊ TRONG TRUYỀN THỐNG HỒI GIÁO

Trên nhiều điểm, Môsê của kinh Qur'an tương ứng với Môsê của truyền thống Do Thái này. Giống như Kinh Thánh, kinh Qur'an kể lại cách Môsê được thả trên Sông, cách ông phải chạy trốn sau khi giết người Ai Cập. Người ta đọc ở đó các đoạn về bụi gai cháy, các dấu lạ, các tai ương, và việc vượt qua Biển Đỏ. Có ám chỉ đến các cuộc nổi loạn trong sa mạc. Nhưng ở đây và ở kia, những nét đặc thù được thêm vào. Trong Chương XVIII (59-82) được tụng vào thứ Sáu và nhắc lại phép lạ Bảy Vị Thánh Ngủ ở Êphêxô, dấu chỉ của Sự Phục Sinh, có đề cập đến một cuộc hành trình của Môsê «tại

nơi hợp lưu của hai Đại Dương» nơi lòng kiên nhẫn của vị anh hùng bị thử thách. Trước mặt pharaon, Môsê bị coi là kẻ lừa đảo và phù thủy. Chính sau khi cũng bị dân chúng coi là kẻ lừa đảo mà ông quay về với Thiên Chúa ; Đấng ấy đã báo thù cho ông bằng cách kết án dân chúng bốn mươi năm trong sa mạc.

Trong kinh Qur'an, người ta nói về Môsê nhiều hơn về Abraham và Jesus (Isa). Nhưng ông được xếp đúng chỗ của mình trong dòng dõi các tiên tri ; như các tiên tri khác, ông nhắc lại thuyết độc thần : «Các ngươi không có thần nào khác ngoài Allah. Không có thần nào khác ngoài Ngài ! Ngài bao trùm mọi sự trong Khoa Học của Ngài» Môsê có sứ mệnh nói lên Thiên Chúa là ai và, trong các cuộc đối thoại, người ta tìm thấy những câu châm ngôn như thế này : «Chúa Tể của các thế giới là Chúa Tể của các tầng trời và mặt đất và những gì ở giữa chúng. Sao các ngươi không thuyết phục ?» (xxVI, 24) Nhưng giữa các tiên tri khác, ông có một sứ mệnh đặc biệt. Ông truyền lại Tawrat (torah) và sách này bao gồm không chỉ Lề Luật, mà toàn bộ Cựu Ước. Giống như kinh Qur'an, và giống như Tin Mừng, đó là một furgân (furqan), một sứ điệp cứu độ. Đó là một mệnh lệnh (amr) của Thiên Chúa, đó là một Lời (kalimat) là chân lý và là ánh sáng chỉ đường, một lời nhắc nhở lành mạnh (dhikr), một ánh sáng và một lòng thương xót

(XI, 20).

Về mặt cá nhân, ông là một sứ giả (rasül) như Muhammad. Ông được mô tả là trung tín, cao quý, chân thành và tận tụy. Còn hơn thế nữa, và như Y. Moubarac nhấn mạnh [155], ông là người bạn thân tín của Thiên Chúa ; với danh nghĩa đó, ông đã được đặt ở rất gần Thiên Chúa. «Còn Môsê, Thiên Chúa đã nói chuyện với ông bằng chính ngôn từ của Ngài» (IV, 161-2) ngay cả khi trước mặt Thiên Chúa, Môsê ngã xuống như bị sét đánh, kinh hoàng sửng sốt trước vinh quang thần linh (VII, 139). Ông nghe Thiên Chúa phán với mình : «Hỡi Môsê, Ta đã chọn ngươi giữa loài người (hoặc, «cho nhân loại») với sứ điệp và Lời (kalam) của Ta.» Môsê trong kinh Qur'an là một hình ảnh của sự kết hợp với Thiên Chúa (Moubarac). Do đó, hơi thở thần bí sẽ dành cho ông một vị trí riêng biệt để mô tả cuộc hành trình tiến về Thiên Chúa và cuộc chiến đấu thiêng liêng chống lại Iblis, Satan của Hồi giáo (L. Gardet [156]).

---

155 «Moïse dans le Coran», trong Moïse homme de l'alliance, sách đã dẫn, tr. 373-392.

156 Ibid, tr. 393-402.

TRUYỀN THỐNG KITÔ GIÁO

Cuộc tranh luận giữa các tín hữu Kitô giáo và Do Thái giáo về giá trị của Lề Luật không được làm chúng ta quên đi địa vị cao quý mà truyền thống Kitô giáo công nhận cho Môsê. Ngay từ trước, trong nhiều dịp, Đức Kitô trong các sách Phúc Âm Nhất Lãm đã viện dẫn đến Môsê : «Họ đã có Môsê và các Tiên tri, thì họ hãy nghe các vị đó !» (Luca 16, 29). Khi người thanh niên giàu có muốn chất vấn Chúa Giêsu về sự sống đời đời, trước tiên Đức Kitô trả lời bằng cách viện dẫn đến các giới răn, dù không nêu đích danh tên Môsê (Mc 10, 17-22). Ngài long trọng tuyên bố : «Các kinh sư và các người Pharisêu ngồi trên toà ông Môsê mà giảng dạy. Vậy, tất cả những gì họ nói, anh em hãy làm, hãy giữ tất cả những gì họ nói…» (Mt 23, 2-3) Đúng vậy, đôi khi người ta giải thích sai lời của Môsê : «Môsê đã dạy rằng : … 'Hãy thờ cha kính mẹ' và 'kẻ nào nguyền rủa cha mẹ, thì phải bị xử tử !' Còn các ông, các ông lại bảo… và như thế các ông dựa vào truyền thống các ông đã truyền lại mà huỷ bỏ lời Thiên Chúa» (Mc 7, 10-13). Thẩm quyền của Môsê vẫn nguyên vẹn ngay cả khi hồng ân của Đức Kitô thì trổi vượt hơn hồng ân của Môsê. Điều này được nhấn mạnh trong sách Phúc Âm thứ tư : «Thưa không phải Môsê đã cho các ông bánh bởi trời đâu, mà chính là Cha tôi cho các ông bánh bởi

trời, bánh đích thực, vì bánh Thiên Chúa ban là bánh từ trời xuống, bánh đem lại sự sống cho thế gian» (Ga 6, 32-33). Trong cuộc Biến Hình, Môsê là nhân chứng. Theo Thánh Luca (24, 27) và Thánh Gioan (5, 39, 47) Môsê đã viết về Đức Kitô và chính Ngài là Đấng mà Kinh Thánh được giải thích cho đúng nói tới.

Ngay trong Tân Ước đã phác thảo một kiểu mẫu về Môsê như là hình bóng của Đấng Mêsia. Như thế, Thư gửi tín hữu Do Thái nói với chúng ta :

> Bởi tin, khi đã trưởng thành, Môsê từ bỏ danh hiệu là con của công chúa Pharaô, thà cùng chia sẻ nỗi đau khổ với dân Thiên Chúa còn hơn là hưởng niềm vui chóng qua của tội lỗi ; ông coi khinh nhục vì Đấng Kitô là của cải quý hơn các kho tàng của Ai Cập… (Dt 11, 24-26).

Cũng như các tín hữu Kitô giáo đã được thanh tẩy trong (eis) Đức Kitô, trong cái chết và sự phục sinh của Ngài, những người Do Thái trong cuộc Xuất Hành đã được thanh tẩy trong (eis) Môsê (1 Cr 10, 1-11), thánh Phaolô nói. Môsê đã là trung gian của Lề Luật (Gl 3, 19), trung gian của giao ước đầu tiên, hình bóng của giao ước vĩnh cửu của Thiên Chúa với nhân loại. Torah do Môsê mang đến là dứt khoát, không còn Torah mới nào nữa, nhưng Đức Kitô là vị ngôn sứ giống như Môsê, đã được Đệ Nhị Luật (18, 15) loan báo và thẩm quyền

của Ngài thì trỗi vượt hơn thẩm quyền của Lề Luật, là người hướng dẫn dẫn đưa tới Đức Kitô (Gl 3, 24).

Dù chúng ta xem xét các truyền thống Kitô giáo khác biệt nhất, Syria, Hy Lạp hay Latinh, chúng ta cũng thấy hình ảnh Môsê được tôn vinh [157]. Ở các tác giả Syria, Aphraate lấy lại các chủ đề của Thư gửi tín hữu Do Thái và ca ngợi đức tin của Môsê trong suốt các phép lạ của cuộc Xuất Hành. Ông là «mẫu mực nguyên thủy của mọi chân lý [158]». Chính ông là người thực hiện «sự ăn chay trong sạch», «sự thanh sạch của tâm hồn», «sức mạnh của lời cầu nguyện», và «sự trinh khiết được thánh hiến» sau biến cố thần hiển trên Sinai. Môsê chịu sự bách hại và Aphraate kết thúc một sự so sánh song song dài giữa Môsê và Chúa Giêsu bằng những lời này: «Môsê lên núi và chết ở đó, Chúa Giêsu lên trời và ngự bên hữu Thiên Chúa.» Một Giáo Phụ Syria khác, thánh Ephrem, thực hiện một bản dịch cuộc Xuất Hành trong đó ngài mở rộng đôi chút bản văn Kinh Thánh. «Ánh sáng, chính trên Dòng Sông mà ông đã thấy nó lần đầu

157 K. và U. Schubert, Sự cứu thoát Môsê khỏi dòng nước sông Nin trong nghệ thuật Do Thái cuối thời cổ đại và sự ảnh hưởng tiếp tục của mô-típ này trong nghệ thuật Kitô giáo sơ kỳ và nghệ thuật Do Thái Trung Cổ, trong Studien zum Pentateuch W. Kornfeld zum 60. Geburtstag, Viên, 1977, trang 59–68.

158 R.-M. Tonneau, «Môsê trong truyền thống Syria», trong Cahiers Sioniens, sách đã dẫn, trang 246-251.

tiên, ông là người đã bị ném xuống sông để bị tước mất ánh sáng.» Ông đã thấy gì trên Sinai ? «Bất cứ điều gì Môsê đã thấy, ông biết rằng ông không thấy. Vị Hiền Triết đó đã không thoát khỏi việc nhận ra rằng Chủ của ông đã mặc lấy những sự tương đồng được mượn [159].»

Từ truyền thống Hy Lạp, chúng ta sẽ đặc biệt ghi nhận điều mà J. Danielou đã khai thác từ tác phẩm của Grégoire de Nysse. Cuộc Đời Môsê [160] đối với Grégoire là mẫu mực của đời sống hoàn hảo.

> Ông đã tự nguyện khước từ phẩm giá vương giả, như một hạt bụi bám vào chân mình. Ông lưu đày bản thân bốn mươi năm khỏi sự giao du với loài người, sống một mình đối diện với chính mình, và không ngừng chuyên chú trong sự tĩnh lặng vào việc chiêm niệm những thực tại vô hình. Sau đó, ông được chiếu sáng bởi ánh sáng khôn tả (bụi gai cháy) và

159 Ibid., tr. 263. P. Feghali cung cấp cho tôi một số bản văn hay khác : «Họ thấy Môsê và Êlia. Người khiêm nhường từ vực sâu đi ra, người nhiệt thành từ chốn cao đi ra và Người Con ở giữa» (về cuộc Biến Hình). «Chiến thắng mà Giosuê, người trinh khiết, đã giành được, Môsê, vị thánh, đã ban nó cho ông. Khi ông giơ tay lên, người kia đã có chiến thắng…» Với Đức Kitô : «Kính chào, Lạy Chúa các mục tử, cây gậy của Môsê ngợi khen cây gậy của Ngài ; hỡi mục tử của tất cả»…

160 Grégoire de Nysse, Suy niệm về cuộc đời Môsê. Lời giới thiệu và bản dịch của J. Danielou, Nguồn Kitô giáo số 1, Paris, 1941.

lột bỏ đôi chân linh hồn mình khỏi lớp phủ bằng da chết. Ông giải phóng Israel khỏi ách bạo chúa bằng lửa và bằng nước. Sau cuộc ra khỏi Ai Cập, toàn bộ cuộc đời ông như một ngày duy nhất kéo dài. Quả thật, sau hành trình ban ngày (của mặt trời) một ánh sáng khác, được tạo ra bởi đám mây, tiếp nối vẻ rực rỡ của các tia sáng của nó. Đặt mắt nhìn vào bóng tối thần linh, ông chiêm ngưỡng trong đó Đấng Vô Hình. Đức tin của ông, như câu chuyện kể lại, rất cao cả ; khi đạt đến đỉnh núi, ông không để lại dưới ánh mặt trời bất kỳ dấu vết hay đài kỷ niệm nào về sự khốn cùng trần thế của mình, thời gian không làm phai mờ ánh sáng vẻ đẹp của ông nhưng ông bảo tồn một vẻ đẹp bất biến trong một bản tính hay thay đổi.

Toàn bộ cuộc đời ông là một «sự tiến bộ thiêng liêng», một sự thăng tiến không ngừng, «cơn khát không bao giờ được thoả, càng nuốt chửng linh hồn nhiều hơn khi nó tiến gần hơn đến Thiên Chúa» (J. Danielou). Đôi tay giương ra của Môsê cầu nguyện trên đồi là hình bóng của đôi tay Đức Kitô giương ra trên thập giá. Khuôn mặt của Môsê được biến hình, là sự báo trước vinh quang của Đức Kitô đã được biểu lộ trong cuộc Biến Hình.

Người ta hiểu tại sao nghi thức Byzantine sẽ có một lễ kính Môsê với các stichère (thánh thi) như thế này :

Ngài đã chiêm ngưỡng trong cơn bão Đấng Vô Thể, và trong bóng tối Đấng Vô Vật Chất, trong chừng mực có thể, lạy Môsê ! Một vinh quang cao cả hơn đã làm ngài nên giống

> Thiên Chúa, ngài đã phục vụ như nhà lập pháp cho Israel phần xác. Tinh thần trần thế không có bản tính để thấu hiểu những điều thần linh, do đó ân sủng được ban cho những ai chiêm niệm những thực tại quá cao vời... Sau khi lên núi của Ta như lên trời theo lệnh Thiên Chúa, ngài đã chiêm ngưỡng trong tinh thần dưới chân mình vùng đất mà những người hiền lành sẽ vào, lạy Đấng Rất Khôn Ngoan. Ngài đã kinh nghiệm hạnh phúc của lời hứa. Nhà Tạm của ngài đã được chuyển khỏi vùng đất này và được ẩn giấu bởi sự quan phòng thần linh.

Các Giáo Phụ Latinh sẽ vang vọng lại. Khía cạnh về Môsê dường như gây ấn tượng mạnh nhất đối với Ambroise hay Augustinô, đó là vai trò lãnh đạo và những phẩm chất đạo đức mà nó đòi hỏi. Môsê là một người dẫn dắt dân chúng. Ông có «sự kiên trì sẽ tạo nên chiến thắng [161]». Quá nóng nảy thời trẻ, người ta chỉ có thể trách ông khi ông giết một người Ai Cập để trả thù cho người anh em của mình. «Đó là một khuyết điểm cần phải cắt bỏ hoặc nhổ bỏ ; và tuy nhiên một tấm lòng lớn lao như vậy, như một mảnh đất màu mỡ, đã thích hợp để sản sinh ra các nhân đức [162]». Nóng nảy, nhưng là một thủ lĩnh biết khiêm nhường. «Được ưu

161 A. Luneau, «Môsê và các Giáo phụ Latinh», Cahiers Sioniens, sách đã dẫn, trang 283-304. Cahiers Sioniens, sách đã dẫn, trang 311.

162 C. Faustum, 22, 16.

ái những cuộc trò chuyện với Thiên Chúa, ông không khinh thường và không coi thường lời khuyên của cha vợ mình, một người ngoại bang.» Ông cầu thay nguyện giúp cho Pharaô, ông cầu thay nguyện giúp cho chính dân của ông, những kẻ phản nghịch. «Bị xúc phạm, ông dịu dàng gọi họ, ông an ủi họ trong những lao nhọc, khích lệ họ bằng các lời sấm của mình... Một cách chính đáng, người ta thấy nơi ông một biệt danh... Vì ông đã gắn bó dân chúng bằng sự mến phục dành cho sự dịu dàng của ông hơn là bằng sự ngưỡng mộ mà các kỳ công của ông gợi lên.» Ông gắn bó với dân này và từ chối một dân khác khi Thiên Chúa đề nghị với ông.

Ông là thủ lĩnh với tư cách là tôi tớ của Thiên Chúa. Do đó «chính dựa trên lời chân thật của Thiên Chúa mà chúng ta yêu mến tôi tớ của Ngài là Môsê, chúng ta ngưỡng mộ ông, chúng ta bắt chước ông trong chừng mực chúng ta có thể, nhận thức mình thua kém ông rất nhiều». Là tôi tớ của Thiên Chúa, ông cũng là một «nhà thần học vĩ đại, người đã công bố Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và các tác phẩm của ông giữ vị trí hàng đầu trong số các sách quy điển [163]». Ông dẫn dắt dân của mình bằng trái tim và trí tuệ, nhưng ông đặt Lời Thiên Chúa lên trên hết.

---

163 Thành Đô Thiên Chúa, 8, 37.

Là một nhà thần học, ông cũng là một nhà thần bí. «Vậy theo Kinh Thánh, ông đã chết, thánh Ambrôsiô nói, bởi Lời Thiên Chúa chứ không theo lời đó, để cho anh chị em nhận ra không phải là sự loan báo về cái chết, mà là hồng ân của ân sủng hiện diện trong đó… Thân xác của ông được an nghỉ hơn là được chôn cất trong một ngôi mộ.» Ông là bạn của Thiên Chúa, là tiền thân và hình ảnh của Đức Kitô, cũng là hình ảnh của dân Ngài và của đời sống hoàn hảo mà người Kitô hữu nên sống để đạt tới Thiên Chúa và chiêm ngưỡng Thiên Chúa. Sau hết, chúng ta hãy trích dẫn thánh Grêgôriô Cả :

> Thường xuyên, Môsê vào trong Nhà Tạm và lại ra. Ông được đưa lên trong nội tâm tới chỗ chiêm niệm, ông bận bịu bên ngoài với việc chăm sóc những kẻ yếu đuối. Ông chiêm ngưỡng bên trong các mầu nhiệm của Thiên Chúa, ông gánh chịu bên ngoài những yếu đuối của những người còn theo xác thịt. Ông luôn trở lại Nhà Tạm trong những điều nghi nan, thỉnh ý Chúa trước Hòm Bia Giao Ước, và như thế chắc chắn nêu gương cho các mục tử để, nếu họ phân vân về cách họ phải hành động trong những sự việc bên ngoài, họ trở lại trong tinh thần của chính mình như trong một nhà tạm, thỉnh ý Chúa như thể đang ở trước Hòm Bia Giao Ước,

và tìm kiếm bên trong chính mình cuốn sách của lời thần divin [164]

164 Regula Pastorum (Quy Tắc Mục Tử) II, 5, bản dịch của J. Chatillon. Xem thêm R. Martin-Achard, E. Starobinski-Safran, F. Bovon, E. Junod, Y. Christe, F. Wülst, P. de la Caprona, M. Faenler, Hình ảnh của Môsê. Kinh Thánh và những lần đọc lại, Neuchâtel, 1978.

Lời Kết

Chúng tôi đã cố gắng thực hiện một cuộc hành hương đích thực để tìm kiếm Môsê và chúng tôi đã mời các độc giả của mình cùng tham dự. Chúng tôi đã gắn bó cách trìu mến với bản văn Kinh Thánh và những gồ ghề của nó như với những chiếc đinh móc cho phép leo lên những đỉnh cao khó khăn. Chúng tôi cũng đã thu thập các chứng tích Ai Cập, Lưỡng Hà, Phênixi và Ả Rập cho phép định vị các truyền thống Kinh Thánh trong không gian và thời gian. Cuối cùng, vẫn còn phải đặt ra cho mình câu hỏi : Môsê mang lại điều gì cho nhân loại ? Chúng ta vừa đọc những gì các tín hữu Do Thái, Hồi giáo và Kitô giáo nhìn nhận mắc nợ ông. Trong thế kỷ của phê bình và tự phê bình này, khi những khám phá lịch sử và xã hội học phơi bày lương tâm con người trước sự trở thành của thế giới, con người có thể tìm thấy nơi Môsê một kinh nghiệm và một giáo huấn chăng ?

Trước hết, Môsê sẽ nhắc nhở con người rằng để thực hiện một công trình có giá trị trên thế gian này, cần phải có cái nhìn đầu tiên hướng về Thiên Chúa của Abraham và của các tổ phụ. Thiên Chúa này không phải là một hữu thể vũ trụ, chính trị hay tâm lý. Đó là Thiên Chúa

của từng người [165], ẩn giấu trong sâu thẳm lương tâm của họ, Đấng thúc đẩy họ đến niềm hy vọng và sự tín thác vào sự sống mà họ đã lãnh nhận. Ngay cả khi bị đè bẹp bởi các thế lực mà mình phải đương đầu, con người tìm thấy nơi Thiên Chúa của Abraham, Đấng cũng là Thiên Chúa của mình, Thiên Chúa của những lời hứa mà mình trao ban đức tin. Cùng với Môsê, người ta sẽ không xây dựng tháp Babel, cũng chẳng xây kim tự tháp Ai Cập ; trước khi xây dựng vương quốc, đế chế, hay ngay cả các nền cộng hòa, trước tiên người ta lắng nghe một Đấng Khác trong sâu thẳm chính mình, Đấng nhắc nhở các quyền lợi của người thân cận.

Môsê còn cho nhiều hơn thế. Với ông, mỗi người có thể khám phá ra rằng mình không đơn độc sống và hành động trong sự tín thác và hy vọng này. Vượt trên lương tâm cá nhân và các mối ràng buộc gia đình, có thể có một dân tộc của Thiên Chúa. Vì không có dân tộc nào mà không có một luật lệ để cấu trúc nó bằng cách xác định các mối quan hệ xã hội, đó là vấn đề của đời sống xã hội mà con người gặp phải với Môsê. Các cộng đồng xuất phát từ Thiên Chúa của Môsê sẽ có cả một bộ luật, dù là luật Do Thái, kinh Koran hay Kitô giáo. Nhưng đó là một Torah mà con người tìm thấy với Môsê, chứ không phải một trong những luật lệ mà mọi dân tộc

165 Xem tr. 34, chú thích 24 về Thiên Chúa của Abraham.

đều có và phải chịu đau khổ ngay cả khi họ hưởng lợi từ chúng. Trong Torah của Môsê, con người tìm thấy một luật lệ bảo đảm sự hiện hữu xã hội của mình mà không bị nô lệ vào các bản văn mà một lối lý luận thuần ngôn từ biến thành bất công ; các luật lệ được lồng vào trong các trình thuật và trong một lịch sử. Trong Torah của Môsê, các bộ luật được điều chỉnh cho phù hợp với những hoàn cảnh thay đổi của đời sống dân tộc, ít nhất là để trung thành với mặc khải tại Khoreb, núi của Thiên Chúa và Sinai.

Điều đó giải thích cấu trúc của Torah này, thoạt nhìn có vẻ đáng ngạc nhiên. Chúng ta đã thấy Môsê biến đổi Torah ngay khi còn sống thành giao ước tại xứ Moab. Trong khi nhìn nhận tính vĩnh cửu của Torah của Môsê, các rabbi thuộc Trường phái Hillel đã hoàn toàn hiểu được khả năng thích ứng của nó. Rõ ràng hơn họ, giờ đây chúng ta biết rằng, dưới tác động của các Ngôn sứ giống như Môsê, bộ luật giao ước đã trở thành bộ luật quyết định, luật về sự thánh thiện và bộ luật tư tế. Điều đó không làm cho Torah kém phần luôn luôn tiếp tục điều hành dân tộc giữa các Đế chế Cổ đại và Trung Cổ. Do đó, nền thần học về «Torah truyền khẩu bao trùm Torah thành văn, đón nhận, truyền đạt và giải

thích Torah thành văn [166]». Từ đó đã ra đời các Talmud và midrash với sự tinh tế và khôn ngoan của chúng.

Kinh Koran đã nhìn nhận tính ngôn sứ của «Tawrat» (Torah) của Môsê. Nhưng, với tư cách là luật lệ, đối với nó, Torah chỉ riêng cho dân tộc Do Thái ; luật Koran đã hoàn tất Torah cách dứt khoát và ban cho nó một tính phổ quát, mặc dù bản thân luật này cũng cần một khoa luật học để thích ứng và phân chia thành các trường phái.

Đối với Kitô hữu, Torah của Môsê luôn có giá trị với điều kiện được giải thích cho đúng. Nó tạo thành nomos (luật) của dân tộc Do Thái, luật của họ, điều cho họ đặc tính riêng và bảo đảm họ chống lại sự đồng hóa đơn thuần vào các xã hội loài người. Mặt khác, Torah được hoàn tất nơi con người của Giêsu Kitô, Đấng đảm nhận trong chính mình các thể chế nền tảng của luật này ; Ngài là Vua, Thẩm Phán, Tư Tế và Ngôn Sứ (Đnl 17-18).

Ngày nay, để quan tâm đến Môsê, cần phải ý thức rằng tương lai bắt rễ trong quá khứ, cần phải muốn tham gia vào việc xây dựng một xã hội thực sự nhân

166 P. Lenhardt, «Những con đường của sự liên tục Do Thái», trong Nghiên cứu Khoa học Tôn giáo, 1978, tập 66, số 4, trang 493.

bản và sau cùng cần phải say mê «Hữu Thể» ẩn giấu trong vũ trụ, Đấng ban cho vũ trụ vẻ đẹp của nó, cũng ẩn giấu trong con tim con người, Đấng khơi dậy sự tự do của con người. Một số bộ phim hoành tráng cho thấy Môsê không bị lãng quên. Nhưng Môsê mà chúng ta thoáng thấy trong cuộc tìm kiếm này không thống trị các dân tộc hay các thế lực của thế gian này. Ông phục vụ Đấng «Hiện Hữu» (Xh 3,14), Đấng Duy Nhất có quyền làm chủ đó. Chính Môsê là một người «hiền lành» và «khiêm nhường» (‘anaw Ds 12, 3).

Nếu có một nét trong tính cách của Môsê dường như nổi bật lên giữa sự phức tạp của các truyền thống và các bản biên soạn nói về ngài, thì đó là lòng trung tín» (Ds 12, 7). Thành công duy nhất mà người đàn ông này biết đến khi còn sống là một cuộc chạy trốn.

Vị «cảnh báo [167]» này chưa bao giờ chiến thắng. Nhờ lòng trung tín, ngài đã đi đến ngưỡng cửa của Đất Hứa. Ngài đã truyền lại các lời hứa nguyên vẹn, và vai trò trung gian [168] của ngài vẫn sống động để vượt qua ngưỡng cửa.

---

167 Ở đây không thể không nhắc đến dhikr (ghi nhớ, tưởng niệm) trong kinh Qur’an.

168 Gl 3, 19-20.

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu 4

Chương I - Tại Ai Cập 12

Chương II - Madian Và Ơn Gọi 45

Chương III - Cuộc Xuất Hành 75

Chương IV - Ngọn Núi Thánh
Và Mười Điều Răn 109

Chương V - Môsê, Aaron Và Êđôm 143

Chương VI - Cadès Và Sinai 166

Chương VII - Việc Thiết Lập
Trong Các Thảo Nguyên Mô-Áp 189

Chương VIII - Môsê Xuyên Suốt Các Thế Kỷ 210

Lời Kết 230

Môsê có phải chỉ là một nhân vật huyền thoại ? Hay có thể định vị ngài giữa các dân tộc, trong không gian và thời gian ? Đó là đối tượng của tác phẩm này, kết hợp giữa nghiên cứu địa hình - chính tác giả đã tự mình theo dấu chân của Vị Ngôn Sứ trên bán đảo Sinai - và phân tích văn chương của các truyền thống cổ xưa được ghi chép trong Kinh Thánh.

Từ khi sinh ra cho đến lúc chết, từ bờ sông Nile đến các thảo nguyên Mô-áp, chúng ta có thể theo dõi hành trình và cuộc hành trình của vị đã là Đấng Sáng Lập Dân Thiên Chúa và là Tiền Hô của Đấng Mê-si-a.

Henri Cazelles, linh mục thuộc Hội Linh mục Saint-Sulpice, là Tiến sĩ Luật, tốt nghiệp Trường Khoa học Chính trị và là Tiến sĩ Thần học. Ông là giáo sư tại Học viện Công giáo từ năm 1954 và là Giám đốc Nghiên cứu tại Trường Thực hành Cao học từ năm 1973.